

Tháng 7, 2022

Trúng Độc Đắc

– Con nói rồi, mẹ làm ơn đi! Nếu mỗi lần gặp con mẹ cứ mãi chì chiết về Mariana, con sẽ chuyển qua hãng khác và dọn khỏi Cali, mẹ sẽ không bao giờ gặp lại con đâu.

Thằng Paul nói xong đóng cửa cái rầm ròi ra lái xe chạy vút đi, bỏ mặc Bà Chánh đứng sững sờ. Nhìn những món bánh trái chuẩn bị cho ngày giỗ ông nội Paul vào cuối tuần, bà lắc đầu ngao ngán. Nếu vợ thằng Paul là người Việt, giờ này nó sẽ phụ bà gói bánh, làm xôi chè, giò thủ... Vợ chồng bà vất vả nuôi thằng Paul khôn lớn ăn học thành tài vậy mà giờ nó đành trở mặt.

Tình mẹ con của bà và Paul rạn nứt mấy năm nay chung quy cũng tại con nhỏ Mễ đó. Bà biết, sống trên đất nước Hiệp Chúng phải hòa đồng cùng tất cả mọi người, vì bà từng làm việc trong hãng Mỹ tiếp xúc với đủ mọi sắc dân. Mỗi lần có ai xâm xì phê phán những cuộc hôn nhân “ngoại chủng” bà đều tỏ vẻ phản đối, chê người ta là lạc hậu.

Nhưng đó là chuyện thiên hạ. Thằng Paul là con trai độc nhất của bà. Từ lâu bà thêm có một cô cháu người Việt để mẹ con hủ hỉ, mua sắm, nấu nướng cùng nhau. Bà đã gửi mua bộ áo dài cưới truyền thống Việt rất đẹp vì lời hứa làm sui với bà bạn Hinh. Không ngờ nó lại rình về nhà cô gái Mễ. Bà Chánh chê con gái Mễ “ngực bự hông to” quanh năm suốt tháng chỉ lo ăn rồi... Ờ. Bà sợ cô này cứ sồn sồn năm một, thằng con bà sẽ phải tậu một chiếc xe van trên sắp đầy những chiếc car seats; mỗi khi ra đường thằng út của bà sẽ phải cong lưng đẩy chiếc xe chất đầy con nít, mắt thì lảo liên trông chừng những đứa chạy nhảy chung quanh. Khổ thân cho thằng bé!

Bị mẹ chống đối, thằng Paul tự kết hôn rồi dọn ra ngoài. Bà Chánh giận quá cỡ, cả khi thằng cháu đích tôn Mike ra đời bà vẫn không thèm đếm xỉa tới. Có người nói bà làm quá sẽ mất luôn thằng con và đứa cháu nội, nhưng bà tin rằng “lá rụng về cội” chứ không chạy đi đâu.

Chợt nhớ hồi sáng, trước khi đi làm ông Chánh có nói tối nay ông muốn ăn cháo gà. Bà mở tủ lạnh lôi ra con gà đi bộ rửa sạch bỏ vô nồi luộc. Gà vừa sôi thì chiếc điện thoại bàn bỗng reo inh ỏi. Bà Chánh nhất máy lên, nghe cái giọng chói lói của bà Hinh:

– Này! Mua vé số đi bà! Tối nay xổ Powerball đó!

– Bà rú lộn người rồi! Bà Chánh cười lớn. Cái bà bạn này thật ngộ, hôm nay uống lộn thuốc hay sao mà lại nhè cái người từ khi qua Mỹ chưa hề biết mặt mũi con số lô tô thế nào mà rú. Bà định gát máy thì giọng bà Hinh bên kia bỗng cuống quýt:

– Chờ đã! Bữa nay số xổ to kinh khủng, lên đến hơn tỷ rưỡi lận bà ơi! Điều này rất hiếm khi xảy ra, nên người ta kéo nhau đi mua rần rật. Nghe lời tôi thử một lần đi! Bà chưa bao giờ mua, biết đâu hôm nay Thần Tài gõ cửa đó!

Bà Chánh chưa kịp nói gì, bà bạn đã bắt đầu thao thao bất tuyệt. Nào là chỉ bỏ hai đồng bạc lẻ, may ra ông bà ông vải thương mà “ị” lên đầu lên cổ một phát sẽ có hàng tỷ đô la vào nhà. Rồi thì là khi thành triệu phú bà sẽ đi làm từ thiện thả giàn, xây chùa, cất nhà thờ... Đặc biệt nếu trúng số mà chia cho người bên Việt Nam cũng sẽ được chính phủ Mỹ cấp visa qua đây lãnh.

Bị bà Hinh thuyết một hơi, bà Chánh bắt đầu nao núng. Bà ấy nói cũng đúng, tại sao mình không thử một phen. Chỉ bỏ vài đồng mà biết đâu, ừ, biết đâu ông Thần Tài viếng thật. Con số tỷ rưỡi đô-la làm cho máu đánh đề trong bà Chánh trỗi dậy.

Ngày xưa ở Việt Nam bà từng là vua số đề, cho đến khi vỡ nợ. Bà lén ông Chánh thế chấp cả ngôi nhà mà vẫn không đủ trả, cuối cùng bà đâm quần tính, rú sạch nợ đời bằng một mảnh dao

lam... May số bà chưa hết! Sự nghiệp tan tành nhưng ông Chánh vẫn tha thứ. Và từ đó bà thề không sờ mó đến cờ bạc nữa.

Nhưng mua lô tô không phải như đánh số đề. Bà Chánh tự an ủi một cách rất thông minh.

Đánh đề mà thua thì làm giàu cho bọn nhà cái, còn mua lô tô sẽ ủng hộ kiến thiết quốc gia Hoa Kỳ, tổ quốc đã cuu mang bà và gia đình mấy chục năm nay. Nghe nói chính phủ đóng thuế rất cao những vé trúng. Bà Chánh nghĩ tới đó bỗng ngạt ngừng:

– Ừa! Nghe cũng... có... lý đó, chắc là tôi phải thử một lần bà ơi!

– Có thể chứ! Tiếng bà Hinh cười hích một cách đắc thắng bên kia đầu dây. – Vậy thì đi mua ngay đi, sắp xổ rồi đó!

Bà Hinh ra về thành thạo:

– Đến đó bà có thể kêu người ta cho máy chọn, hoặc bà tự lựa năm con số từ 1 đến 69 cho hàng bánh trắng, và một con từ 1 đến 26 cho trái bánh đỏ độc đắc Powerball. Bà chọn rồi ghi sẵn ra giấy, hỏi người ta bày cho mà cà vào vé số. Nếu trúng nhớ chia cho tôi với nghe chưa!

– Chắc chắn rồi! Bà Chánh cười to sỏi sỏi. Tiền tỷ mà vào nhà, việc gì lại không dám hứa. – Để tôi chạy ra tiệm tạp hóa gần đây mua một vé. Bà gác máy rồi vội vã đi lấy áo khoác.

Đột nhiên bà nhớ, hồi tối nằm mơ thấy một con rồng ngũ sắc bay lượn trên trời rồi phun nước xuống ngập tràn cả thành phố. Mắt bà sáng lên, phải rồi, có nước là có lộc. Bà lăm lăm. Trước kia bà là “chuyên gia” bàn đề, bàn chiêm bao, và không ít lần bà bàn trúng phóc. Bà sạt nghiệp chỉ vì những lần bàn trúng thì bà mua ít mà những lần tính trật lất thì lại đánh nhiều.

Mặc áo xong bà Chánh ra ngoài, nhìn đồng hồ thấy hơn bốn giờ chiều. Sau lần bị phá sản, ông Chánh rất ghét chuyện số má, cờ bạc, không bao giờ ông đi đánh bài, dù chỉ mua vài đồng lô tô, ông mà về thì hồng chuyện. Bà chụp cây viết ghi mấy “con đề” vừa nghĩ vào tờ giấy lịch rồi xé cái rẹt, dập cửa lại, sải bước ra ngoài, lòng tràn trề hy vọng. Bà ra tới sân trước thì cái cell phone reo.

– Bà đi rồi hả? Bà Hinh hốt hải. – May mà bà đem cell phone theo!

Rồi bà nói luôn một hơi không kịp thở:

– Nè, muốn cho chắc ăn bà phải chạy xe qua thành phố gần bên, mua số ở cái tiệm tạp hóa may mắn. Tôi sẽ nhắn địa chỉ cho bà và nhắn mấy con số nhờ bà mua thêm dùm tôi, vì tôi đi không kịp. Con tôi nó nói, từ chỗ bà qua đó khoảng chừng hai chục phút lái xe, bây giờ đi vẫn còn kịp chán. Tiệm này hên lắm! Đã năm lần bán trúng lô độc đắc cho khách hàng rồi, báo đăng đầy rẫy. TV hiện giờ chiếu đi chiếu lại cho coi người ta sắp hàng dài chờ mua, và nhiều người ở tiểu bang xa cũng bay qua Cali tới cái tiệm đó mua lấy hên.

Bà Chánh nghe vậy thì rạo rức trong lòng. Chịu khó lái xe đi xa một chút nhằm nhờ gì. Khi còn làm ở hãng, mỗi ngày bà phải lái xe trên đường cao tốc cả giờ, nhiều khi kẹt xe kéo dài hai ba tiếng cũng đâu có sao. Bà vội vã ra xe nổ máy, bấm vào GPS địa chỉ bà Hinh nhắn và dọt lẹ.

Buổi chiều mùa đông trời âm u, sương mù bâng lảng phủ lên những hàng cây trơ xương dọc hai bên xa lộ I-880. Nhưng bà Chánh lại cảm thấy như bầu trời đang sáng sủa một cách kỳ lạ. Bà hình dung trước mắt tấm vé số tượng trưng một tỷ rưỡi đô-la to bằng cái mặt bàn, bà và ông Chánh mỗi người cầm một đầu, cười toét miệng chụp hình như bà từng thấy trên tivi. Rồi bà liên tưởng đến việc sẽ làm gì với số tiền khổng lồ đó. Một trời ước mơ toan tính hiện ra trong đầu bà, kể cả việc chia cho bà chị nghèo bên Việt Nam để bà qua Mỹ lãnh, hoặc ở lại định cư.

Chỉ sau hai chục phút bà Chánh đã tới nơi. Bãi đậu xe rộng thênh thang mà đầy kín, bà phải chạy quanh hồi lâu. Đậu xe xong bà tắt tả chạy ra sau lưng tiệm để sắp hàng. Người ta tiếp tục kéo đến, chỉ trong nháy mắt cái đuôi sau lưng bà đã kéo ra dài ngoằng cả một góc phố.

Viễn ảnh tỷ rưỡi đô-la khiến cho tâm tình người ta thoải mái. Ai nấy cười nói trao đổi râm ran như thể quen biết nhau tự khi nào. Nhiều bác tài đang dừng đèn đỏ nhún còi inh ỏi, vẫy tay chào đoàn người rông rảnh và hô to “Good luck!”

Trước cửa, số người mua xong liên tục nối đuôi bước ra, thì cuối hàng người ta lại tấp nập nhập vào, như thể cái đoàn người này chẳng nhúc nhích tí nào hết. Một vùng huyên náo, kẻ bê bữa ăn chiều vừa đi vừa nhai; người cầm nước giải khác, đồ tráng miệng sau khi xong bữa tối. Phóng viên nhà báo, radio, đài truyền hình mang máy lượn qua lượn lại chụp hình, quay phim, phỏng vấn.

Chờ lâu thấy chán, một phụ nữ Philippines quay qua bắt chuyện với bà Chánh. Bà và hai ông bạn từ Canada bay qua San Jose thuê xe đến đây. Chịu khó đi xa biết đâu may mắn tới, bà ấy nói. Đang tán chuyện, bà Chánh chú ý tới một cặp vợ chồng người Mỹ. Trên chiếc xe đẩy đôi là hai đứa bé tay ôm bình sữa. Bón đứa khác, lớn nhất khoảng sáu tuổi, bé nhất độ lên hai, đang rượt đuổi nhau chạy nhảy loì chơi. Chúng hét va vào người này lại đâm sầm vào người kia. Ông bố trẻ liền miệng la con bằng thứ tiếng Tây Ban Nha nghe giòn rụm, nhưng bọn nhóc thì chả thèm đếm xỉa gì đến lời của bố. Người mẹ đứng im lìm, như thể đám nhóc đó chẳng liên quan gì đến cô ta, mặc cho những người đang sắp hàng tỏ ra rất khó chịu.

Bà Chánh bỗng cảm thấy tim nhói đau khi nghĩ đến thằng Paul. Bà lác đầu nhìn cặp vợ chồng Mỹ với bầy con nít lằng xằng trước mặt. Thằng con bà chắc rồi cũng sẽ có cái cảnh này. Bà cảm thấy mình đã làm đúng khi phản đối cuộc hôn nhân của nó. Thật là khổ thân cho thằng Paul. Nếu kỳ này trúng độc đắc, bà sẽ điều đình, cho Mariana một số tiền lớn để Paul bắt thằng cháu nội quay về với bà. Bằng không bà sẽ chẳng cho chúng một xu.

Nhích lên từng bước, cuối cùng bà Chánh cũng đến được trước cửa tiệm. Bà tròn mắt nhìn hàng người từ ngoài cửa rông rảnh qua các kệ hàng hóa, quanh quẹo ra sau nhà kho rồi vòng lại tới trước cửa, nơi các nhân viên đang bán vé. Người nào người nấy trên tay cầm cả nắm tiền và những tấm vé, mặt mũi ai cũng hân hoan phơi phới như thể sắp trúng số đến nơi. Trên trần treo đầy các tấm bảng quảng cáo và những tấm vé trúng độc đắc do tiệm này bán ra trước đây.

Bốn nhân viên tại bốn quầy thu ngân tất bật tay thu tiền, tay lấy vé, ấn vào máy rồi in vé ra, rất là nhanh nhẹn. Bà Chánh cũng rút lấy một tấm vé trông cho bà và vé nữa cho bà Hình. Bắt chước người ta, bà lấy bút chì cà vô mấy con đề đã chọn. Bà loay hoay xong năm con số, sắp sửa cà số Powerball, bỗng chiếc điện thoại trong túi bà reo inh ỏi.

Chết rồi, chắc ông Chánh kiểm. Bà lấy điện thoại ra coi, hú hồn không phải. Giờ này còn sớm, nửa tiếng nữa ông ấy mới về.

– Hey! You đang ở đâu vậy? Giọng nói hồi hả của Mary người hàng xóm Mỹ cạnh nhà. – Alarm khói nhà bà báo động hú vang trời. Về nhanh lên kẻo người ta gọi cứu hỏa đó!

– Trời ơi! Chết tôi rồi! Con gà luộc! Bà Chánh hét lên thảng thốt giữa đám đông.

Bà vất vội hai tấm vé số rồi vừa nói xin lỗi vừa xô đẩy vệt dòng người chạy bỏ ra ngoài.

Bà đã quên tắt cái bếp luộc gà! Nếu về không kịp sẽ cháy nhà chứ chẳng phải chơi.

Phóng lên xe, bà Chánh nổ máy rồi nhấn ga chạy thực mạng. Không biết sự nhanh nhẹn từ đâu ra mà bà luôn lách chạy ào ào, vượt lane này, đổi lane kia; mặc kệ người ta nhún còi inh ỏi, bà luôn miệng khấn thầm cho con gà đừng bốc cháy. Bà Chánh “tả xung hữu đột” trong nháy mắt đã ra tới freeway. Phóng xe như bay chừng hơn mười phút nữa thì bà về đến gần nhà. Nhưng bà bỗng hốt hoảng kêu lên:

– Trời đất ơi! Tiêu rồi!

Nhìn từ xa, bà thấy đèn màu nhấp nháy của xe cứu hỏa và xe cảnh sát sáng rực cả một vùng nơi xóm nhà bà, và có những làn khói từ phía trong tòa lên. Bà run rẩy nhấn mạnh chân ga.

Ngờ đâu, một chiếc xe thể thao mui trần phát ra tiếng nhạc thùng thùng giật gân trước mặt bà bỗng dừng chậm lại, rồi nhảy dựng trong tư thế ngựa phi nước đại. Hai bánh trước nó chồm lên khỏi mặt đất, dựng đứng; hai bánh sau trụ lại rồi phóng tới, giật lùi, lại phóng tới, giật lùi theo điệu nhạc. Người tài xế ôm vô lăng cũng lúc lắc nhún nhẩy theo mỗi động tác phóng lên hạ xuống của chiếc xe, ra điều khoái chí lắm.

Bà Chánh kêu trời. Đường chỉ có một lane, bà đành liêu nhân ga, bẻ tay lái, lách khỏi làn vàng, sang lane ngược chiều, vượt qua mặt chiếc xe giật gân, trong bụng rửa thầm đồ quý sứ.

Không ngờ việc này làm cho gã tài xế trên chiếc xe thể thao nổi điên. Hắn đang diễn trò thật oách mà có người dám ngang nhiên vượt mặt. Hắn rú ga ầm ầm, đuổi theo bà Chánh, cũng vượt lane ngược chiều rồi thắng gấp khi tới trước đầu xe của bà.

Bà Chánh chỉ kịp nhìn thấy hàm răng trắng ớn trên một bộ mặt đen thùi lùi khi chiếc xe thể thao vượt qua cùng tiếng chửi thề giận dữ: “Stupid mother!” (Con mẹ ngốc!) trước khi thắng gấp. Chiếc xe của bà Chánh giật mạnh, xoay vòng rồi ùi đánh rầm vào cái trụ nước bên lề đường. Túi không khí phía bên tài xế bung lên, trong lúc chiếc xe thể thao tà tà thẳng tiến rồi quẹo phải trước khi gặp đám chữa cháy...

Bà Chánh tỉnh lại trong bệnh viện. Mở mắt ra, ngoài màu trắng của trần nhà, bà thấy lộ nhô nhiều khuôn mặt cúi xuống, trong đó có mấy người y tá, ông Chánh, và thằng Paul.

– Oh! Mom đã tỉnh! Tiếng Paul reo lên. – Bây giờ mẹ thấy thế nào?

Bà chưa kịp trả lời thì ông Chánh hỏi:

– Bà nấu ăn sao lại bỏ đi đâu vậy? Đi sao không tắt bếp? Sém chút nữa thì tiêu cả rồi!

Bà Chánh làm thinh, mặt mày đỏ bừng một cách lúng túng. Nhất định bà phải dấu biển, không thể cho mọi người biết chuyện bà đi mua vé số Powerball.

Thay vào đó, bà kể cho ông Chánh và Paul nghe chuyện tên tài xế da màu đã chơi trò biểu diễn và ép bà phải thắng gấp gây tai nạn.

– Trời ơi! Tôi đã nói bà nhiều rồi.

Ông Chánh la:

– Mỗi khi ra ngoài, đừng bao giờ đụng chạm tới ai dù chuyện ấy quái lạ đến cỡ nào. Báo chí từng đưa tin, có trường hợp thấy người ta ăn mặc dị kỳ ngoài cỏ lại nhìn, mà họ chạy theo đến tận nhà rồi bắn chết, sao bà không nhớ!

Lát sau bác sĩ cho biết bà Chánh ngất đi vì sức đập của airbag, ngoài ra không hề bị thương tích gì nên ông Chánh đưa bà về. Paul cũng lái xe chạy theo.

Bà Chánh dừng lại trước sân, nhìn những dòng nước cứu hỏa còn chảy lênh láng từ trong nhà ra ngoài đường. Cảnh tượng tan hoang như vừa trải qua một trận động đất. Cửa trước bị đục phá vỡ toang; nhà bếp cháy hết một phần; các cửa sổ đều bị giật quăng xuống đất; đồ đạc ngổn ngang, hơi khói đậm đặc từ trong nhà vẫn còn tỏa ra ngạt mũi.

Bước lại gần, bà thấy cái nồi Inox bà dùng luộc con gà vắt ngoài cửa chính. Nó đã bị nung đến tan chảy và kẹt lại thành một cục nửa đen nửa trắng bạc như chì; con gà trong nồi bây giờ là một nhúm than đen. Có thể thấy được, nếu đội cứu hỏa không tới kịp thì ngôi nhà giờ đã hóa ra tro.

Bà đứng lặng người. Một niềm ân hận đến nghẹn ngào dấy lên trong lòng. Sau chuyện số đề, đây là lần thứ hai bà vì lòng tham mà thiếu chút nữa thiêu rụi ngôi nhà, lại còn sém mất cả mạng.

Tham thì thâm, độc đắc đâu chẳng thấy, bây giờ độc khói chiếm ngự dày đặc trong nhà, không biết chừng nào mới bay ra hết.

Bà Chánh bỗng nhận ra, trước giờ vì không chịu an phận, bà đã đánh mất cái hạnh phúc giản đơn nhưng to lớn mà đúng ra bà được hưởng từ lâu. Bà đã hiểu thứ quý giá là những niềm vui trước mắt, ở quanh mình, chứ không cần phải tìm kiếm đâu xa. Những gì không có được mà cố cưỡng cầu, đòi hỏi điều ngoài tầm tay với chỉ làm hại mình và gây đau khổ cho người xung quanh. Và bà nghĩ đến chuyện thằng Paul. Ngày mai bà sẽ kêu Paul đưa Mariana đem thằng cháu nội về cho bà. Bà nghĩ và dậm bước vô nhà phụ với cha con ông Chánh dọn dẹp. Một bàn tay ai bỗng đặt lên vai bà Chánh. Bà quay lại, sững sờ bắt gặp ánh mắt dịu dàng của Mariana nhìn bà:

– Mother!

Cô nói:

– Đừng buồn nữa. May mắn là chỉ cháy có bấy nhiêu nên cũng không có gì rắc rối lắm. Ngày mai con nhắc Paul làm việc với hãng bảo hiểm, ba mẹ sẽ được tiền bồi thường để sửa nhà.

Nói xong cô cúi xuống đưa bé khoảng hơn hai tuổi đang đứng bên cạnh:

– Cháu Mike của mẹ nè! Con kêu nội đi con!

– Grandma! Thằng bé gọi và bước tới ôm chân bà.

Bà Chánh nhìn trân trân thằng bé không thốt ra lời. Cu Mike mũm mĩm dễ thương, nó đúng là bản sao của Paul khi nhỏ. Cười như mèo, nước mắt lã chã, bà Chánh ôm bé vào lòng. Món quà quý Thượng Đế tặng cho, vậy mà lâu nay bà đã bỏ quên.

Khi nhà cửa dọn dẹp ổn định, TV phòng khách bỗng phát ra tin tức nước Mỹ xôn xao về lô độc đắc Powerball hơn tỷ rưỡi vừa xổ tối nay, vẫn chưa có người trúng.

Paul nói với Mariana:

– Wow! Powerball hôm nay lên đến hơn tỷ rưỡi! Mai mình sẽ đi mua một vé!

– Không thêm! Bà Chánh buột miệng la to.

– Ủa! Sao mẹ phản ứng mạnh thế? Paul ngạc nhiên. – Con nào giờ đâu có mê lô tô, nay chỉ muốn bỏ vài đồng may ra... Ngày mai ba mẹ cũng nên đi mua một vé thử thời vận.

– Lô độc đắc của mẹ đây rồi! Bà Chánh lắc đầu.

Bà ôm chặt lấy cu Mike, mắt bà lim dim:

– Đây là lô độc đắc to nhất của bà nội.

Phương Hoa



Chồng tôi mở nồi cà ri và la lên:

– Sao hôm nay em nấu cà ri lạ vậy?

– Lạ là làm sao?

– Còn làm sao nữa? Ai lại đi nấu cà ri với cà rốt, sao em không mua khoai tây?
Lẽ ra, tôi sẽ nói một câu hài hước nào đó, nhưng ma đưa lối quỷ đường làm tôi nổi quạu:
– Thì đã sao! Ai bảo anh cà ri phải bắt buộc nấu với khoai tây?
– Cà ri xưa nay là như vậy, nghĩa là phải là khoai tây chứ không phải cà rốt!
– Vậy thì hôm nay anh ăn thử với cà rốt xem có... chết không nhà? Khoai tây hay cà rốt, đó cũng chỉ là thói quen từ lâu nay mà thôi. Nếu thuở ấy ông bà mình nấu cà ri với cà rốt thì hôm nay em nấu với khoai tây sẽ bị coi là sai, phải không nào? Để dành một chút cho người khác nhờ!
Thấy tôi bỗng đứng nổi nóng, anh ta bới tô cơm với cà ri rồi mang thẳng lên lầu, mặt mũi sưng sía khó chịu. Rõ ràng anh ta không chịu tìm hiểu, không hỏi tôi một lời êm ái dịu dàng, để tôi sẽ kể cho anh ta một ngày của tôi hôm nay, tôi đã bực mình với cô nàng manager ở chỗ làm ra sao, rồi trên đường về bị kẹt xe, tôi không kịp ghé qua chợ mua khoai tây. Chả lẽ anh ta cũng đang bực dọc chuyện ở chỗ làm? Mà anh ta là boss thì ai làm cho anh ta bực nhỉ?
“Trời đánh tránh bữa ăn”, nên tôi để anh ta lên lầu, và nhanh chóng phân tích tình hình: cứ cho là anh ta đã gặp chuyện bực mình ở chỗ làm, có thể là do một staff làm sai chuyện gì đó, một chuyện tày trời như đưa lộn thuốc cho khách, nhưng anh ta về nhà là có ngay nồi cà ri (dù là với cà rốt) nóng sốt, còn tôi thì sao, cũng có chuyện không vui, mà tôi còn phải chạy về nhà nấu cho anh ta, vậy thì ai sai ai phải?

Chờ anh ta ăn xong, bước xuống cầu thang tôi... tấn công ngay với giọng đầy khiêu khích:

– Sao anh không hỏi nguyên do tại sao hôm nay em nấu cà ri với cà rốt mà ra giọng tra hỏi như em là... cấp dưới của anh vậy?

Anh ta quay ra nhìn tôi, vẫn với bộ mặt hình sự:

– Anh có kịp hỏi gì đâu, tự nhiên em nổi nóng và lớn tiếng với anh đó thôi!

“Ừa, có sao!” Tôi thầm nghĩ, nhưng vẫn hùng hổ:

– Trên đời này chẳng có gì tự nhiên cả. Anh ăn nói cộc lốc, nặng nề như dùi đục chằm mắm tôm, chẳng lọt tai chút nào, bảo sao em không điên lên chứ?

– Thì em trả lời anh cũng đâu thua gì, anh tự hỏi sao em luôn luôn vui vẻ với người khác...

– Anh muốn ám chỉ điều gì đây?

– Em nhớ lại xem, mới hồi mùa đông, alarm nhà báo động lúc mình đi làm, cảnh sát đến lúc em và anh chạy về, em đã ngọt ngào như thế nào với hai chàng cảnh sát trẻ đó?

Quả thật là có chuyện ấy, tôi nhớ lúc được công ty alarm gọi, tôi chạy xe về trước cửa đã thấy hai anh chàng police cao to, với bộ uniform màu xám sạch sẽ, dây thắt lưng màu đen ngay dưới eo, điểm trang thêm cây súng lục hiên ngang, đang đứng... chờ tôi.

Sau khi hai chàng lục soát khắp nhà, tôi trả lời vài câu hỏi để họ làm biên bản, rồi họ kết luận rằng có lẽ do buổi sáng tôi vội vàng quên khóa cửa nhà nên cơn gió mạnh làm cửa lung lay khiến cho alarm báo động, chứ chẳng có trộm cướp gì. Tôi lú lú nói lời cảm ơn. Một trong hai chàng cảnh sát là người “mắt hí da vàng”, hỏi ra là người Đại Hàn, tôi hớn hỏ khoe với anh ta rằng tôi là “fan” của những bộ phim Hàn dài lê thê, đôi khi tôi vừa nấu cơm vừa mở YouTube xem phim Hàn, có khi còn trả lời phone cả tiếng đồng hồ, quay lại xem phim... vẫn hiểu! Chàng cảnh sát cười vui vẻ, rồi hỏi tôi có muốn chụp hình với... trai xứ Hàn không, có vậy thôi mà giờ chồng tôi đem ra... gây hấn sao!

Tôi cũng có ngay “chiêu” để đáp lại anh ta:

– Bộ anh ghen sao? Người dung nước lã dễ thương thì mình cũng vui vẻ đáp lại. Còn vợ chồng trong gia đình, sống với nhau cả đời, cũng phải có lúc thế này thế kia, chén bát chung rổ còn khua mà, bởi vậy nên em cũng đâu thèm chấp những lúc anh ngọt ngào với những cô gái đẹp bên ngoài.

– Anh đã làm gì nào?

– Anh mau quên quá! Cũng mới hồi Noel gia đình mình đi ăn ở The Keg đó, cô bồi bàn có mái tóc hạt dẻ, đôi mắt long lanh như Cameron Diaz đã làm anh cảm kích, ngoài số tiền tip bình thường, anh đã cho thêm 30\$, không nhớ sao? Đàn ông nào thấy gái đẹp cũng... hào hoa bất ngờ!

– Nhưng chính em cũng công nhận cô waitress đó dễ thương và phục vụ niềm nở cả gia đình mình chứ đâu phải chỉ mình anh. Mà em cũng chịu tặng cô ta thêm tiền xem như món quà cuối năm.

Tôi mĩa mai:

– Đúng thế! Nhưng vì anh lôi chuyện chàng cảnh sát Hàn Quốc ra trước, nên nếu bây giờ em nói ước gì lúc nào anh cũng nhìn em dịu dàng, trêu mến như đã nhìn cô waitress tóc blond kia thì anh nghĩ sao?

– Thế thì em cũng... ghen à!

“Ừa, tôi có ghen sao!” Tôi lại trầm nghĩ! Thực tình, cô waitress đó trẻ trung xinh đẹp, lúc ấy tôi còn tự hỏi sao cô ta không đi làm người mẫu, tôi nhìn cô ta còn mê nữa là, nhưng ghen thì không, mà có chút... ngậm ngùi. So với các chị em trong ca đoàn nhà thờ, tôi cũng không đến nỗi, nhưng khi ở bên cạnh cô waitress này, tôi mới thấy mình... héo úa.

Ồi, chuyện vợ chồng, cãi nhau vì những điều vặt vãnh, đang và sẽ tiếp diễn, không thể nào tránh khỏi. Thường là sau mỗi lần có chuyện bất đồng như vậy, nếu lỗi của tôi rành rành thì tôi sẽ... ngủ rất ngon vì biết rằng sáng hôm sau, việc đầu tiên là tôi sẽ nhắn tin xin lỗi làm huê (chồng tôi ra khỏi nhà đi làm sớm hơn tôi). Còn nếu đó là lỗi của anh ta, thì tôi sẽ... mất ngủ, vì dằn vặt thao thức, liệu anh ta có biết lỗi không, anh ta sẽ xin lỗi làm huê ngày mai hay cố tình ngoan cố giận hờn thêm, đổ thừa lỗi cho tôi, và đợi tôi lên tiếng trước?

Nhưng chuyện nồi cà ri cà rốt hôm nay chưa phân thắng bại rõ ràng. Tôi trần trọc trên giường, lăn qua lăn lại chục lần (ai bảo thức khuya mới biết đêm dài là sai bét nhé, tôi trở mình qua lại mấy phen mà đã quá nửa đêm). Bên cạnh tôi, “đối phương” nằm ngủ ngon ơ “như chưa hề có cuộc cãi nhau” là sao! Chẳng lẽ anh ta đã có kết luận ai lỗi ai phải rồi ư? Tôi muốn lôi anh ta dậy, hỏi cho rõ trắng đen, là lỗi của ai để tôi còn yên tâm tìm giấc ngủ. Rồi tôi lại thôi, vì sợ phá vỡ giấc mộng đẹp (nếu có) của anh ta, biết đâu anh ta càng nổi quạu thì tình hình “chiến sự” càng thêm căng thẳng.

Vật vờ một hồi, tôi cũng mệt nhoài và đi vào giấc ngủ muộn màng với lời tự nhủ cho riêng mình rằng, hơi đâu lo bò trắng răng cho khổ thân, vì chắc chắn, không sớm thì muộn, vợ chồng tôi cũng sẽ trở lại bình thường, tự nhiên như hàng ngàn điều tự nhiên khác của cuộc đời, nghĩa là sẽ có những cãi vã, là gia vị cho cuộc sống, chút mặn mà chua cay, rồi lại ngọt ngào nồng ấm, đâu lại vào đấy.

Nghĩa là tới tháng Mười Một này khi xem World Cup Bóng Đá tại Qatar, tôi sẽ ôm một tô popcorn ngồi trước tivi, tha hồ cổ vũ reo hò theo những đường chuyền bóng điệu nghệ của những anh chàng cầu thủ tài ba và ngắm các huấn luyện viên đẹp trai (vì các cầu thủ quá trẻ so với tôi). Rồi đến kỳ nghỉ năm tới của gia đình, chồng tôi lại tiếp tục ngắm nghía các phụ nữ tươi trẻ trên đường phố. Cuộc sống vẫn tiếp diễn như muôn thuở, muôn đời, có khổ đau xen lẫn hạnh phúc, với những ngày buồn bên cạnh những ngày vui, và biết đâu, có ngày chồng tôi lại được “tái ngộ” món gà cà ri nấu với cà rốt, và cuộc chiến lại bắt đầu.

Kim Loan

(Edmonton, 7/2022)

Mùa Hè Giận Dữ

Tôi đi chợ về, chồng tôi ra xe mang đồ vào trong nhà. Tôi dặn dò:

- Anh nhẹ tay với mấy bịch trái cây nhé!
- Hôm nay em mua nhiều trái cây thế? Blueberry này, dâu tây, dưa hấu, mận này. Toàn là những sản phẩm của mùa hè.
- Chưa hết đâu, em mua ice cream này, rau câu để nấu sương sa hạt lựu và hột é này, cho vài giọt tinh chất dầu chuối vào, mùi vị vô cùng quyến rũ. Hai cái món mà thời nhỏ em rất thích.



- Nhìn những thứ em mua, như một kẻ đang sống ở sa mạc đang sắp chết khát đến nơi rồi.
- Khi đi chợ tâm lý ảnh hưởng con người lắm, bụng đói sẽ mua nhiều đồ ăn nhanh, trời nóng bức thì mua đồ ăn mát. Hôm nay cao điểm 101 độ mà anh, bước ra khỏi nhà, khỏi xe, mặt em cứ phùng phùng lên vì nóng, thế mà em gặp mấy bà Trung Đông trùm khăn trùm áo truyền thống dân tộc làm em muốn ngộp thở giùm. Người Việt Nam mình tinh thần dân tộc cũng cao đâu thua gì ai, nhưng chỉ mặc quốc phục những dịp lễ tết, hội hè, chứ có ai mặc áo dài đi chợ đâu. Đời sống nên giản tiện cho thoải mái.
- Mỗi người một ý, chỉ có hai vợ chồng mình mà lắm khi cũng xung khắc đấy. Thí dụ như chiều nay anh muốn ăn bún bò Huế, còn em?
- Dĩ nhiên là không có món bánh xèo, chả giò, hay nướng BBQ rồi. Khiếp, trời nóng mà ngửi mùi dầu mỡ sôi, hay đứng bên bếp than đỏ lửa để nướng thịt thì giết em đi còn hơn. Nhưng em cũng bác bỏ món bún bò Huế của anh. Em sẽ nấu bún riêu cua chính hiệu đảng hoàng.
- Em không sợ cà chua bị nhiễm vi khuẩn Salmonella à?
- Cà chua nấu chín là an toàn, lo gì! Hôm nay cua rẻ nên em sẽ đãi anh một bữa bún riêu cua đặc sản Bắc kỳ quê hương em.

Xếp đồ vào tủ lạnh xong tôi vật lộn với mấy con cua sống, chúng bò lồm ngồm trong bồn rửa chén và giờ càng ra sẵn sàng chiến đấu khi tôi định tóm nó. Tôi phải gọi chồng ra tiếp sức, hai vợ chồng tôi dùng võ lực để khống chế những con cua tội nghiệp; người đè chặt con cua, người vật càng, vật và mãi mới thanh toán được chúng. Con người thật tàn nhẫn, vì muốn ăn ngon mà ra tay sát sinh, vừa mệt vừa hối hận tôi thề lần sau không mua cua sống nữa, kéo mang nghiệp ác vào thân.

Tới màn giã cua cũng không kém vất vả, cái giây phút đứng ở chợ cầm bó rau thơm kinh giới lên hít hà để nghĩ tới món bún riêu cua tôi hào hứng bao nhiêu thì bây giờ tôi chán nản bấy nhiêu. Nhưng có công thì có hưởng, tôi đã nấu xong nồi bún riêu cua ngon lành, mùi cua thơm phức, màu gạch cua vàng nổi lên trên sắc đỏ cà chua và sắc xanh những cọng hành lá xắt nhỏ. Chồng tấm tắc khen vợ:

- Em tâm lý thật, trời hè nóng nực mà ăn bát bún riêu cua thì không gì bằng. Ngửi mùi đã thấy ngon rồi.

Tôi chảnh chợ:

- Cả sự nghiệp làm bếp của em chỉ biết nấu có mỗi món này thì không ngon sao được? Em biết rồi, anh khỏi cần khen.

Hai người đã ngồi vào bàn ăn, hai tô bún riêu đã múc ra, bên cạnh đĩa rau muống chẻ trộn giã sống và rau kinh giới cùng với đĩa chanh ớt.

Trong bữa ăn ngon người ta cảm thấy gần gũi và thương nhau hơn. Hai vợ chồng vui vẻ chuyện trò, tôi ăn mấy thìa bún riêu cay mùi ớt, chua mùi chanh, rồi đong đánh:

- Em ghét mùa hè, da em khô, tóc em cháy như bụi cây lâu ngày không tưới nước vậy đó.

Anh cũng tận hưởng hết nửa tô bún riêu mới trả lời:

- Thì em chịu khó che dù và đeo kính râm vào.

- Phiền phức quá, con nhỏ bạn em sống ở New York thế mà sướng, hôm nay vùng nó có 70 độ.

- Em lại ghen tị rồi, em từng chê mùa đông lạnh và tuyết rơi trên đường phố New York kia mà? Mỗi tiểu bang, mỗi mùa có những ưu khuyết điểm của nó. Khí hậu ẩm áp quanh năm là những tiểu bang có biển như California, Florida....

Tôi đề nghị:

- Nghe nói năm nay khí hậu thất thường, mùa hè tiểu bang Texas sẽ dài hơn và nóng hơn. Hay mình đi chơi xa một chuyến đi anh? Em vẫn mơ được đi trên những highway xa lạ, vừa thay đổi không khí, vừa nhìn ngắm cảnh vật bên đường.

Chồng tôi gạt đi:

- Đi chơi xa trong mùa hè bằng xe không tốt đâu, trời nóng, máy lạnh trong xe mở không ngừng nghỉ, bánh xe cọ xát trên mặt đường nóng bỏng có thể nổ tung bất cứ lúc nào, hắt chúng ta xuống hố ai biết đâu mà cứu? Đi bằng máy bay cho an toàn em ạ.

- Đi máy bay thì còn gì là hứng thú, bốn bề chỉ là trời mây, anh chỉ nói những điều kinh khủng để hù dọa em. Em biết thừa là anh chẳng thích đi xa bao giờ, thiệt thòi cho em biết bao nhiêu!

Tôi hù dọa lại:

- Kiếp sau em sẽ lấy chồng là tài xế xe truck chạy đường dài, em sẽ theo anh ấy đi ngao du khắp các nẻo đường, khắp nơi trên nước Mỹ cho thỏa thích.

- Người chồng xe truck kiếp sau của em lái xe kiếm tiền, em đi theo để ám anh ta à? Không để yên cho anh ta làm ăn à?

- Vậy thì em sẽ lấy một người cùng sở thích. Như vợ chồng ông Mỹ già, hàng xóm nhà mình đó. Cả hai vợ chồng đồng tâm hiệp lực, hí hứng lên kế hoạch bán nhà mua một cái xe RV hơn hai trăm ngàn đồng để lái xe đi khắp nơi nào họ muốn. Hãy thử tưởng tượng mùa xuân họ ở Washington D.C ngắm hoa Anh Đào nở, mùa thu đi trên những con đường chìm đắm trong màu lá đỏ, lá vàng của Portland Oregon, mùa đông đến Utah nhìn tuyết đầu mùa rơi trên phố núi....

Anh ngắt lời tôi:

- Thế mùa hè họ có trở về Texas không?

- Để tắm nắng với nhiệt độ trên dưới 100 à? Họ sẽ đến California tắm biển.

Anh giảng giải một tràng dài như người trong cuộc:

- Em tưởng tượng ra như chuyện thần tiên, đằng sau là bao nhiêu vất vả em có biết không? Cái xe RV chiều ngang tối đa 8 feet, chiều dài 40 feet, như vậy diện tích khoảng 320 sqf. cho cả phòng ngủ, phòng tắm và phòng bếp. Em có thích sống trong một căn nhà diện tích nhỏ bé như thế không? Rồi em sẽ phải thường xuyên thay nước sạch, đổ chất thải, nước dơ. Đến mỗi thành phố phải xem luật nơi ấy cho xe RV kích thước nào mới được phép vào và phải tìm chỗ đậu của nó. Em không thể lái cái xe to tổ bố nghênh ngang trên đường phố và thích thì tạt vào lề đường đâu nhé.

Thấy tôi chưa chịu tin, anh bồi thêm:

- Còn bao nhiêu thứ bất tiện khác trong đời sống hàng ngày, ông bà Mỹ đó phải dùng địa chỉ cố định của người em để giữ liên lạc thư tín với mọi người vì không có ông bưu điện nào ba chân bốn cẳng đuổi kịp mà giao thư cho họ được. Anh dám chắc vợ chồng ông Mỹ ngao du vài năm sẽ chán và bán tống bán táng cái xe RV của nợ ấy để sung sướng trở về nếp sống bình thường như cũ. Ở tuổi nào người ta cũng có thể nông nổi, dại khờ, chóng thích rồi chóng chán.

Tôi thở dài:

- Nhưng ít ra họ cũng đã hưởng những gì họ yêu thích. Ở kia anh, em cảm thấy trong nhà mình nóng quá...

Chồng tôi cũng ngạc nhiên:

- Ừ nhỉ, lúc này anh nghe một tiếng “kịch” mà không quan tâm vì đang mãi nói chuyện. Có lẽ cái máy lạnh ngưng chạy từ lúc đó?

Tôi vội chạy đến bên chiếc nhiệt kế treo trên tường thấy nhiệt độ trong nhà lên 85 độ, cái máy lạnh chết tiệt lại giờ chứng vào đúng thời điểm gay go nhất. Tôi bực mình lắm lắm:

- Tại sao cứ vào mùa hè là máy lạnh bị hư?

- Thì mùa đông hay các mùa khác em có xài đâu mà biết. Mùa hè máy chạy cả ngày cũng mệt mỏi như con người nên có lúc máy phải ốm đau, ăn vạ chứ.

Tôi đi tìm cuốn sổ tay để lấy số phone gọi anh thợ điện lạnh mà tôi tín nhiệm, anh ta như người tình đứng hẹn lại lên, chẳng mùa hè nào mà anh chẳng đến đây sửa chữa máy lạnh. Ở nhà cũ thật là khổ!

- Chào anh Phước, anh làm ơn làm phúc đến nhà tôi sửa cái máy lạnh nhé?

- Xin chị thông cảm, tôi đang bận sửa cho người khác, sớm lắm cũng hai tiếng sau mới đến được. Tôi gác máy điện thoại, hậm hực than thở với chồng:

- Mấy ông thợ sửa máy lạnh vào mùa hè bỗng dung cao giá, làm chảnh. Người ta nóng gần chết mà ông ấy bắt đợi hai tiếng nữa! Lếng phếng là mất mới bây giờ, lần sau em sẽ gọi người khác cho anh ta biết tay em.

- Người ta bận thật đấy em ạ, công việc kiếm tiền ai mà chê? Nghề của họ chỉ bận rộn vào mùa hè. Thiếu gì thợ khác, nhưng em chê thợ Mỹ chém đất, em thích thợ Việt Nam không phải vì tình đồng hương, mà vì để được trả giá, kỳ kèo thêm bớt. Nhưng đừng vội mừng em nhé, các tay thợ Việt Nam, có người làm ăn trung thực, có người láu cá, vẽ vờ thêm để hò hét giá cao, cho em trả giá, họ vẫn lời chán.

Tôi bỗng cúi kính:

- Thế tại sao anh không đi học nghề sửa máy lạnh cho em nhe?

- Anh có phải thần thánh đâu mà lắm nghề lắm tài như ý em được? Hôm nọ xe hơi bị hư mang ra tiệm sửa, em cũng ao ước nếu như anh là thợ sửa xe! Kiếm đâu ra một người chồng lý tưởng cho em, vừa lái xe truck chạy đường dài cho em đi chơi xa vừa biết sửa chữa mọi thứ, từ điện lạnh tới xe hơi cho em đỡ tốn tiền?

Tôi gắt gỏng:

- Anh đừng có mà nói cái giọng mỉa mai, khiêu khích như thế nhé...

Anh trêu chọc:

- Em có biết vào mùa hè nắng nóng hay có bệnh chó dại không?

Mắt tôi long lanh lên vì tức giận:

- Anh ví em như con chó dại chứ gì?

- Thì em cúi kính, ăn nói như “cẩn” người ta đấy thôi.

Tôi gào lên:

- Anh thật là quá đáng. Đừng có hòng sau bát bún riêu này tôi sẽ làm cho anh một ly hạt é ngọt ngào mát lạnh.

Anh gạt phăng:

- Cái món nước hạt é của đàn bà, trẻ con, anh có thích bao giờ đâu, nên rất cảm ơn em đã không cho anh ăn.

Tôi ùng ùng đi vào phòng và đóng cửa thật mạnh để tỏ nỗi bức tức, mặc anh ta bên ngoài với mâm bát ngổn ngang. Tôi biết lát nữa anh ta sẽ tự động dọn dẹp, theo đúng “nền nếp” nhà này kể từ khi anh cưới tôi về.

Cuộc chiến giữa hai vợ chồng tôi tạm hoãn lại vì anh thợ điện đến. Anh thợ tươi cười kể công:
- Vừa xong việc bên kia là tôi phóng xe 80 mile một giờ đến đây sớm hơn đã hứa đấy.

Tôi mỉm cười xã giao và ngọt ngào:

- Không sao đâu, chúng tôi chờ được mà. Lần sau anh cứ thông thả chạy xe cho an toàn nhé. Nói xong, tôi bắt gặp ánh mắt chằm biếm của chồng tôi, như muốn nói rằng: “Thôi, đừng có đóng kịch thương người nữa, lúc này vừa chê trách người ta hết lời.” Làm cho tôi cụt hứng không dám hó hé thêm.

Anh thợ điện cảm động :

- Vâng, được ai cũng thông cảm như chị thì đỡ cho tôi quá, có người chờ đợi một tí mà không hài lòng, làm như có tiền trả công thợ là có quyền đòi hỏi tôi phải đến ngay lập tức, không cần biết tôi đang bận rộn thế nào. Ngay cả khi người ta ốm đau, cần bác sĩ, cũng phải lấy hẹn, phải đợi chờ, có đúng không chị?

Anh thợ điện nói như đi guốc trong bụng tôi, làm tôi giật cả mình. Chồng tôi thì nhìn tôi nhếch môi cười, vẫn vẻ chằm biếm và thêm phần khoái chí vì anh thợ điện lạnh đã vô tình cho tôi một bài học sống ở đời, cái điều mà chồng tôi không bao giờ làm được vì thế nào tôi cũng cãi cho bằng được dù là cãi ngang như cua. Anh thợ mở thùng đồ nghề, xem xét máy lạnh và sửa chữa. Chỉ nửa tiếng sau máy lại chạy vù vù ngon lành, chẳng mấy chốc đã mát rượi cả nhà. Vừa được anh thợ khen là người tử tế biết thông cảm, nên tôi không dám trả giá, anh nói bao nhiêu tôi trả bấy nhiêu. Những lần trước thì không bao giờ anh có thể rời khỏi nhà tôi khi chưa giảm giá bớt tiền công sửa chữa chút ít.

Buổi tối, tắm rửa xong tôi mặc chiếc áo ngủ mà chồng tôi ưa thích. Căn nhà êm vắng mát mẻ làm lòng tôi dịu dàng và thanh thản. Lúc này tôi đã nhận ra cái lỗi của mình, đã cáu kỉnh vô lý với chồng. Trời có mưa có nắng, tính khí con người cũng thế. Các cô người mẫu, các cô hoa hậu xinh đẹp dịu hiền trên sân khấu nhưng biết đâu ở nhà cũng có lúc nổi cơn thịnh nộ, cáu kỉnh, nhăn nhó. Nói chi tôi!

Chồng tôi vào giường nằm lặng lẽ, ra điều ta đây còn giận. Tôi vờ lấy chân đạp trúng chân anh nhưng vẫn lì lợm bất động. Chẳng để phí phạm thì giờ tôi lăn xả vào người anh cho được việc.

- Anh ơi, cho em xin lỗi nhé?

Tóc tôi thơm tho, áo tôi thơm tho và cánh tay tôi cũng thơm tho quàng qua vai anh, làm anh “choáng váng”, cơn giận sụp đổ tan tành một cách mau chóng. Anh ta âu yếm dí tay vào trán tôi, trách móc:

- Phụ nữ ăn nói cáu kỉnh là xấu lắm đấy. Tại sao chuyện chẳng có gì mà em lại giận dữ với anh như thế chứ?

Tôi nũng nịu dỗ lỗi:

- Không phải em giận dữ, mà mùa hè giận dữ đấy. Ngoài trời nắng nóng, trong nhà máy lạnh lại bị hư, nó tác động vào tâm hồn em, chứ em có muốn thế đâu.

Anh chẳng thèm nghe tôi phân bua lý giải mà vội xoay người ra ôm tôi và đặt một nụ hôn lên môi tôi, nụ hôn nồng nàn, nóng bỏng, nóng như 101 độ F ngoài trời ngày hôm nay.

Nguyễn thị Thanh Dương

TUYỆT GIAO?

Chuyện quan trọng luôn cần mình suy nghĩ
Bỏ hay vương? Chớ rối trí vụng về
Chút li ti bất ý giữa bạn bè
Hãy lặng lẽ lắng nghe và quan sát!

Người thành thật không làm điều khuất tất,
Kẻ dối gian? Đoạn tuyệt, khỏi luận bàn!
Đề thì giờ góp sức chuyện giang san
Còn minh mẫn, thuyền nhân còn bốn phận!
Ý Nga, 28.7.2022

CỘNG GIỮ GÌ TRÂM HƯƠNG!

Trâm hương có, nhờ dó bầu* thơm ngát
Từ Quảng Bình đến Phú Quốc nhiều. Sao
Mây “đỉnh cao trí... tậ” chứa quơ quào,
Cán Tý Trệ chưa chặt, rào, “cải tạo”?
Ý Nga, 28.7.2022

*NÓI LÁI: trí... tậ/Tý trệ (Trệ: động lại, không thông)

*Gỗ của cây dó bầu rất thơm, thường dùng làm hương,
gọi là hương trâm.

SU' THỜ... MA CỘNG

(Cộng sản chủ trương vô thần. Vậy bất cứ ai tu hành,
dù theo tôn giáo nào, mà ca tụng Cộng sản và bọn thiên
tả có phải là bậc chân tu?)

*

“Su” ngồi quảng cáo quốc doanh
Khen “su” thiên tả: “*Thông minh, tinh tường!*”
“*Thông minh*” tụng kẻ gạt lường,
“*Tinh tường*” sao tụng bắt lương họ Hồ?

Cơm chi Phật tử cúng vô
Thờ ma cộng sản hò... đồ thế “su”?
“Su” ngồi thích thú hưởng, dư
Chùa to, tượng lớn, tiền thu lắm... “chùa”

*

Vậy quanh Vẹm nữ vào ra
Khen “thầy”: “*Tốt mã, bán mua... tinh tường!*”
“Su”?
Ý Nga, 28.7.2022

GIỜ ƠI LÀ THẦY BA ĐỒ

Chưa Tết mà sao pháo nổ?
Thật là khổ cái tai ai
Ông ni trình độ... học đại
Khoe chuyện “*tiến sĩ nước ngoài!*”!

Chuyện “*vĩ đại*” thật kinh hãi
Con nít nghe cứ cười hoài
Tội nghiệp tôi làm người lớn
Chịu trận đồ mắt tia tai.

Khu vườn nhà ai trĩu trái
Coi chừng rụng hết trên vai
Pháo nổ còn hơn pháo kích
Học trò chạy hết rồi... “*Thầy!*”!
Ý Nga, 29.7.2022

ĐẶC CÔNG (Tri ân QL VNCH)

*

Mi ngồi cao nói lão:
“*Lính giết người Bến Tre*”
Tại sao không nói thật
Điều mắt thấy, tai nghe?

Cộng tuyên truyền gian xảo,
Mi nữ tiếp sức sao?
Lính mình không hung bạo.
Đặc công giết đồng bào!

Gánh đòn thù vũ bão
Người Lính khổ biết bao
Người lại còn trăng tráo
Miệng ra rả rêu rao?

Ý Nga, 28.7.2022

THÂN PHẬN VỢ LÍNH VNCH

Tiền tử tuất nuôi con còn đồ hỏn
Thương bao người vợ Lính gánh gian
nan
Nhớ thương chồng tử trận vì giang san
Kém may mắn, khổ vô vàn góa phụ!
Ý Nga, 27.4.2022

XÓN XÁC TUỔI GIÀ

Tuần trước đi chợ, chị Bông đã biết sắp đến sinh nhật của cháu nội yêu Betsy, chị mua ngay một tấm thiệp đẹp để sẵn vậy mà chị Bông lại... quên mất. Chồng bảo dấu hiệu của tuổi già. Chị Bông cãi:

- Chỉ là quên... thường tình, không vì tuổi tác.

Tối qua chị mới chợt nhớ ra thì chỉ còn một ngày nữa là sinh nhật cháu nên vội vàng bảo anh Bông ký check 200 đồng làm quà tặng, còn chị phải... lò mò cặm cụi viết lời chúc.

Anh Bông ký check xong để ra bàn:

- Tôi ký check nhanh chớp nhoáng chỉ mấy chục giây còn bà ghi vài câu chúc cho cháu mà này giờ vẫn còn trên... giấy nháp.

Chị Bông giải thích:

- Cháu nội nghe được tiếng Việt nhưng không đọc được tiếng Việt vì thế em phải viết bằng tiếng Anh, mà Betsy mỗi lần gửi thiệp chúc sinh nhật chúng ta nó đều viết những lời văn hoa đẹp để nên em cũng cố làm tương tự để... đáp lại tấm thịnh tình ấy vì thế mới tốn thì giờ. Thử viết bằng tiếng Việt xem, em sẽ viết vào một cái là xong, trước khi anh ký xong cái check nữa đó.

Cuối cùng thì chị Bông cũng đã ghi được vào tấm thiệp những lời chúc sinh nhật hoa mỹ bay bướm bằng tiếng Anh cho cô cháu nội. Bỏ tờ check vào tấm thiệp chị Bông hờ hờ dán phong thư và muôn chắc ăn chị ra bỏ ngay vào thùng thư sớ mai gửi dậy muôn lại quên thì càng trễ thêm.

Tối lên giường đi ngủ chị Bông vẫn sung sướng nghĩ đến tấm thiệp đẹp với lời chúc hay ho của mình ngày mai sẽ trên đường bay đến Utah, đến tay Betsy. Chị đang lim dim sắp đi vào giấc ngủ ngon bỗng giật thót tim, một linh tính nào đó mách bảo làm chị lo lo... lá thư chưa hoàn hảo, dù lá thư đã bỏ vào thùng thư nhưng hình như... chưa được dán tem?

Dĩ nhiên thư chưa dán tem sẽ bị trả về nhưng sẽ mất thêm thời gian và biết đâu thư bị thất lạc thì kẻ gian có thể mở thư lấy tấm check 200 đồng và giả mạo cash tấm check!

Thế nên sáng nay sắp đến giờ thường lệ xe bưu điện đến chị Bông ra canh chừng ở thùng thư, may là thùng thư chung ở ngay trước cửa nhà chị Bông, cứ mỗi quãng phố lại có một thùng thư chung gồm 8 nhà. Chị Bông đợi khi ông bưu điện mở thùng lấy thư chị sẽ xin phép ông cho xem lại lá thư của mình và dán tem ngay tại chỗ. Anh Bông thương cảm:

- Bà ráng đứng đợi ông bưu điện nhé. Tội nghiệp, bà trẻ hơn tôi 5 tuổi nhưng đã già... hơn tôi. Gửi thư mà lú lẩn quên chưa dán tem.

Đang lo lá thư lại bị chồng chê già lần nữa chị Bông thêm tức lộn ruột nhưng không cãi vào đâu được. Đành chịu.

Khoảng 10 giờ 15 thì chiếc xe bưu điện lù lù xuất hiện ở đầu đường, chị Bông rộn rã vui mừng như người ta chờ đợi người yêu và sắp gặp mặt chàng. Xe bưu điện ngừng ở hai thùng thư nơi hai quãng phố làm chị Bông sốt ruột như Hồ Dzếnh âu yếm trách người yêu “Gớm, sao mà lâu thế...”

“Chàng” bưu điện đang từ từ lái xe đến thùng thư khu nhà chị Bông, “chàng” đâu biết rằng đang có kẻ dõi theo “chàng” từng phút giây này.

Hôm nay chị Bông mới được dịp nhìn kỹ mặt ngang mũi dọc “chàng” đưa thư nhà mình, thường ngày nếu có gặp chị cũng làm ngơ vì... tự ái và tủi thân. Ngày xưa chị Bông mộng thi vào bưu điện, công việc ổn định lương cao, nhưng chỉ thi thử đã không đủ điểm để tự tin đi thi thật, mà cũng đáng đời vì tính chị Bông hay xón xác trong khi làm cho bưu điện dù ngồi lựa thư hay ra ngoài đường đưa thư đều cần trí nhớ tốt, chính xác và nhanh nhẹn.

“Chàng” buu điện dễ thương làm sao, khi chị trình bày, “chàng” mỉm cười mở thùng thư ra, chị Bông thấy ngay tấm thiệp của mình chưa dán tem đúng như linh tính. Với con tem đã sẵn sàng trên tay chị Bông dán ngay vào để không làm mất thì giờ của “chàng” và cảm ơn rồi rít. Lần này thì chị Bông thực sự yên tâm. Lá thư đã hoàn hảo từ trong ra ngoài. Vài ngày nữa cháu sẽ nhận thiệp nhận quà, cháu sẽ gọi phone cho bà nội lú lo ngọng nghịu nửa tiếng Việt nửa tiếng Anh vì tiếng Việt cháu không nhiều. Bà nội cũng lú lo nửa tiếng Anh nửa tiếng Việt với cháu vì tiếng Anh của bà cũng chẳng là bao.

Chị Bông mang vào nhà một lá thư của hãng điện, thời đại này thùng thư nhà nào cũng chỉ nhận le que mấy cái thư bill và báo chợ, báo quảng cáo mà thôi.

Buổi chiều anh Bông mang checkbook ra ký check để gởi trả bill tiền điện. Thấy nét mặt anh bỗng nhiên thẫn thờ chị Bông thắc mắc:

- Bộ tiền điện tháng này tăng cao lắm hả anh?

Anh Bông khẽ... thờ dài:

- Không phải thế... chả là tôi vừa... phát giác ra...

- Anh ký check làm lần tiền bạc hả anh?

- Không phải thế... chả là tôi ... viết check mà ... quên chưa ký tên.

- Tường gì, thì bây giờ anh ký tên đi có muộn màng chi đâu.

- Nhưng check tôi quên ký tên là... cái check bà đã gởi làm quà cho Betsy rồi đó...

Chị Bông kêu kên thất vọng:

- Ôi trời ơi! Thế nghĩa là lá thư gởi đi vẫn chưa hoàn hảo, cháu sẽ nhận tấm thiệp chúc sinh nhật mà không có quà vì cái check chưa ký tên thì vô giá trị. Sao anh không phát hiện sai sót sớm như em? Bây giờ ông đưa thư đã mang thư đến tận nơi đâu rồi...

- Sorry nha, tôi làm trễ thêm món quà sinh nhật gởi cho cháu nội rồi. Mà... tại bà đó, cứ hỏi hỏi làm tôi cũng hỏi hỏi theo.

- Đừng đổ vạ. Thế mà anh chê em già lú lẩn. Vậy ai già hơn ai?

Anh Bông biết điều:

- Cả hai vợ chồng mình cùng già, cùng xón xác như nhau. Tôi sẽ viết lại cái check khác cho Betsy ngay bây giờ và ký tên... trước mặt bà, cũng như bà sẽ bỏ check vào phong thư có ghi địa chỉ và dán tem trước mặt tôi. Lần này thì bảo đảm lá thư sẽ hoàn hảo.

Chị Bông đồng ý:

- Ủ, từ giờ trở đi bất cứ chuyện lớn nhỏ gì đều có người nọ cũng kiểm soát người kia, nhắc nhở người kia cho chắc ăn. Tuổi già ai cũng có thể sai sót thế đấy.

Nguyễn Thị Thanh Dương

QUÁ KHỨ

Người ta có thể đi ngược dòng sông
Ngược dòng thời gian thì xa xôi lắm
Một giây phút qua đã là khoảng cách
Tôi tìm hoài quá khứ giữa hư vô.

Ước gì quá khứ là cánh đồng kia
Tôi có thể đến dạo chơi lần nữa
Hay căn nhà cũ tôi vào mở cửa
Phủ bụi thời gian của những ngày qua.

Quá khứ ở đâu? Mà sao rất xa
Không thể tìm dù bước chân vạm dậm
Không thể tìm dù chấp thêm đôi cánh
Ngày hôm qua tôi chìm khuất nơi nào?

Tôi ước gì được đi ngược dòng đời
Ném lại những ngọt ngào và cay đắng
Đi ngược lại một thời bao lối mộng
Dấu trăm lần làm lỡ, vạn lần thua.

Quá khứ xa vời như ánh sao khuya
Thăm thẳm trời đêm tôi không chạm được
Tôi mơ màng của vàng trăng đêm trước
Đêm nay trăng cỏ tích ấy đâu rồi?

Tôi vẫn yêu từng quá khứ buồn vui
Từng khoảnh khắc cuộc đời tôi đã sống
Ai bán cho tôi thời gian lẳng đọng?
Ai mua giùm tôi tuổi xanh đã già?

Tôi không thể nào quay lại hôm qua
Ngày hôm nay cũng sẽ thành quá khứ
Cám ơn người quen, người không quen nhé
Đã đi vào kỷ niệm của đời tôi.
Nguyễn Thị Thanh Dương



Chấp Cánh

(minh họa: Unsplash)

Hồi mới đến Mỹ, nghe nhiều người Việt đi làm nghề may, tôi tưởng bỏ, nghĩ mình từng tốt nghiệp từ nhà may nổi tiếng Thiết Lập ở Sài Gòn, từng mở lớp dạy cắt may Âu Việt Phục Nam Nữ, mỗi khóa cũng trên vài chục học viên; từng sử dụng các loại máy may, máy vắt sổ thêu ren các thứ, chắc sẽ kiếm được khá tiền, nên hăng hái đến shop may xin việc. Bà chủ shop người Tàu Việt thấy dân mới qua ngơ ngáo nên ăn hiếp, bắt tôi mượn tiền, đi mua và chờ tới hai cái máy may công nghiệp xịn hiệu Juki của Nhật, một cái để may, cái kia 5 kim để vắt sổ và các loại Zigzag.

Mỗi tuần bà chủ giao tôi 200 chiếc áo đầm kiểu thời trang, đầm dạ hội, đầm cưới. Thấy tôi thứ gì cũng biết, bà bắt tôi “chơi nguyên con” bao hết các khâu từ A tới Z, chứ không cho may dây chuyền từng phần như những thợ khác. Tôi ngồi may liên tục 12 tiếng một ngày, nguyên tuần ngồi may đến quên cả ăn, đến nín cả... thở. Thế nhưng khi tôi hoàn thành bà ta chỉ trả \$1 cho mỗi cái áo đầm kiểu, mà giá trị bán ngoài shop ít nhất cũng phải trên trăm đồng.

Vậy mà cầm \$200 sau một tuần lễ làm việc vất vả, tôi hớn hờ vui mừng. Cái khổ này làm sao sánh được với cái khổ nơi vùng kinh tế mới nước độc rừng thiêng chúng tôi đã từng trải qua. Cái quý giá nhất chúng tôi được hưởng bây giờ, là bầu không khí tự do, muốn ăn muốn ngủ muốn đi đâu không hề bị ai dòm ngó.

Những tháng ngày sau 30 Tháng Tư 1975, mấy người phu xích lô nghèo khổ trước đó mẹ tôi thường giúp đỡ, cho mượn gạo mượn tiền, bây giờ đứng lên làm phường làm tổ. Họ vênh mặt nhìn chúng tôi, mắng nhiếc là đồ “ngụy quân.” Mỗi ngày đều có người đến nhà hù dọa, rằng nếu tình nguyện đi kinh tế mới sẽ tự chọn được nơi sống vừa ý, bằng không đến khi họ bắt buộc trục xuất thì sẽ đưa lên tận vùng núi cao xa khó sống. Họ khủng bố tinh thần chúng tôi chịu hết nổi, cuối cùng đồng ý bán ngôi nhà thật rộng cho họ với cái giá như cho, rồi cả nhà dọn lên rừng phát rẫy trồng sản trồng khoai.

Ban đêm nhốt ba đứa con thơ trong gian nhà tranh vách đất, vợ chồng tôi đi tát nước tưới lúa. Vốn từng là dân thành phố da trắng tóc dài, tôi nào biết tát nước gàu dây. Nhiều lần tôi bị “đầu bên kia” lòi té nhào xuống suối. Ông xã phải dạy tôi một thời gian, tôi mới biết cách tát nước gàu dây cho đúng. Sống nơi khi ho cò gáy thể mà đầu đã yên thân. Cơm gạo không đủ cho con ăn, người ta còn đem tới nhà một cái hũ và kêu mình mỗi lần nấu cơm thì bốc ra từ trong nồi một nắm gạo bỏ vào hũ để cuối tháng họ tới lấy đi... nuôi quân!

Kinh khủng hơn, tay thôn trưởng thường tập họp người dân lại, “dạy dỗ” phải làm thế này thế kia, mới đúng là người yêu tổ quốc, yêu đồng bào. Tôi bị bệnh tim lớn, giấy bác sĩ ghi rành rành, mà mỗi lần họp ông ta kêu đích danh nói mịa nói mai là người “lớn tim to gan lớn mật” nên tránh né công tác!

Mỗi nhân khẩu trong gia đình bắt buộc phải đi chặt cây rừng dọn bom mìn để trồng trọt, và mỗi đợt như vậy người ta phải tự mang lương thực ăn trong một tháng.

Lần đó tới lượt nhà tôi đi công tác. Tôi run sợ chuẩn bị lương khô cho anh mang theo, và dặn dò phải cẩn thận. Không ngờ vài tuần sau một người trong nhóm đào bới thế nào mà một trái bom bị nổ tung, làm chết hai người và bị thương bốn người khác. Nhà tôi may mắn, vừa đi khỏi chỗ đó vài phút trước nên thoát nạn, sau này nhìn cái vũng của anh bị nhiều mảnh đạn ghim vào te tua mà hú hồn. Không xe cứu thương, không y tá cấp cứu, mọi người trong làng tự cứu lấy nhau, dùng vũng khiêng người chết và người bị thương chạy bộ từ trên núi xuống tới bệnh viện cũng mất nửa ngày. Nhà tôi hoảng quá bỏ trốn, không trở lại nữa. Về sau cả gia đình bỏ chạy về quê ở cùng với mẹ, cho tới ngày ông xã tôi vượt biên.

Bây giờ mỗi lần nhớ lại những chuyện đó, tôi càng thấy thương và biết ơn ông xã vô cùng. Anh đã can đảm liều mình hy sinh, không ngại hiểm nguy với chuyên hải hành dữ nhiều lành ít, để cho gia đình được như hôm nay.

17 con người chắt trên chiếc ghe câu nhỏ xíu, nước mém thành ghe. Trong cơn mưa biển gió to, con tàu nghiêng qua nước tràn vào, nghiêng lại nước ào vô, có thể chìm bất cứ lúc nào. Mọi người xúm nhau tát nước và cầu nguyện. Như được Hồng Ân dẫn dắt, tự dưng có hai chú cá voi lớn từ đâu hiện lên, bơi dọc hai bên mạn thuyền, nâng đỡ cho thuyền khỏi bị đắm. Hai “Ông” đã tận tâm đưa thuyền đi suốt một đêm mưa gió. Sáng ra biển êm sóng lặng thì mới lặng đi. Người ta cảm kích cúi đầu vái theo cho đến khi hai “Ông” mất hút. Mọi người thoát khỏi chôn thân giữa biển là nhờ hai “Ông Cá Thần” đó.

Trong khi anh đang thập tử nhất sinh trên biển, thì tôi ở nhà bị công an phường đòi lên đòi xuống. Những nhà có thân nhân vượt biên đều được công an “mời” lên, rất “lịch sự” cho ngồi bệt dưới đất, sát cửa cầu tiêu tràn mùi xú uế, để viết lời khai, tường thuật lại mọi việc về người thân “mất tích” như thế nào, đi với ai... Mỗi ngày, cả tuần lễ, thấy không khai thác được tin tức gì từ cái đám xơ xác vì lo cho chồng con vượt biên, nên cuối cùng họ thả về.

Trở lại chuyện shop may. Sau một thời gian bị bà chủ hà hiếp ăn chặn, trả công rẻ mạt, tôi nghe lời những chị lớn, vợ HO qua trước, cùng học trong trường dành cho người lớn “Adult School” với tôi bày biểu, tôi liền đi học làm móng (nails). Không ngờ cái nghề “nghe chẳng mấy hấp dẫn” này lại là nấc thang cho gia đình tôi gạt hái ước mơ. Vượt qua được những vất vả, tôi học và thi lấy bằng nails. Ngày đó thi toàn tiếng Anh rất khó.

Tôi vừa đi làm, vừa lo cho ba thằng nhóc. May mắn mấy đứa con biết cha mẹ nghèo nên cũng chịu khó. Khi chúng lên đại học mỗi cuối tuần tôi làm thật nhiều thức ăn, tụi nhỏ về mang lên trường

chia ra từng bịch zip bỏ vào ngăn đá ăn cả tuần. Hết thì tuần tới về lấy tiếp. Và sau một thời gian làm thuê để cho chủ nặng nhẹ sai bảo và đồng nghiệp ganh tỵ giật giành, tôi cũng sang lại được một cái shop nails. Từ đó kinh tế ổn định để lo cho con và gia đình thân nhân ở quê nhà.

Khi hai thằng con lớn tốt nghiệp đại học, có việc làm ổn định, vợ con nhà cửa đàng hoàng; kể đến thằng út tốt nghiệp và được Google nhận. Tôi cảm thấy thông dong, chợt trong tôi bùng lên một sự khát khao được đi học lại, dù tuổi đời cũng đã trên... năm bó. Tôi xin ông xã cho tôi vừa đi làm vừa đi học, hứa sẽ chu toàn mọi việc ở shop, miễn sao chàng chịu khó phụ giúp việc nhà để tôi có thì giờ làm bài tập.

Xin phép được lan man trở về quá khứ một chút. Ba tôi ngày xưa là thầy giáo Pháp Văn. Tôi là đứa con gái rượu được ba cưng vô cùng, nên mỗi lần ba hỏi lớn lên con làm gì tôi luôn trả lời lớn lên sẽ làm cô giáo dạy học như ba. Và ba tôi vui ghê lắm. Dù đó là những câu nói của đứa con nít ba bốn tuổi, tôi lại ghi nhớ mãi trong lòng.

Bất hạnh thay, khi tôi lên năm thì ba tôi mất; rồi chiến tranh tàn ác đã khiến cho một đứa bé phải đối mặt với những sự khủng khiếp. Đó là lần đầu tiên tôi chứng kiến cái chết của người dưỡng, chồng bà dì ruột mà tôi yêu quý. Dưỡng là một võ sư hiền đức. Nghe mẹ tôi kể lại, ngày trước khi từ xã khác đến làng tôi làm quen với dì Năm, dưỡng phải trải qua cuộc thi đấu cùng một võ sư trong làng, người cũng đang ngắm ghé dì.

Cuộc thách đấu là bung một vò nước đầy và nhảy qua khỏi mái nhà tranh của một người hàng xóm. Dưỡng Năm tối hôm ấy rất oai phong trong bộ bà ba trắng, quần dài lượt thướt, hai tay bung vò nước đầy, nhón chân lên và phóng qua khỏi nóc nhà ông Hai trong xóm, rồi đáp xuống đất an toàn, không đổ ra một giọt nước nào. Phần người thách đấu nhảy qua không khỏi mái nhà nên bị té lộn cuội xuống đất, vò nước bể tan tành. Có lẽ vì dưỡng quá giỏi võ mà sau này bị người ta giết khi chiến tranh lan tràn; người làng nói bởi họ sợ ông chống đối.

Vào một đêm “những người bí mật” có võ trang gõ cửa nhà dì, giả bộ lịch sự mời dưỡng ra sân “bàn chút chuyện” và rồi bất ngờ bắn chết dưỡng từ phía sau lưng. Người dân ở đó nói, nếu dưỡng Năm biết sẽ bị bắn, thì một mình dưỡng dư sức quật ngã hết nhóm người sát nhân đó và cướp súng rồi chạy đi.

Tôi theo mẹ đến thăm dưỡng. Nhìn bà dì oằn oại khóc than, nhìn xác chết đẫm máu của dưỡng nằm trên sân, mẹ và tôi cùng ôm nhau khóc. Tôi rất thương dưỡng nên khóc suốt trên đường về. Mất mũi tèm nhem, tôi bước nhảm, sụp chân xuống một con mương, xem chút nữa thì bị trôi ra sông nếu không có người đi ngang qua cứu giúp. Việc này ảnh hưởng đến tâm trí tôi một thời gian dài.

Khi chiến tranh lan rộng, bom đạn cày xới cả thôn làng, trường lớp cũng tan tành, tôi phải theo mẹ chạy loạn định cư từ nơi này qua chốn khác. Sau này, dù sự nghiệp chưa đến đâu, tôi bị một chàng Không quân “dụ dỗ” nên xách gói sang nhà người ta sớm. Thế là giấc mơ làm cô giáo tan tành theo mây khói. Bây giờ được sống trên đất Mỹ đầy cơ hội, tôi quyết chí phải “học bù!”

Nghe tôi nan nỉ ý ôi: “Ngày trước anh học nhiều rồi, bây giờ chịu khó nấu cơm giùm để em đi học lại.” ông xã gật đầu ngay. Và tôi vội vã đi làm thủ tục nộp đơn vào college, vì sợ để lâu chàng... đổi ý thì khổ. Sau khi hoàn tất các thủ tục ghi danh, tôi đến trường vào một ngày giữa mùa Spring để thi xếp lớp cho mùa Fall.

Tôi còn nhớ chút kỷ niệm vui vui. Ngày đầu tiên chính thức vào trường Delta College với tư cách là một sinh viên, tôi cảm thấy hạnh phúc vô vàn. Khuôn viên trường quá đẹp, hoa đào nở rợp trời, bát ngát một màu hồng phấn lung linh trong nắng. Bãi đậu xe thênh thang, rải rác đó đây là những

trụ máy trả tiền. Tôi chọn đậu xe trong cái ô bên trái một cây anh đào cao lớn dày đặc những bông, bên phải là cây trụ trả tiền, để khi ra về dễ kiếm. Bỏ tiền vô máy, tôi rút tấm thẻ gắn vào xe, nhìn kỹ lại một lần để ghi nhớ rồi mới vô trong.

Vai mang cặp bước đi nhún nhẩy, tôi no mắt ngắm nhìn từng cụm hoa đào trên đường đi, và bỗng chốc có cảm giác như mình là một nữ sinh viên 20 tuổi trẻ trung tràn đầy sức sống.

Thi xong tất cả các môn, tôi ra về lòng thích thú vì đã hoàn thành khá tốt. Môn toán nhờ họ cho dùng máy tính nên tôi làm tạm được, còn các môn khác đọc, nghe, viết, nói, thì chưa biết kết quả thế nào, nhưng đó cũng là bước đầu suôn sẻ. Tôi nhảy chân sáo xuống lầu, mở cửa đi ra ngoài bãi đậu xe. Vừa tới gần bụi hoa anh đào lớn có cái trụ trả tiền, tôi thấy một chiếc xe màu xanh đậm giống xe tôi vừa chạy vụt thật nhanh ra khỏi bãi.

Khi tôi đến chỗ xe của tôi thì ô kìa, trời đất ơi, tôi run bắn lên. Chỗ đậu xe còn đây, cây anh đào còn đó, trụ trả tiền vẫn bên kia, nhưng chiếc xe của tôi đã biến đi đâu mất! Vừa chạy hót ha hót hải, quay hết bên trái sang bên phải kiếm tìm, trong bụng thâm kêu khổ. Hay là chiếc xe tôi đã bị tay trộm đánh cắp chạy ra khỏi parking mà tôi vừa thấy. Tôi chạy quanh tìm kiếm như một người quẩn trí và vấp phải cái rễ cây nên ngã nhào xuống đất. Những thứ linh kinh trong cặp văng ra tung tóe. Tôi ngồi xuống vừa lượm vừa khóc méo mào mắt nhìn quanh. Bỗng đâu có một xe cảnh sát ngừng xích trước mặt. Ông cảnh sát bước xuống và hỏi:

- Why are you crying?" (Tại sao bà khóc?)

- My... car... car... is stolen! (Xe tôi bị ăn cắp rồi!) Tôi trả lời lắp bắp trong tiếng khóc.

Ông cảnh sát nói một tràng dài, nhưng tôi nào có hiểu gì đâu. Cuối cùng ông ta mở cửa xe ra dấu cho tôi bước lên, kèm theo ngón tay chỉ qua phía bãi đậu xe bên kia hàng rào. À thì ra ông muốn giúp chở tôi qua bên kia tìm. Ông ta chạy vòng vòng một hồi, thỉnh thoảng tôi thấy chiếc xe của tôi, đậu ngay bên cạnh bụi hoa anh đào, và bên trái là một trụ tính tiền, y hệt như chỗ lúc này tôi ngồi khóc. Bất ngờ mừng... hết lớn, theo phản ứng tự nhiên tôi đập mạnh vào sau ghế của ông ta, miệng thì la lên bằng... tiếng Việt:

- Xe của tôi kìa! Cái xe của tôi kìa rồi!

Người cảnh sát chắc chắn là không biết tôi nói gì, nhưng ông cũng ngừng lại cho tôi xuống. Và khi thấy tôi chỉ trỏ vào chiếc xe, ông lắc đầu cười rồi chạy đi. Chắc ông cười cho sự ngớ ngẩn của tôi. Giờ tôi mới biết, tất cả các bãi đậu xe và các cổng vào lớp học đều giống hệt nhau.

Trên đường lái xe về nhà, tôi thấy xe ông xã chạy bên ngược chiều nên bóp còi cho ông thấy. Tôi vừa về nhà, đậu xe bước xuống thì anh cũng vừa về tới. Thấy tôi về, bà Mỹ trắng cạnh nhà vội chạy ra định nói gì đó. Nhưng khi ông xã tôi bước ra khỏi xe thì bà bỗng phá ra cười. Bà cười thật to, cười nghiêng ngửa, rồi vừa cười vừa chỉ vào ông ấy:

- Look at him! (Nhìn anh ta kìa!)

Tôi nhìn theo tay bà, và tôi cũng không thể nhịn được cười. Ông ấy dường như mới đi đâu về, quần tây áo sơ mi trắng chỉnh tề. Nhưng nhìn xuống dưới chân thì một chân mang chiếc sandal còn chân kia mang chiếc dép lông nhưng trắng đùng trong phòng ngủ.

Thì ra con gái bà hàng xóm cũng học cùng trường với tôi. Khi cô bé ra xe thì thấy tôi đang “bị” người cảnh sát “áp tải” lên xe nên tưởng tôi bị cảnh sát bắt, vội chạy về nói với mẹ. Bà ấy sang nhà cho ông xã tôi biết, và ông ấy hoảng hồn nên vội vã đến xô chân nhằm dép mà không hay.

- He's so cute! (Anh ta dễ thương gì đâu!) Bà Mỹ nói khi ngưng cười.

Được cơ hội trở lại trường, tôi thật hạnh phúc không gì bằng. Tôi rất mê học, không nghỉ một buổi nào, dù bất kể ngày nắng hay tháng mưa. Đi làm toàn thời gian, và tôi đi học cũng toàn thời gian. Mỗi mùa tôi lấy hai lớp ban ngày trong ngày thứ Hai shop đóng cửa. Hai lớp buổi tối trong tuần, lúc 6 giờ chiều giao shop lại cho ông xã và thợ, tôi mang cặp lái xe chạy đến trường.

Trường cách chỗ tôi làm hơn hai chục phút chạy freeway. Những lúc đông khách tôi không kịp ăn, thì bung theo một tô com, vừa lái xe vừa xúc ăn cho đỡ đói. Tôi luôn vội vã lật đật như vậy, cho nên có một lần làm xong người khách thì đã gần đến giờ, sợ trễ cuộc thi giữa học kỳ nên tôi vội vã chạy đến vượt quá tốc độ. Và tôi bị cảnh sát thổi. Hoảng quá tôi mếu máo kể cho ngài cảnh sát nghe, nào là vì tôi đi làm ra trễ, nào là sợ mất kỳ thi giữa học kỳ phải bỏ cả semester sẽ lỡ dịp transfer... và vừa nói tôi vừa lục đưa ra tờ chương trình học có ngày giờ buổi thi, van xin cho ông thông cảm. Không ngờ người cảnh sát tử tế đã đồng ý tha cho tôi đi mà không hề đưa giấy phạt. Thật là hú vía!

Là một sinh viên “nhỏ người lớn tuổi” nhất trong các lớp học, nhưng tôi rất siêng và thường đạt điểm cao, nên các bạn cùng lớp dù Mỹ hay người nước khác cũng nể mặt. Họ bầu tôi làm nhóm trưởng (group leader) mỗi khi lớp có những dự án (project) nào cần thực hành và nhóm chúng tôi luôn được điểm cao. Từ dưới college cho đến lên trên UC cũng vậy. Chỉ tội ông xã nhà tôi, đi làm về là tôi chúm đầu vào máy, thức đến khuya làm bài, nên anh phải giúp hết việc nhà.

Học ngành Giáo Dục Nhi Đồng (Early Childhood Education), tôi rất yêu nghề, yêu các em bé nhất, những em bị tự kỷ không chịu nói năng. Trong những học kỳ đi làm thực tập sinh (internship), tôi áp dụng những gì mình học được, tích lũy được, để chăm sóc các em. Tôi đã giúp được vài em bé tự kỷ yêu đời yêu người hơn, và cuối cùng các em chịu mở miệng nói. Điều này được người hướng dẫn ghi vào hồ sơ mãn khóa thực tập là tôi đã tạo ra được kỳ tích.

Người Mỹ có câu “Hard work always pays off.” Làm việc cực nhọc sẽ gặt hái kết quả tốt. Cuối cùng rồi ngày ấy cũng đến. Tôi vui mừng mời các con, các cháu nội, cùng tất cả các bạn bè Mỹ Việt đi Sacramento dự lễ tốt nghiệp của một Tân Cử Nhân đang ở vào hàng... sáu bó. Ném chiếc mũ lên không trung, tôi xúc động vô vàn, cảm giác như mình đang chấp cánh bay cao.

Và ngay sau ngày ra trường, tôi bàn với ông xã bán lại Shop Nails rồi nộp đơn xin đi dạy học.

Dù xin làm cô giáo khi đã sắp già, tôi vẫn thấy hạnh phúc vô bờ. Trễ còn hơn không. Tôi đã làm tròn lời hứa với người cha thương yêu, và hoàn thành ước mơ của tôi, điều mơ ước tôi đã mang cánh cánh bên lòng gần trọn một đời.

Cám ơn Nước Mỹ nhân từ đã cho tôi cơ hội.

Cám ơn chàng “người dung khác họ” đã chấp cánh cho tôi.

Phương Hoa

14 tháng 7, 2022



Trong ngày lễ tốt nghiệp!
(ảnh: Tác giả cung cấp)

Ở VÀO TUỔI CỔ LAI HY

Ông bà ta ngày xưa trân quý tuổi thọ, sống được đến tuổi năm mươi là đã ăn mừng ngũ tuần, vì nhân sinh thất thập cổ lai hy, chẳng mấy người sống đến tuổi 70. Ngày nay con người sống khỏe sống vui, đến 50 vẫn còn lả lướt sà trên nhảy, cặp bò nhí, đánh tennis, trèo núi, du lịch ba lô, v.v. Sống đến thất thập không còn là chuyện cổ lai hy nữa. Và số người thọ đến 80, 90 không còn là hiện tượng hiếm.

Thế nhưng, được Giời cho đến từng ấy tuổi thọ là một điều đáng quý hay đáng buồn nhỉ?

Gần đến Giáng sinh bất chợt một bác sĩ từ bệnh viện Kaiser ở thành phố Santa Rosa, California, gọi sang Maryland cho tôi biết John Long, bạn cố cựu của ông xã tôi ngày xưa, bị té ngã ở nhà nên phải nhập viện. Hiện John đã chuyển ra ở tạm nhà an dưỡng để phục hồi, nhưng chắc không thể về nhà sống an toàn như xưa được nữa. Nhân viên làm hồ sơ nhập viện hỏi bác John có ai là người thân thích thì John cho biết tên tôi. Ông xã tôi và bác John là bạn chí thiết đã mấy chục năm cho đến ngày ông xã tôi qua đời cách đây 2 năm. Bác John năm nay đã 92 tuổi, góa vợ từ 24 năm nay, không có con, chỉ sống một mình trong căn nhà xưa với con chó cưng Arabella, và những năm gần đây có thêm Tony ở cùng nhà. Tony được ở miễn phí không phải trả tiền nhà, đồng thời John có người ra vô mỗi ngày để mắt đến cho, giúp chợ búa nấu ăn vặt vãnh, lau dọn, giặt giũ, đưa đi bác sĩ, v.v. Lần trước John té ngã trong nhà có Tony gọi xe cứu thương đưa vào bệnh viện, và lần này cũng vậy. Tôi gọi vào nhà an dưỡng thăm bác John mỗi ngày, và luôn chấm dứt cú phone bằng một câu hỏi: "Này bác John ơi, có chuyện gì tôi làm giúp bác được không?" John luôn có câu trả lời duy nhất: "Không Thúy ạ, đừng bận tâm làm gì." Nghĩ đi nghĩ lại, thấy mình có một tuần phép, ở nhà từ Giáng sinh đến Tết Tây không phải làm gì, mà cứ ngồi bên miền Đông áy náy lo cho người bên miền Tây, thật không yên tâm chút nào. Tôi lại gọi sang năn nỉ John cho phép tôi bay qua thăm vì tôi đang nghỉ lễ. John ngần ngừ rồi bảo: "Ừ thế thì Thúy qua đi!" Thế là tôi tức tốc mua vé bay gấp sang California.

Bác John sống trong căn nhà của mình từ ngày về hưu cũng phải hơn 30 năm nay. Căn nhà chắc chắn nhưng không được chăm sóc tân trang nên theo thời gian trở nên cũ kỹ bệ rạc. Nước sơn bên ngoài tróc từng mảng lổ chỗ. Thảm trong nhà phai bạt màu nguyên thủy và đóng khấn bụi bậm nên không còn biết là màu gì, bàn ghế bằng gỗ quý mang từ Trung quốc về đóng một lớp bụi trắng, sờ tay vào là để lại dấu tay của mình. Bộ salon cũ mốc phủ đầy lông chó. Biết thế nên mỗi lần đến thăm bác John tôi luôn mặc quần jeans. Mặc quần tây đen ngồi xuống salon là khi đứng lên quần của mình sẽ bám đầy lông phủi mãi không hết. Những năm gần đây sức khỏe John suy sụp dần theo thời gian, nhưng ông chỉ nói vắn tắt: "Tôi ngày càng chậm dần." Người Mỹ sống rất độc lập và riêng tư, không phơi bày hay than thở với ba làng bảy tổng như người Việt mình. Lần nào ghé đến tôi cũng hỏi chuyện riêng với Tony, thì được Tony cho biết John suy yếu thể lực nhưng tinh thần rất minh mẫn và tự quyết định mọi việc cho mình không cho ai can thiệp vô. Trời ơi, đáng lẽ tôi phải phải lợi dụng tình bạn giữa ông xã tôi và John ngày xưa để xin phép sắp xếp nhiều việc cho John. Tôi nào biết được bác John bị tiểu đường nhưng không để ý tổ chức ăn uống cho đúng phép, đã mấy năm nay không còn tự tắm rửa được nữa, chỉ dùng éponge thấm nước lau mình mà thôi, tay chân ngày càng run rẩy viết chữ Tony đọc không ra, v.v. Bác John cứ thế thui thủi sống một cách khắc kỷ theo khuôn mẫu ngày xưa, việc gì không làm được nữa thì âm thầm buông thả hay tính cách khác, không muốn thuê người hầu hạ tốn kém, và không biết cách tìm hiểu hay không muốn gọi sở xã hội xem chính phủ có những dịch vụ nào có thể đỡ chân đỡ tay cho mình.

Lần này hình như John đã quyết định khi gặp mặt tôi sẽ hé mở thế giới khép kín của ông cho phép tôi bước vào. Từ từ vào câu chuyện, với giọng nói vắn rõ ràng mạch lạc nhưng hay bị ngắt quãng vì đứt hơi (giờ thì John thở khó khăn nên phải đeo bình oxy), John chỉ cho tôi biết căn kê rằng về nhà ông, vào văn phòng, nhìn vào bên trái bàn viết, ở phía dưới có một tủ kê nhỏ thường dùng làm tủ kê TV, trên đó có hai hộp sắt hồ sơ đựng giấy tờ cần thiết. John bảo tôi lục ra các

giấy tờ quan trọng để hành xử và mời luật sư đến làm giấy ủy quyền cho tôi lo mọi chuyện cho ông.

Bước vào văn phòng bác John tôi tìm được mọi vật đúng tại từng nơi John đã chỉ. Thật là phức tạp ngăn nắp trật tự của bác. Trong hộp thứ nhất, các tờ báo cáo tài chính hằng tháng tại ngân hàng và các tài khoản đầu tư được sắp xếp trong từng bì hồ sơ riêng, ghi nhãn rõ ràng từng chương mục. Nhưng tại sao các tờ báo cáo này ngừng lại từ khoảng tháng 8, tháng 9 cách đây cả năm nhỉ? Có ai gian lận tước đoạt hết tài sản của John rồi chăng? Nhìn lại trên bàn viết tôi thấy nhiều xấp giấy khác ghim lại gọn gàng trên bàn theo từng tên chương mục. Đó là những báo cáo gần đây. Tôi nghiệm ra rằng từ cuối năm rồi John không còn đủ sức cúi xuống gầm bàn bê hai hộp sắt ra để xếp tài liệu vào được nữa. Đùng là John có của ăn của để, thế mà cứ sống khổ hạnh không dám tiêu xài hay chi tiền thuê người khác chăm sóc cho mình. Trong hộp sắt thứ hai có những tờ di chúc John lập ra và thay đổi theo thời gian. Những bản di chúc này, từ những trang giấy đánh máy vàng vọt theo năm tháng ngày xưa, chữ mờ chữ tỏ, đến những bản mới gần đây trắng tinh tươm in gọn gàng từ máy điện tính, là cả một thiên tình sử của John. Đây không phải là những love stories giữa nam nữ, mà là giữa John với những người ông yêu mến trên đời. Di chúc đầu tiên John lập ra năm 1987 sau khi vợ mất, để tất cả tài sản lại cho bà mẹ già nếu ông ra đi trước mẹ. Di chúc thứ hai được thay đổi năm 1993 sau khi mẹ qua đời, John để tài sản lại cho con trai của bạn mình là ông xã tôi, giúp cậu học đại học khi John qua đời. Di chúc thứ ba lập năm 2000, lúc ấy cậu con trai đã tốt nghiệp nhờ tiền cha mẹ chứ không được hưởng gia tài của bác John. Ông xã tôi thì lập gia đình mới với tôi có thêm bé gái, nên John để lại tài sản cho con bé ăn học sau này. Những lần thay đổi di chúc John cũng cập nhật hóa tên người được ông ủy quyền để xử lý tài sản cho ông. Đầu tiên là ông bạn Lee và bà bạn Sally, đến khi Lee qua đời thì đổi sang bạn khác là Gordon, ông xã tôi, và Sally, rồi khi Gordon mất đi cách đây 2 năm thì thế vào tên con trai của Gordon, nay đã trưởng thành. Cậu đã thành tài nên ông thay thế người thừa kế là đứa em gái khác mẹ sinh ra sau này khi bố cậu lập gia đình với tôi. Càng sống lâu trên đời John càng mất đi những bè bạn thân thiết quanh mình. Sau này chỉ còn có John và Sally hằng ngày gọi vắn an nhau. Lần này sang đây tôi được tin Sally cũng vừa qua đời tháng trước. Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Người cao tuổi hiếm lắm, quý lắm, thế nhưng người thân lần lượt ra đi rồi, chỉ còn mình già yếu trợ trợ trên đời, thì đó là cái phúc hay là cái họa nhỉ?

Sau khi gặp John tôi đi tìm hiểu một vài nơi nuôi người già. Có những nơi nhận nuôi 4, 5 người trong một căn hộ bình thường, mỗi người có phòng riêng hay hai người ở chung một phòng tùy giá tiền mình có thể trả. Hằng này người ta nấu ăn cho ba bữa, giúp mình thức dậy, vệ sinh tắm rửa thay quần áo, đến giờ lấy thuốc cho uống, cần đi bác sĩ hay công chuyện người ta sẽ đưa đi tính thêm tiền. Có nơi nhận cả chó mèo của mình, vì người ta biết đối với người già thì con vật họ nuôi nặng gần gũi rất quan trọng cho sức khỏe và tinh thần của họ. Tôi cũng phỏng vấn một dịch vụ cho người đến nhà riêng săn sóc dọn dẹp, tốn tiền hơn nhiều, nhưng sẽ giúp bác John vui hơn vì được về lại khung cảnh quen thuộc ở nhà. John được tôi bàn qua các chọn lựa khác nhau nhưng ông không quan tâm lắm. Ông bảo tùy tôi tính, chứ phần ông không muốn tiêu hết tiền để dành cho “con bé” ăn học.

“Giờ ạ, bác John! Tiền nào, của ai? Tiền của bác cả đấy chứ. Phải chăm sóc bác trước đã! Bao giờ bác ra đi còn lại bao nhiêu thì cháu hưởng, không còn thì thôi.”

“Tùy Thúy thôi. Tôi chỉ yêu cầu tìm người nuôi dùm con Arabella. Nếu không ai nhận nuôi thì mang nó đến thú y chích thuốc giải thoát cho nó đi, đừng để nó phải lang thang ngoài đường lục lợi thùng rác tội nghiệp.”

Sáng ngày tôi trở lại nhà an dưỡng để kết thúc mọi sắp xếp cho John. Thấy tôi nhân viên làm việc hốt hoảng báo tin rằng đêm qua ông bị giảm lượng oxy đột ngột nên đã đưa trở vào nhà thương. Tôi tất tả chạy vào bệnh viện Kaiser. John nằm trên giường đeo bao ống lưng lẳng, mặt cau có bức bối. “Chẳng biết chuyện gì đây, cứ ra vô nhà thương xoay xoay!” Tôi dứt bác ăn được phần tư bánh mì sandwich và ít súp. “Đồ ăn ở nhà thương thì có ra gì đâu!”, vẫn giọng cảm râm cổ hữu của bác. Tôi ra ngoài gọi điện thoại bàn công chuyện tiếp với luật sư. Sáng hôm sau luật sư sẽ vào bệnh viện giúp bác ký giấy ủy quyền giao trách nhiệm quản lý tài sản cho tôi. Hón hờ quay về phòng để báo cáo thành tích thì thấy giường bác quay màn kín lại, cửa khép, vài ba nhân viên bệnh viện đang bận rộn lảng xãng bên trong. “Trời ơi! Chuyện gì vậy, tôi vào được không?” Y tá dùng máy trợ hô hấp nhưng vẫn không giúp John mang đủ oxy vào phổi. Bác sĩ cho biết không còn bao nhiêu thời gian nữa. Tôi gọi về nhà bảo Tony vô ngay, rồi nhẹ nhàng kéo ghế ngồi lại bên giường John, nắm lấy bàn tay vẫn còn ấm áp của ông, mắt nhìn theo máy đo oxy cứ hạ thấp dần, miệng nói thâm với John: “Nếu đã đến lúc ra đi thì cứ ra đi nhẹ nhàng êm ái bác John nhé! Sang bên ấy gặp lại Lee, Gordon và Sally!” Tôi nắm chặt tay ông cho đến khi ông trút hơi thở cuối cùng. Tôi thấy mình vinh hạnh được ở gần bên bác John vào giờ phút cuối của đời bác. Bác sống cô đơn khắc kỷ bao năm trời nhưng lòng lúc nào cũng hướng đến lo lắng cho mọi người quanh mình. Nay bác ra đi cũng được có tôi và Tony bên cạnh. Chắc là Gordon đã xui khiến cho tôi mua vé bay sang đây, và John quyết định ra đi một ngày trước khi tôi trở về lại Maryland để tôi có đủ thì giờ lo hậu sự cho ông.

Nhân sinh thất thập cổ lai hy! Mục đích sống trên đời là gì nhỉ? Cố gắng vươn lên, sống sao cho thành đạt lẫy lừng? Sống cho hạnh phúc nhỏ và bình yên tâm hồn, mặc cuộc đời bon chen giành giật? Hay sông băng cách quên mình đi mà nghĩ đến người khác để cuộc đời mình có ý nghĩa hơn?

Các bạn U70 của tôi ơi! Minh nên sống như thế nào cho đến tuổi cổ lai hy đây?

Thúy Messegée

Ở TRỢ

Chị Bông dứt phone với anh thợ làm hàng rào và lảm bảm:

- Anh ta cho giá thay toàn bộ hàng rào 6,000 đồng, hao tốn quá.

Chị bực mình liếc mắt sang nhà hàng xóm có chung cái hàng rào sau vườn à lảm bảm tiếp:

- Mà cái nhà hàng xóm này lại không biết điều.

Trước đó anh hàng xóm người Mễ đã vài lần thẳng thắn từ chối hợp tác cùng chị Bông thay phía hàng rào chung của hai nhà với lý do hàng rào chưa hư hỏng gì và tiền thì họ chưa có luôn.

Trong vườn chị Bông trồng nhiều cây hoa hồng, mái hiên patio treo chiếc chuông gió nên thơ, nếu được hàng rào đẹp thì khu vườn sẽ càng đẹp thêm.

Cái cell phone chị để trên bàn trong sân patio reo lên, không lẽ anh thợ hàng rào gọi lại... giảm giá? Hay là anh hàng xóm Mễ gọi sang báo tin đã đồng ý làm hàng rào? Chị Bông vội vàng mở phone, thì ra là chị Huê, người bạn thân thiết. Giọng chị Huê reo lên:

- Bông ơi, hai vợ chồng mình mới mua một căn biệt thự đẹp mà giá khá rẻ so với thị trường, vợ chồng chủ nhà ly dị cần bán nhà nhanh, ưu tiên cho tiền mặt, mình đủ điều kiện. Tháng sau bạn đến ăn mừng tân gia nhé.

Chị Bông ngạc nhiên:

- Ở kia, nhà Huê đang ở cũng mới cũng đẹp mà lại đổi nhà à?

- Nhà này mới hơn, đẹp hơn và sang trọng hơn. Đây đúng là căn nhà ước mơ của mình. Hàng xóm toàn là triệu phú trở lên đó nha!

Chị Huệ say sưa tả ngôi biệt thự từ ngoài sân vào bên trong đến cả khu vườn. Chị Bông nghe đến đâu choáng váng đến đó. Một tiếng sau chuông phone mà chị Bông còn thần thờ như người mới bị bỏ bùa chưa tỉnh.

Bất giác chị ngó quanh khu vườn nhà mình bỗng thấy... tui, giá mà chị giàu có như chị Huệ thì đã thay quách toàn bộ hàng rào khỏi cần kêu gọi anh hàng xóm Mễ đóng góp.

Chị Bông đang ganh tị với căn biệt thự chị Huệ vừa khoe. Anh Bông lững thững ra vườn và gặp vợ ngồi im lặng.

Anh thắc mắc:

- Em nghĩ gì mà thần thờ ra thế. Lại bực mình vì anh hàng xóm Mễ vẫn chưa chịu chung tiền thay cái hàng rào mới hả?

- Tại anh Mễ và... tại chị Huệ.

- Anh biết rồi, bà Huệ không khoe stock của bà ấy lên giá thì cũng khoe cửa hàng bánh mì thịt nguội, giò chả, chè cháo của bà ấy doanh thu ngày càng tăng.

Chị Bông thán phục:

- Anh nói đúng đó, cửa hàng chị ấy đắt hàng lắm, dù đã thuê mướn cả chục người mà hai vợ chồng vẫn bận rộn cả ngày, trong khi vợ chồng mình cùng tuổi về hưu như anh chị Huệ thì ăn không ngồi rồi chẳng kiếm ra xu nào ngoài mấy đồng tiền hưu.

- Tội nghiệp, anh chị Huệ lớn tuổi rồi mà vẫn làm việc đầu tắt mặt tối. Tóm lại giàu có mà vẫn "khổ" vì kiếm tiền. Anh nghe kể rằng có bà già luôn than thở mình mấy tay chân đau nhức, tai điếc mắt mờ thế mà vẫn... t hích mở hầu bao ra đếm tiền, chẳng than mỏi tay đau tay hay mờ mắt gì cả. Thiếu đồng nào bà phát hiện ra ngay.

Chị Bông cãi lại:

- Càng có tiền càng sướng chứ, tội nghiệp gì chị Huệ. Vợ chồng chị Huệ mới mua một căn biệt thự hơn một triệu, trả tiền mặt nhé. Em nghe mà ham, trong khi em muốn thay cái hàng rào chỉ 6,000 đồng cũng không dám làm. Nãy giờ em cứ mơ ước nếu mình trúng số thì sẽ mua căn biệt thự trong khu ấy làm hàng xóm các triệu phú cho oai. Chứ hàng xóm với mấy nhà Mễ này chỉ thêm bực mình.

Anh Bông an ủi:

- Hàng rào sau vườn còn tốt chán, anh hàng xóm Mễ từ chối thay mới là đúng rồi. Em đừng "khùng bó" tinh thần anh ta nữa, lần nào gặp mặt họ em cũng hỏi chỉ một câu: "Anh chị suy nghĩ kỹ chưa? Có thay hàng rào với tôi không?" Mà em không nhớ bài thuyết giảng ở chùa hôm nào à, cuộc đời là cõi tạm, chúng ta đang ở trọ trần gian, đòi chi những điều hoàn hảo.

- Anh chỉ chuyên môn bệnh hàng xóm, xe nó đậu đầy lề đường, trở ngại lối đi, chướng cả mắt, anh lại khen xe đậu thế này trông... nhộn nhịp khu phố. Cuối tuần nó tụ họp bạn bè uống bia trước sân mở nhạc tiếng Spanish âm ỉ anh cũng khen... vui cả khu phố.

- Sống hòa đồng và nhịn hàng xóm một tí có sao đâu?

- Nếu thế em cũng sẽ đậu xe lòng lề đường và cuối tuần tụ họp bạn bè ngoài sân mở âm ỉ nhạc Bolero Thanh Tuyền, Chế Linh, Hương Lan, Tuấn Vũ cho hàng xóm Mễ nghe chơi nhá.

- Vợ chồng Mễ hàng xóm hiền lành dễ thương, chả lẽ vì cái hàng rào mà em đành hanh với họ thế à? Thuyết nhà Phật...

Chị Bông ngắt lời chồng:

- Ôi, anh lại thuyết nhà Phật lắm bi quan, nào đời là bể khổ, đời là cõi tạm, kiếp người mong manh, trở về cát bụi, ai mà đang tuyệt vọng sẽ chẳng muốn kiếp lai sinh. Em muốn như anh chị Huệ lúc nào cũng phơi phới kiếm tiền và hưởng đời, muốn gì cũng có. Hay là mình gom góp vốn

liếng, vay mượn thêm con cái đầu tư mutual fund hay địa ốc đi anh, chơi stock thì càng kiếm nhanh hơn nữa. Vậy anh muốn cái nào?

- Nghĩa là sao? Mình mua nhà cho thuê hoặc mua mutual fund, hoặc chơi stock đu dây với may rủi ấy hả?

Chị Bông giảng giải:

- Anh nhát gan không chơi stock thì thôi. Mua nhà mình chỉ cần down khoảng 20% và lấy tiền thuê hàng tháng trả mortgage, 10 hay 15 năm sẽ trả xong nợ, căn nhà thuộc về mình. Hay là đầu tư mutual fund chậm hơn nhưng 10 năm sau số tiền đầu tư có thể tăng gấp đôi. Tới lúc đó mình lấy cả vốn lẫn lời ra... mua nhà biệt thự làm hàng xóm các triệu phú luôn.

- Nghe em nói kiếm tiền dễ quá. Nhưng anh... không chọn cái nào cả!

Chị Bông cụt hứng giận dỗi trách:

- Hèn gì số mình nghèo là phải. Suốt đời ở căn nhà xấu này thôi!

- Ai mà chẳng muốn cuộc sống đầy đủ cao sang, anh cũng thích nhà cao cửa rộng lắm chứ, nhưng mỗi người một hoàn cảnh. Bao nhiêu năm nay không giàu có được nói chi tuổi xế chiều.

Rồi anh Bông vỗ về:

- Thôi em đừng ganh đua với chị Huê nữa, mình không có tiền bạc và càng không có thời gian để đầu tư đường dài. Em cứ an phận làm hàng xóm mấy anh chị Mẽ, mấy anh chị Mỹ đen như hiện nay đi. Vợ chồng mình là khách hàng thường xuyên của CVS pharmacy tại thành phố này, các nhân viên bán thuốc full time, thậm chí nhân viên part time thay đổi soành soạch, mà họ còn nhớ tên nhớ mặt mình. Vậy thì hơn 10 năm nữa mình 80 tuổi, bệnh tình mình đi tới đâu? Liệu có còn sức khỏe mà hưởng nhà to nhà đẹp không, hả? Nếu có thay đổi nhà thì anh sẵn sàng moving đến căn nhà nào... gần bệnh viện nhất để mỗi lần gọi 911 cấp cứu cho tiện.

Đến dự buổi tiệc tân gia nhà chị Huê, căn biệt thự lộng lẫy ấy chị Bông khó thể nào quên, vừa trầm trồ khen ngợi vừa mơ ước khi chị Huê dắt khách đi từng phòng giới thiệu, đây là phòng khách của tôi, phòng bếp của tôi, phòng nào cũng đẹp cũng sang. Bước vào căn phòng ngủ kê hai chiếc giường mà vẫn còn rộng mênh mông với những tủ, gương sang trọng, chị Huê lại hãnh diện sung sướng. Bạn bè ai cũng khen vợ chồng chị Huê có phước, con cái đứa nào cũng ăn học thành đạt, gia đình đề huề, anh chị Huê thì giàu có làm ăn tiên vô như nước. Chị Bông hỏi:

- Bao giờ thì anh chị nghỉ bán buôn, ở nhà hưởng nhàn thanh thoi?

Chị Huê phân trần :

- Mình cũng muốn nghỉ lắm. Con cái có công việc của chúng, chẳng đứa nào thích cái nghề bán bánh mì thịt nguội này cả, sang cửa hàng cho người khác thì tiếc rẻ vì công việc làm ăn càng ngày càng phát đạt, tiền cứ chạy vô túi, vô nhà băng nên chẳng nỡ ngừng. Thôi thì còn sức còn làm, có nhiều tiền tiêu xài cũng sướng tay, nhờ thế vợ chồng mình mới mua căn biệt thự này dễ dàng.

Chị Huê ghé tai chị Bông khoe thêm:

- Trừ mọi chi phí mỗi tháng, vợ chồng mình kiếm mười mấy ngàn, chẳng cần ăn học bằng cấp gì mà tính ra hơn hẳn lương kỹ sư lâu năm, tự mình làm chủ mình và làm chủ gần chục nhân viên từ khâu làm bánh mì, làm giò chả thịt nguội, đến khâu đứng bán cho khách hàng. Thử hỏi là chị có chịu buông bỏ cửa hàng ngôi nhà lãnh vài đồng lương hưu không chứ?

Sau dịp ăn tân gia ấy chị Bông ít có dịp đến nhà chị Huê nhưng thường gặp chị ở cửa hàng bánh mì thịt nguội nổi tiếng ngon nhất của thành phố này.

Vợ chồng chị Huê nhanh nhẹn xã giao với khách hàng và tháo vát với công việc, chỉ huy nhân viên đâu ra đấy.

Thế mà một hôm chị Bông nghe hung tin, một người bạn gọi phone báo tin:

- Chị Huê đã qua đời trong giấc ngủ đêm qua vì heart attack.

Trời ơi, một cái chết qua bất ngờ, không hề báo trước. Chơi thân với chị Huê nhưng chị Bông có nghe chị Huê than thở gì về bệnh tim mạch đâu? Hay là chị Huê làm việc nhiều quá nên căng thẳng ảnh hưởng đến tim mạch?

Sau đám tang chị Huê, cửa hàng bánh mì hoạt động trở lại bình thường, bạn bè ai cũng ngạc nhiên, tưởng anh Huê mất đi người vợ yêu dấu mấy chục năm bên nhau anh sẽ mất nguồn cảm hứng kiếm tiền.

Vài tháng sau chị Bông đã nghe bạn bè chung của chị Huê truyền nhau tin đồn anh Huê đang “tình ý” với chị Sương nhân viên quản lý cửa hàng. Đó là một thiếu phụ khoảng 45 tuổi, chị ta là mẹ độc thân của ba đứa con. Được bà chủ tin cậy chị ta nhanh nhẹn khôn ngoan chăm chỉ làm việc và bây giờ thì được ông chủ độc thân ưu ái. Ai cũng tưởng họ chỉ “tình ý” và bỏ bịch cho đời nhau đỡ buồn. Nhưng một năm sau thì anh Huê chính thức đi thêm bước nữa với chị Sương với lý do để có người phụ anh công việc kinh doanh, cứ làm như anh chỉ cần người làm hơn là cần người tình.

Căn biệt thự lộng lẫy của chị Huê nay đã có nữ chủ nhân mới, thêm ba đứa con của chị ta nên cửa nhà đông vui hẳn lên, lúc nào cũng có một hai chiếc xe loại sang điệu trước sân, chiều tối các khung cửa sổ căn biệt thự đều sáng đèn ấm cúng.

Cửa hàng sản xuất bánh mì thịt nguội đã có nữ chủ nhân mới.

Ngày nào chị Huê từng hãnh diện khoe công việc và tiền bạc nay những huê lợi ấy đã vào túi người khác... Ngày nào chị Huê từng sung sướng khoe căn phòng ngủ xinh đẹp sang trọng, nay căn phòng ngủ ấy cũng thuộc về người phụ nữ khác. Và người chồng suốt mấy chục năm thân ái của chị cũng thuộc về người khác luôn.

Chị Bông xót xa giùm người bạn đã nằm dưới nấm mộ. Chị than thở với chồng:

- Thương chị Huê quá. Nhớ ngày mới mua căn biệt thự chị Huê hớn hờ vui mừng bao nhiêu, chị trang hoàng chăm sóc từng căn phòng, thế mà ở chẳng bao lâu...

Anh Bông lại triết lý nhà Phật:

- Chị Huê đã “ở trọ” trong căn biệt thự ấy, chứ có gì là của chị Huê đâu, kể cả bạc tiền và người chồng yêu dấu. Hết thời hạn thì ra đi. Vợ chồng mình cũng đang “ở trọ” trong chính căn nhà của mình đây. Cuộc sống luôn đi bên cạnh những rủi ro bất trắc, tai nạn hay bệnh hoạn có thể đến bất cứ lúc nào. Chúng ta không chết vì tai nạn, bệnh hoạn thì cũng chết vì tuổi già sức yếu, mười năm, hai mươi năm nữa thôi căn nhà này sẽ thuộc về ai?

Chị Bông giật mình, anh Bông nói đúng quá, sau này vợ chồng chị chết đi, con cái đều có nhà riêng và công việc ở xa, chẳng đứa nào có nhu cầu dọn về đây. Căn nhà này sẽ bán đi và thuộc về người khác.

Chị Bông chợt nhớ tới gia đình một người quen biết, sang Mỹ diện H.O. năm 1990, Sau 5 năm làm việc cật lực họ có chút tiền down một căn nhà. Người vợ lãnh đồ từ hãng và may tại nhà, vừa chăm chỉ may vừa lo cơm nước cho chồng đi làm con đi học. Chị hết sức tiết kiệm tiền bạc và cả thời gian, ít giao du với bạn bè, thậm chí từng là con chiên ngoan đạo chị cũng “né” đi nhà thờ hàng tuần, chỉ đi vào những dịp lễ lớn, vì đi nhà thờ là “tốn kém”, luôn có mục đóng góp đủ thứ, nay món này mai món khác chẳng bao giờ hết việc. Mục đích chính của chị là làm việc tối đa và tiết kiệm tối đa để có tiền trả nợ căn nhà.

Nhà cửa trả xong, vốn liếng bắt đầu rủng rỉnh thì đùng một cái chị H.O. lâm trọng bệnh qua đời. Chồng quan niệm con cái đứa nào cũng có ăn học và có gia đình riêng không phải lo cho chúng nữa, ông ta về Việt Nam cưới một cô hàng xóm lỡ thì nhưng vẫn còn trẻ chán so với ông, bán

căn nhà cũ đang ở để mua căn nhà khác mới hơn đẹp hơn cho xứng và le lói với người mới. Chị H.O. này cũng “ở trọ” và ra đi “trắng tay” như chị Huệ.

Thế là chị Bông lại an phận tìm vui với căn nhà của mình, khu vườn sau hoa lá và chuông gió vẫn đẹp và nên thơ với cái hàng rào cũ mà chị từng muốn thay bỏ chúng.

Một buổi sáng chị Bông mang rác ra sân trước thì thấy chị Mễ hàng xóm cũng kéo thùng rác ra sân liền tươi cười xã giao, bù đắp cho những ngày chị Bông liếc mắt hay lườm lườm sang nhà nó với vẻ lạnh lùng:

- Chị khỏe không? Hôm nay chị không đi làm hả?

Chị Mễ than thở và e dè:

- Tôi bị mất việc rồi, đang hưởng tiền thất nghiệp. Chị đừng rủ tôi thay cái hàng rào nữa nghe Xong chị ta nửa đùa nửa thật:

- Chỉ còn chồng tôi đi làm, nhà 4 đứa con, nếu tôi mà thất nghiệp dài lâu thì không có tiền trả mortgage căn nhà này đâu, lúc ấy chị sẽ có hàng xóm mới để rủ họ thay hàng rào mới.

Chị Bông cảm thấy như mình có lỗi và áy ngại quá. Hoàn cảnh nhà hàng xóm chẳng khá giả mà bấy lâu chị cứ “mặt sung mày xia” ngầm với họ vì cái tội không chịu chung tiền làm hàng rào mới. Chị Bông dụi dụi thân mật:

- Chúc chị mau kiếm được việc làm, còn cái hàng rào chung của chúng ta, đúng như chồng chị đã nói, vẫn tốt lắm, thay làm chi cho phí tiền.

Trong ánh mắt chị Mễ thoáng vẻ ngạc nhiên và vui. Chắc vì lần gặp mặt này chị ta thấy chị Bông đã thay đổi thái độ quá bất ngờ. Chị Bông lại thấy anh Bông nói đúng, chẳng có ai dám bảo đảm ở căn nhà của mình dài lâu chứ đừng nói suốt đời. Ngoài cái chết, người ta phải rời xa căn nhà vì cả đồng lý do, vì công việc, vì trường học của con cái hay vì mất job, vì li dị, v.v. vì biết đâu chỉ vì... nhà hàng xóm. Gia đình anh chị Mễ này không chịu nổi mù hàng xóm khó tính như chị Bông, một ngày nào đó họ cũng sẽ dọn đi cho khuất mắt?

Chị Bông chẳng cần cái hàng rào mới đẹp nữa cho hao tốn bạc tiền của mình và của hàng xóm và chị càng không mơ nhà to đẹp cao sang nữa khi tuổi đã xế chiều. Vì nhà to đẹp hay nhà cũ xấu cũng chỉ là quán trọ ven đường đời cho ta dừng chân và một ngày nào đó ta sẽ về nơi yên nghỉ sau cùng đó mới là căn nhà vĩnh cửu của riêng ta.

Nguyễn Thị Thanh Dương

ÉM NHỆM...

Khi tôi
gõ giữa cõi trần
Hồn thanh khiết ẩn
trong thân xác gầy
Tôi là ai? Bụi hay mây?
(Là mây hay bụi
đính đây hư không.)

Cõi nào
tự tại thông dong?
không KHÔNG
không SẮC
không TRONG
không NGOÀI.

Hoa Tím Lục Bình

*Thương em hoa tím lục bình
Lênh đênh sông nước, một mình nắng mưa
Sáng trưa, chiều tối, bơ vơ
Trôi theo dòng chảy, biết chờ đợi ai
Duyên hờ, một kiếp, ngắn, dài
Về đâu hoa tím, dòng đời, về đâu?
Dạt vào rạch cạn chiều nao
Liu riu sông nước, nơi đâu bến bờ?
Trời cao, con nước ơ thờ*

Tôi là ai?
mỗi sớm mai
Thấy tâm VÔ NGÃ
hình hài VÔ TRI.

Tháng ngày
Thiền tọa... cách ly
Cái TA còn/mất!
Tâm SI vẫn còn
Chỉ là
ém nhẹm... vô ngôn.
Kiều Mộng Hà
July23-2022

*Hoa tím tím biếc, ngẩn ngơ lối về
Nước trôi, gió cuốn...não nề
Tìm đời, tím nhánh sông quê thuở nào
Chiều hoang, sóng gió thì ào ào
Thương em, hoa tím, bọt bèo bãi xa
Lục bình trôi nổi, sóng xô
Ngậm ngùi hoa tím, mộng mơ duyên hờ.*
Phạm Thị Minh Hưng

MỘT MÙA XUÂN RẤT XA...

(Thương tặng các bạn sinh viên Huế, và các bạn cư xá Jeanne d'Arc & Xavier của thời vàng son đầu yêu.)

Một ngày mùa hè...

Ba chở tôi đến phi trường Phú Bài, Huế, đón cậu em từ Đà Lạt ra để giúp Ba và tôi trong việc làm ăn của Ba. Mẹ và 3 em kia vẫn đi làm đi học ở xứ sở sương mù... Gặp lại em Vũ sau nhiều tháng xa cách, thật mừng rỡ... Lúc xưa cả gia đình Ba Mẹ và sáu người con đều quây quần, rồi chị và anh lớn đi xa để tiếp tục việc học, còn lại bốn chị em rất thân nhau. Ôi bao nhiêu kỷ niệm...

Mấy năm nay Ba phải ra Cố đô để làm việc, một mình tôi đổi "cấp độ" từ nhỏ đến lớn, bi chừ là "Học Đại" rồi, nên theo Ba được.

Em Vũ mang theo cây đàn tranh cho tôi. Tôi mới học được vài tuần ở Tỳ Bà Viện. Khệ nệ cầm cây đàn, tôi băng qua phòng chờ ở phi trường, rồi lẩn ra bên ngoài chỗ để xe... Chợt có 2 anh lái tàu bay từ bên phi trường quân sự tiến đến, hỏi chuyện...

Có lẽ vì nhìn thấy một con bé với vẻ mặt chẳng có gì là nghệ sĩ mà lại đi chơi loại đàn xưa và rất khó này nên hai "ông" ấy tò mò chẳng?

Biết chúng tôi ở xứ ngàn thông, các anh rất thích, họ là người dân xứ biển Nha Trang hiền hòa, và thường bay lên đó, họ rất thích thành phố buồn của chúng tôi...

Vài tuần sau, đến lúc nhập học, em tôi phải trở về Đà Lạt, còn tôi thì vào cư xá "để học cho yên" - Ba bảo như xưa...

Vài ngày sau khi đi học, một anh tài xế máy bay ấy, anh Quang, đã đến cư xá và xin "sơ"(soeur) trông coi phòng khách để gặp tôi.

Tôi chưa gặp anh Quang được, vì tôi chưa thừa chuyện với Ba Mẹ tôi. Anh ấy ra về... Vài ngày sau, tôi nhận được lá thư của anh gửi từ Nha Trang. Tôi đã đưa thư cho Ba đọc (tự tôi cảm thấy cần cho Ba đọc, vì Ba đâu có cảm can chi mô?) Ba nói lời thư có vẻ chân thành, nhưng "chưa

biết con ạ vì các anh ấy thường rất bay bướm". Nếu anh ấy muốn gặp con ở cư xá, con có thể nói chuyện vì Ba biết trong phòng khách, luôn có sơ làm việc giấy tờ, và con có thể trả lời thư...

Nhiều tháng trôi qua... Anh thường có dịp phải bay ra Huế, có lần anh và bạn lái trực thăng vòng vòng quanh sân trường của tôi. Trời ơi! Cứ bay vùn vũ quanh quanh như rùa... Thầy Cô và bạn bè không hiểu chuyện gì đang xảy ra! Chỉ có Kim Thoa & Ngọc Quỳnh ở cùng phòng cư xá với tôi biết là ai thôi: "Răng mà anh nớ gan cùng mình ghê luôn!"

Rồi còn đi với bạn để đón tôi lúc tan trường... Tôi luôn đi với cô bạn thân Kim Thoa và anh ấy cũng luôn có thêm một người bạn đi cùng...

Muôn độn thổ luôn, trời ạ! Hai ông lính thuộc loại dữ dằn, mặc áo bay, đi kèm với hai con bé "chưa lớn", làm chúng vừa đi vừa nép vào nhau, che mặt mình không hết, cả trường ào ra như ong vỡ tổ... Ai đi xe ra cũng ngoảnh mặt lại nhìn xem hai "con" nào mà ghê gớm rùa hè?

Thôi thôi bước đi cho nhanh cho rồi... làm hai ông phải la lên:

- Hai cô làm gì mà như bị ma đuổi vậy?

Tôi cần nhân:

- Sao anh muốn đến trường mà không nói trước, để bây giờ... làm sao mà trốn đây? Ngày mai vô lớp học thì chịu sao cho thấu?

- Thì Thanh Lan cứ bảo là ông anh ở Nha Trang đi công tác ra thăm em thôi mà, có gì nghiêm trọng đâu?

Sau này tôi mới biết, anh ấy lúc nào cũng vậy, những việc gì nguy hiểm, kinh khủng... tất cả đối với anh đều... nhẹ như "lông hồng". Có lúc thì tốt, nhưng có khi lại không tốt đâu nhe!

Ngày thường thì chúng tôi vừa rảo bước vừa nhìn ngắm cảnh thơ mộng của kinh đô các "mệ" ngày xưa. Nhìn qua con sông với cầu Trường Tiền nên thơ, hàng cây phượng vĩ đến mùa hè nở đỏ rực cả một góc trời, xa xa kia là núi Ngự Bình... Ngắm hoài không chán. Nhưng hôm nay hai đứa chỉ cúi mặt mà chạy, không dám nhìn ngang ngửa chi hết...

Hai anh chỉ đưa chúng tôi về cư xá, vì chúng tôi không đi ra quán uống nước với các anh, xứ Huế rất cổ kính, và cô hủ về phong tục, nên chúng tôi rất ngại...

- Thanh Lan, mai tụi anh lại phải bay đi Pleiku rồi, cho anh nói chuyện với Lan một chút nhé? Bạn tôi lên phòng, anh Hoàng, bạn của anh Quang, ra quán cà-phê gần đó đợi. Anh Quang vô phòng khách nói chuyện với tôi một chút, anh hỏi thăm tôi về việc học, về các em... rồi dặn tôi nhớ trả lời thư cho anh. Mùa hè, khi tôi về xứ sương mù, có dịp anh sẽ bay lên để thăm Mẹ và các em, rồi sang năm học tới anh sẽ ra đây thăm Ba tôi.

Sang hè, khi tôi về Đà Lạt nghỉ vài tuần, anh ấy đến nhà nói chuyện với Mẹ và các em tôi. Có một hôm, em tôi mới đi lấy hình chụp cả nhà về và để trên bàn phòng khách, tôi chưa kịp cất, anh ấy đến, và muốn xem. Anh chọn một hình chân dung của tôi, và nói rằng kỳ này các anh sẽ đi Bảo Lộc, sẽ có giờ rảnh, anh muốn vẽ hình tôi... Ít lâu sau tôi nhận được một bức hình vẽ bằng bút chì rất đẹp. Tôi lại biết thêm một tài năng của anh ấy. Sau này anh vẽ hình các con, chắc là tuyệt lắm nhỉ? (Ôi, lại mơ mộng hão huyền nữa rồi, cô bé ạ.)

Anh đưa cho tôi tập thơ *Ta Chờ Em Từ Ba Mươi Năm* của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Không biết lúc đó anh bao nhiêu tuổi nhỉ?

1975...

Vài tháng thư từ, độ này anh không bay ra Huế nữa...

Tháng 3... Người dân Huế vẫn chưa hết đau thương với Mậu Thân 1968, nay lại lảo đảo chông chát trên những chiếc xe đồ lớn nhỏ để vô Đà Nẵng. Xe traction ngày thường chỉ chở được 5 người, nay chát thành 8, 9, 10 người; còn xe minivans thì nhét như cá hộp...

Vô Đà Nẵng cũng không yên, lại ủa nhau ra phi trường, ra bến cảng. Tôi cùng gia đình người bác ruột lên đênh trên biển cả một tuần. Ba đã đi nước ngoài vì công việc, sắp về lại. Suốt một tuần lễ, lên đênh cũng mây nước, tôi không biết giờ này Ba Mẹ tôi ở đâu, các anh chị em có được bình an không... Bảy ngày mà dài như bảy năm, buổi tối dài lê thê, không thể nào chớp mắt với sóng biển dập dềnh; ban ngày thì khô rát, nóng cháy... Anh Quang ơi, gia đình anh có được an toàn không, anh đang ở đâu, cầu mong sao anh làm tròn nhiệm vụ người trai thời loạn, như bậc cha anh, dù cho có hy sinh cũng không màng, anh ơi!
Xà lan cập bến Vũng Tàu... Rồi lên Saigon...

Đến được nhà anh chị tôi, thật mừng rỡ biết bao khi gặp lại gia đình anh chị cùng Ba tôi vừa mới trở về được vài hôm, và Mẹ cùng các em đang đi xe đò từ Đà Lạt xuống đây.

Một buổi trưa, Sài Gòn nóng như thiêu... Em Vũ, cậu em "xe tơ" này, chở tôi đi Honda trên đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận, đến đường rầy xe lửa, đèn đỏ, nhìn qua con đường đối diện thấy anh Quang!

Ôi, phải chăng đây là ý trời? Nhiều tuần không được tin tức nay được gặp lại anh...

Buổi tối, cuối tháng 4, anh Quang đến nhà anh tôi ở Quận 5 gặp Ba Mẹ tôi, lúc đó cả gia đình đều về nhà anh Chung của tôi, và xin cho tôi được bay đi đảo Guam, xứ Cờ Hoa, với anh cùng đồng đội. Tôi không chịu vì đi như vậy biết có gặp lại Cha Mẹ và anh chị em được không, với lại đã cưới hỏi gì đâu.

Vài tháng sau... Gia đình anh, sau khi ở tạm nhà bà con ở Sài Gòn ít lâu, đã trở về miền thùy dương Nha Trang.

Tôi theo Ba về Nha Trang để thăm người cô ruột, chị của Ba.

Tôi được đi ra biển với anh, một buổi chiều có sóng thật lớn...

Suốt bao nhiêu tháng quen nhau, đây là lần đầu tiên tôi đi ra ngoài với anh.

Tôi luôn yêu thương thành phố biển này. Ngày xưa cả gia đình thường được Ba chở đi nghỉ hè, cả mấy chị em tôi đều rất mê biển, cát, và sóng... Anh và tôi đùa nghịch với cát, nắm cát vào tay rồi bỏ vào tay đứa kia, nhưng không giữ được, chúng lại tuôn ra... Đi dạo, rồi chạy đuổi nhau ở mép biển, vừa nước vừa cát... Ôi hạnh phúc làm sao! Đứng nhìn mặt trời lặn, sao đáng yêu quá, tôi luôn yêu cảnh mặt trời mọc hoặc lặn, nhưng sao hôm nay cảnh đẹp lạ thường... "*Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ*" nhưng người vui vì cảnh lại quá thơ mộng...

Hạnh phúc ơi!

Lúc đưa tôi về nhà Cô tôi, anh đưa tôi một tấm thiệp, hình bầu trời đầy sao, và bên dưới là một cô bé đang nhìn lên...

Bên trong

"Người là vì sao nhỏ bé

Ta mãi ước cho lòng làm bầu trời xanh xanh

Người về lòng ta thương nhớ

Ta khẽ hỏi đưa người hay thăm người đưa ta..." (1)

Hôm sau, anh đến nhà thăm Cô và Ba tôi, xin phép đưa tôi đi dạo một vòng.

Đường phố xứ biển quá đẹp, với từng hàng cây phượng vĩ, vẫn còn đỏ rực hoa mùa hè muộn, cây trướng cá với trái nhỏ đỏ li ti thật xinh và những hàng dương liễu dọc theo bờ biển, thơ mộng làm sao!

Anh đưa tôi lên xem tượng Phật Bà thật uy nghi trên đỉnh đồi Trại Thủy. Đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống thành phố thật đẹp, đã in hằn trong trí tôi bao nhiêu năm nay; bây giờ mỗi khi ngủ tôi vẫn thường nhớ lại cảnh tượng nên thơ này. Tôi rất thích tìm những bông hoa mắc cỡ - trinh nữ, rồi đung vào lá cho chúng khép lại và nói với anh:

- Anh ơi, mai sau anh trồng hoa mắc cỡ phía sau nhà mình để em chơi như thế này nhé anh?

Anh cười, chắc có lẽ chịu thua cái con bé lớn mà chẳng lớn chi hết này!

Sau khi đi một vòng, đến dưới chân bức tượng Phật, anh cầm tay tôi, nhìn vào mắt tôi thật lâu, và nói:

- Bé chờ anh nhé, Bé ơi!

Tôi thật ghen ngào, mãi lúc sau mới nói được:

- Em sẽ là Hòn Vọng Phu, nếu anh không trở về...

.....
Phút giây hạnh phúc như bóng câu qua cửa sổ.

"Anh vuốt tóc em, một lần cuối, một lần cuối cùng, rồi thôi..."

Anh hót trắng thanh, trên áo em xanh, một lần cuối, như những lần đó xa xôi" ... (2)

Đến ngày Ba và tôi trở về xứ ngàn hoa Đà Lạt, còn anh thì đi biệt... đến bao giờ?

.....

Trại tù...

Anh viết: *"Mỗi kỳ trăng tròn, anh thường nhìn lên ánh trăng, để tìm ánh mắt em phản chiếu trong đó, Bé ơi... Anh nhớ em quay quắt... Nhớ đôi mắt thật buồn của em, Bé ơi..."*

Thăm nuôi...

"Em ngậm ngùi khóc thương

Thương anh đợi mòn mỏi

Hòn cầm gút đoạn trường" (3)

.....
... Ngày anh trở về... Mừng mừng tủi tủi...

Kể làm sao cho xiết...

.....

Rồi ngày được định cư ở bên bờ tự do...

Bao nhiêu mùa xuân đã đi qua... Anh và em đều mong ước một mùa xuân được trở về, để đến những nơi chôn của thuở vàng son ấy...

.....

Đất Mẹ, ngày trở về, để đón mùa Xuân như ước mơ, nhưng chỉ có các con và em... Anh đã ra đi...

Sài Gòn, Đà Lạt, Huế, sân bay Phú Bài, ngôi trường mến yêu, những con đường thân thương...

Tất cả đã không còn như xưa!

Nhưng đối với anh và em, những nơi tràn ngập kỷ niệm dấu yêu vẫn thật đáng quý. Kể cho con nghe mà ghen ngào làm sao...

Và Nha Trang với sóng biển và cát... Hôm nay ngày rằm cuối năm, trăng sáng vàng vạc, em lại nhìn lên ánh trăng, tìm đôi mắt của anh, như ngày xưa mắt anh và em nhìn nhau trên đó. Anh ơi! Ngày mai em sẽ đưa các con lên đồi Trại Thủy, nơi có tượng Phật Bà, và kể cho con nghe về ngày xa xưa yêu dấu ấy, anh ơi! Bây giờ em không thể làm Hòn Vọng Phu để chờ anh được nữa rồi, em còn bồn phận với con cháu...

Anh đang ở đâu hở anh? Từ nơi xa ấy, anh có cùng mẹ con em đi thăm lại những con đường có lá me bay, những đồi thông con suối, không anh?
Một mùa Xuân trọn vẹn của anh và em, sẽ không bao giờ có được...

.....

Trong phòng của em vẫn còn bức chân dung ngày xưa anh đã họa lại hình em đó, Quang ơi!
Chiếc áo bay ngày nào của anh vẫn ở bên em...
Những tưởng yêu thương đến trọn kiếp
Mong sẽ trăm năm cùng bạc đầu

Vàng trắng xưa, người có nhớ gì không? (Vũ Hoàng Chương - Ta Đợi Em Từ Ba Mươi Năm)

Thái Lan/nũlan – Dallas, 2016

(1) *Hai Vì Sao Lạc*- Anh Việt Thu

(2) *Một Lần Cuối* - Hoàng Thi Thơ

(3) *Hai Hàng Cây So Đũa* - Thơ: Nguyễn Huy, nhạc: Trọng Minh

TÌNH ĐAU

(Cảm hứng theo bài hát *Tình Hồ* của Phạm Duy: “*Tôi đang lừa dối em/Mà sao em không biết/Những lời nói tình duyên/Với tôi, không cần thiết...*”)

Anh đến với một tình hồ
Và tôi cũng thế, chỉ vờ yêu thôi
Chúng mình cút bắt trò chơi
Lả lơi ánh mắt, nụ cười dối gian
Tình vui chóng vánh vội vàng
Đầu môi chót lưỡi... nhẹ nhàng gió bay
Một mình tìm đến cơn say
Anh nghe phảng phất ngất ngây giọt buồn
Còn tôi, cũng chẳng vui hơn
Đêm khuya thao thức giận hờn băng quơ
Hình như tôi vẫn mong chờ?
Hình như anh vẫn bơ vơ bên trời?
Phải chăng tôi đã yêu người?
Phải chăng anh đã bồi hồi nhớ tôi?
Hiểu ra thì quá muộn rồi
Trái tim kiêu hãnh chưa nguôi nổi sào
Nếu còn có một kiếp sau
Xin đừng đùa giỡn - Tình đau một đời!

KIM LOAN

KỶ NIỆM NGỌT NGÀO

Xóm cũ bé nhỏ của tôi ơi
Nhớ quá đi thôi, nhớ cả đời
Căn nhà có giàn hoa giấy đỏ

Kỷ niệm hôm nào chẳng phai phai...

Trước đây, tôi đã từng giải thích tại sao tôi có hai tên: Tên Thoa ở nhà và tên Kim Loan trên khai sanh (chỉ vì nàng ca sỹ hát *Căn Nhà Ngoại Ô*). Tên Thoa là do má tôi đặt, còn tên ăn theo cô ca sỹ nổi tiếng là do ba tôi... nhẹ dạ nghe lời ông nhân viên hộ tịch mộng mơ đang say mê câu hát: “*Em ơi trái đất vẫn tròn...*”

Tôi được sinh ra và lớn lên ở một xóm nhỏ ven đô, gần Ngã Năm Chuồng Chó. Sở dĩ có cái tên này là do trước 1975, thời chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, ngay Ngã Năm bên cạnh kho đạn là Trường Quân Khuyển, huấn luyện các chú chó chuyên nghiệp để phục vụ trong chiến tranh hoặc gìn giữ trật tự an ninh xã hội. Khi tôi ra Sài Gòn học, có một anh bạn cùng trường muốn đến nhà chơi. Anh ở trung tâm phố thị, trên đường Trương Định phía sau vườn Tao Đàn, chưa bao giờ bước chân đến Gò Vấp, nên khi tôi chỉ đường đến Ngã Năm Chuồng Chó, anh nhìn tôi, cười: - Sao em dễ thương vậy, mà lại sống ở nơi có cái tên nghe rất... dữ dội và chẳng thơ mộng chút nào!

Tôi cười cười:

- Và anh chắc chắn sẽ bị lạc đường đấy nhé!

Anh tuyên bố:

- Hẻm Bàn Cờ rồi hơn canh hẹ, anh còn tìm ra, hướng gì hẻm Gò Vấp xóm em!

Thuở đó, chưa có phone nên đổ ai đi tìm nhà trong hẻm mà không hỏi những người xung quanh. Anh ấy quả là có kinh nghiệm “tìm hẻm” nên đã đến đúng con hẻm xóm tôi, nhưng xui cho anh ta, gặp ngay thằng Tùng, thằng bé khôn lanh nhút xóm. Thằng Tùng trả lời rành rọt:

- Em bảo đảm với anh một trăm phần trăm, xóm này không có ai tên Loan hết, anh lộn hẻm rồi!

Anh ấy tiu ngui đi trở ra, một lát sau quay lại, vẫn gặp thằng Tùng:

- Em ơi, người ta chỉ cho anh đúng là hẻm này. Để anh diễn tả chị ấy cho em nghe: chị để tóc ngang vai, mắt một mí lót, dáng cao cao...

- Xóm em có mấy chị như thế, ai biết anh muốn chị nào?

- À, chị ấy đi chiếc xe đạp màu vàng, có cái giỏ xe phía trước thắt cái nơ đỏ, hơi... màu mè cái lương đó cưng...

- Xời ơi, vậy là chị Thoa! Anh còn kể thiếu cái kẹp tóc màu xanh trên đầu chị ấy, và còn cái răng khểnh nữa...

- Đúng rồi! Đúng rồi!

Thằng Tùng lên mặt, cự nự:

- Vậy sao anh không nói từ đầu cho khỏi mất thời gian của em!

Bà bán khoai mì ngay đầu hẻm nghe câu chuyện bèn góp vào:

- Nếu là cái xe đó thì chỉ là con bé Tẹt!

Anh bạn tôi và thằng Tùng ngạc nhiên, thì bác ấy cười tươi rói:

- Hồi mới sanh ra, mũi nó tẹt lét à, nên má nó gọi là con Tẹt, chỉ có mấy người lớn tuổi mới biết cái tên đặc biệt này thôi đấy.

Chị bán đu đủ đá bào kể bên liền nhào vô, cười mím chi:

- Tui không biết Tẹt, nhưng trong sổ ghi nợ của tôi là tên Thoa Ruồi!

Anh bạn tôi sừng sốt:

- Thoa Ruồi? Ghi sổ nợ?

Bấy giờ, chị bán đu đủ mới cười thành tiếng lớn, giải thích:

- Tại vì cô ấy có cái mụn ruồi ngày trên khoé miệng bên phải nên mở hàng rất đắt hàng. Lần nào dọn hàng, đúng lúc cô ấy đi ngang là tôi nài ép, năn ni cô mở hàng. Cô ấy bận rộn đi học suốt, nhưng vẫn nể lời tôi mà ủng hộ, cô nói: “Em không có thời giờ ngồi ăn, chị cứ quảng bịch đu đủ đá bào lên giỏ xe em, đến trường em sẽ ăn, rồi tiền bạc thì 2-3 tuần em mới thanh toán một lần nghen!” Vậy đó, cậu đừng có hiểu lầm, cô không phải nợ như chúa chõm đâu!

Thế đó, trước khi "lọt" vào được nhà tôi, anh ấy phải qua vòng "sơ tuyển" đầu hẻm, và cũng hên là không bị rớt... "từ vòng gửi xe"!

Vậy mà sau cuộc viếng thăm bị “lên bờ xuống ruộng” đó, anh nói:

- Giờ thì anh thấy Ngã Năm Chuồng Chó thiệt... đáng yêu! Đến một lần là muốn đến nữa!

Ngã Năm Chuồng Chó chỉ là tên địa danh xóm tôi, bây giờ đến chuyện con chó Kiki của nhà tôi. Thú thật, tôi chẳng phải loại người “yêu động vật thiết tha”, nên khi anh Tư của tôi mang nó về, tôi chẳng hề welcome nó, dù chỉ là một cái nhìn bình thường. Có những khuya ngồi học bài, hoặc sau này đi dạy, soạn giáo án, Kiki hay chui dưới gầm bàn cọ quậy dưới chân tôi, nhằm lúc căng thẳng hay bức mình, tôi co cẳng đá nó một cái rồ đau, nó chỉ kịp kêu ăng một tiếng và cụp đuôi... tháo chạy! (Xin các chú bác, các anh chị em trong Hội Bảo Vệ Thú Vật... tha lỗi cho tôi.) Nhưng Kiki lại không hề giận tôi, mỗi sáng vẫn chờ tôi thức dậy, đưa tôi ra cổng và chiều lại ríu rít đón tôi về. Đặc biệt, nó luôn là người báo tin cho tôi biết khi có khách đến chơi. Mà nó biết đọc cả ánh mắt tôi nữa cơ! Khi tôi vui vẻ niềm nở mở cổng cho khách, nó cũng... hớn hờ tung tăng đi theo sau. Còn khi tôi miễn cưỡng đón khách “không chờ mà đến”, nó lâm lũi lặng yên, đợi cho chủ và khách an tọa, nó ngang nhiên ngồi ngay dưới chân tôi với bộ mặt “hình sự”, lâu lâu nhìn khách rồi sủa khan một tiếng, công khai làm “kỳ đà cản mũi” và body guard... bảo vệ cô chủ!

Nhưng kỷ niệm đẹp nhất giữa tôi và Kiki là có lần tôi đi vượt biên thất bại, trở về nhà giữa khuya, khi mọi người đang ngủ say. Tôi còn chần chừ nơi cổng, đã nghe Kiki sủa vang vội vã từ bên trong để người nhà tôi ra mở cổng. Vừa bước vào, Kiki nháy xổng vào người tôi, hít hà, bày tỏ sự “nhớ nhung” sau mấy ngày xa cách. Rồi tôi và bà chị Cả ngồi bên thềm đá hoa sau bếp nghe tôi kể chuyện vượt biên, nó cũng... hóng chuyện, ngồi chồm hồm, ngoác mõm ra lắng nghe say sưa, chẳng biết có hiểu gì không, mà nước dãi rờn rờn cũng không buồn khép miệng lại. Tôi mỉm cười, ôm đầu nó xoa xoa thay cho lời cảm ơn.

Thời gian qua đi, Kiki càng già cỗi, trở bệnh nặng và kiệt sức. Mấy ngày đó, nó nằm im nơi góc bếp, chẳng đoái hoài gì đến đĩa thức ăn trước mặt. Đi làm về, tôi cúi xuống hỏi thăm, thì hai hàng lệ chảy dài từ khoé mắt mệt mỏi của Kiki, ám ảnh tôi suốt đời.

Và chuyện gì đến phải đến, Kiki “ra đi” trong một buổi chiều mưa u ám. Mọi người trong nhà chẳng ai nói với nhau lời nào, dấu nỗi đau vào bên trong.

Căn nhà trở nên trống vắng, buồn tênh. Không còn Kiki mừng rỡ đón đưa tôi mỗi ngày nơi cổng. Không còn những buổi trưa hè êm đềm, Kiki nằm thanh thoi, lim dim mắt dưới bóng mát giàn hoa giấy trước sân. Không còn những đêm khuya, tôi ngồi soạn bài, có Kiki quần quít dưới chân ấm áp...

Lần đầu tiên, tôi bỗng bật khóc và chợt nhận ra rằng, tôi đã yêu Kiki biết bao!

KIM LOAN

Bức Tường Bá Linh (Phần 1)

1. Lời mở đầu

Bức tường Bá Linh với chiều dài 155 cây số bao quanh Tây Bá Linh đã từng một thời chia cắt hai miền Đông và Tây của thành phố. Bức tường mặc dù đã được lính biên phòng Đông Đức canh giữ ngày đêm, có kềm gai vây bọc, gài mìn... còn có những hệ thống canh gác tự động, sẵn sàng nhả bắn vào tất cả những gì chuyển động trong khu vực, biến khu vực thành một cấm địa không thể nào vượt qua được.

Đây cũng là một biểu tượng kinh hoàng nhất của cuộc chiến tranh lạnh xung đột ý thức hệ giữa Đông và Tây. Một biểu tượng mà một bên (Đông Đức) hô hào là "biên giới của hòa bình" hay "bức tường chống Phát Xít", và bên kia (Tây Đức) thì khẳng định là "bức tường ô nhục của Cộng Sản". Kéo dài hơn một thế hệ, người dân Đức của hai miền Đông-Tây đã bị bức tường bê tông, kềm gai và những hệ thống phòng thủ tự động, tách rời nhau. Cho đến ngày bức tường bị phá đổ, không ai có thể tưởng tượng rằng trước đó đã có 28 năm trôi qua một cách lãng phí.

Bức tường Bá Linh đã củng cố và chôn cứng sự nứt rạn của nước Đức nói riêng và của Âu Châu nói chung dưới lớp xi măng vô tri. Với thế giới, bức tường Bá Linh là biểu tượng cho cuộc chiến tranh lạnh, phân chia thế giới ra thành hai khối Đông và Tây. Và đồng thời, bức tường cũng là biểu tượng cho sự phá sản của một nền độc tài chuyên chế mà sự hiện hữu của nó chỉ có thể tồn tại khi người dân luôn bị ức chế, đàn áp, không có tự do.

Những cuộc biểu tình chống đối thâm lắng của người dân Đông Đức trong năm 1989 đã quét sạch tàn tích chế độ CS ở Đông Đức, đưa đến một sụp đổ hoàn toàn của bức tường, sau hơn một phần tư thế kỷ chia cắt nước Đức – ngày 9 tháng 11 năm 1989.

Ngày tháng lịch sử trọng đại này cũng đã mở đường cho việc thống nhất nước Đức vào gần một năm sau đó (ngày 3 tháng 10 năm 1990). Hai nước "Cộng Hòa Liên Bang Đức" (BRD-Tây Đức) và "Cộng Hòa dân chủ Đức" (DDR-Đông Đức) sau 41 năm thành lập đã thống nhất lại làm một. Cái ngày tháng lịch sử đó luôn nhắc đến sự thành công của một sức kháng cự trường kỳ bền bỉ cũng như lòng can đảm, quyết chí vùng lên của người dân.

2. Bối cảnh lịch sử chung quanh bức tường Bá Linh (1945-1961)

Ngày 8 tháng 5 năm 1945 khi nước Đức tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, 4 cường quốc Mỹ, Anh, Pháp và Nga đã chia nước Đức thành 4 vùng để kiểm soát và xử lý thường vụ.

Ngày 08.05.1945 cũng còn được gọi là ngày V-E-Day, "Victory in Europe Day", ngày thắng trận ở Âu Châu của các nước Đồng Minh. Ngày 15.08.1945 khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh, ngày này được gọi là V-J-Day, "Victory over Japan Day", để phân biệt ngày thắng trận ở Nhật Bản của Đồng Minh.

Nước Đức lúc bấy giờ không còn chính quyền, không còn quân đội, kinh tế hoàn toàn kiệt quệ, chế độ thống trị nghiệt ngã chỉ chuyên lo chiến tranh của Hitler và Nazi hoàn toàn tan vỡ.

Trước chiến tranh, dưới thời Hitler, thế lực của Đức rất hùng mạnh, không những về quân đội thiện chiến mà tất cả các kỹ nghệ máy móc, than mỏ, đặc biệt những mỏ than vùng Ruhr, đều trội hơn hẳn các nước láng giềng lân bang.

Hội nghị Jalta

Hội nghị Jalta (tháng 2 năm 1945) là một cuộc gặp gỡ có tính cách ngoại giao của 3 nước đồng minh gồm Tổng thống Franklin D. Roosevelt (Mỹ), thủ tướng Winston Churchill (Anh) và Josef

Stalin (Nga). Jalta là một thành phố nghỉ mát thuộc bán đảo Krim (Crimea *) nằm trên biển Hắc Hải. Đề tài chính của hội nghị là vấn đề chia cắt nước Đức, chia chác quyền lực, ảnh hưởng của đồng minh trên Âu Châu sau khi chiến tranh chấm dứt.



Churchill, Roosevelt, Stalin

Sau khi hội nghị ở Teheran chấm dứt (tháng 12/1943), tình hình quân sự và chính trị thế giới bắt đầu thay đổi. Ở Âu Châu, quân đội đồng minh Mỹ, Anh và Pháp, từ hướng Tây, càng ngày càng tiến sâu vào nội địa Đức. Trong khi đó, quân đội Nga có thể xem như đã làm chủ tình hình ở mặt trận miền Đông. Lúc bấy giờ, các đồng minh Tây phương đều cho rằng trận chiến với Nhật ở Thái Bình Dương sẽ còn dài dài nên đã tỏ vẻ sẵn sàng thỏa hiệp, nhượng bộ trước một vài yêu sách đòi hỏi của Stalin.

Trong bản dự thảo kết của hội nghị, lúc đầu nước Đức chỉ bị chia làm 3, sau trở thành 4 khu vực do đồng minh chiếm đóng và kiểm soát. Khu vực kiểm soát thuộc Pháp được thành hình là nhờ hai đồng minh Mỹ và Anh nhượng lại phần nào thuộc khu vực kiểm soát của họ. Thủ đô Bá Linh cũng được chia làm 4 cho Tứ cường.



Nước Đức bị chia làm 4 vùng và do Tứ cường kiểm soát

Để bảo đảm thêm cho nền an ninh của quốc gia mình, Stalin đòi đồng minh phải chia thêm cho Nga một vài phần đất chạy từ Ý, Tiệp lên đến các nước thuộc vùng Baltic, trong thâm tâm, Stalin muốn biến các nước vùng Baltic thành những vệ tinh như một vòng đai bao quanh Nga Xô. Roosevelt và Churchill tuy nhượng bộ nhưng không đồng ý tất cả mọi đòi hỏi của Stalin, hai ông chỉ muốn giữ nước Ý trong phạm vi ảnh hưởng của mình nhưng đối với Tiệp và các nước Baltic thì phớt lờ hết cho Nga. Ai sẽ kiểm soát Ba Lan, cũng như vấn đề biên giới giữa Ba Lan và Đức cũng không được quy định phân minh rõ ràng.

Những khu vực kiểm soát và ảnh hưởng chính trị của các quốc gia Đông Nam Âu Châu (vùng Balkan) được Stalin và Churchill chia chác với nhau trên một mảnh giấy nhỏ. Churchill ghi chép đề nghị của mình như sau:

- Rumany: Nga 90 % – Đồng Minh Tây phương 10 %
- Hy Lạp: Anh 90 % – Nga 10 %
- Jugoslawie: 50 % – 50 %
- Hungary: 50 % – 50 %
- Bulgary: Nga 75 % – Đồng Minh Tây phương 25 %

Statlin đã chấp nhận đề nghị trên bằng cách đánh một dấu phẩy đồng ý vào mảnh giấy con con của Churchill!



Thành phố Bá Linh với 4 khu vực Nga, Mỹ, Anh và Pháp

Hội nghị Jalta có rất nhiều khe hở. Các thành viên của hội nghị chỉ đồng quan điểm với nhau trong 3 vấn đề:

- buộc Đức phải đi đến đầu hàng vô điều kiện,
- chấm dứt chế độ Nazi,
- phi quân sự hóa nước Đức.

Những thỏa hiệp về việc trao nhượng miền Đông của Đức cho Nga, cũng như phân định rõ ràng biên giới giữa miền Tây Ba Lan và Đức đều không được nói đến một cách chính xác.

Hội nghị Potsdam

Từ 17/07 đến 02/08 năm 1945, hội nghị Potsdam gồm 3 nước đồng minh, được triệu tập sau khi chiến tranh đã chấm dứt ở Âu Châu. Các cuộc họp đã diễn ra trong lâu đài Cecilienhof thuộc thành phố Potsdam, một thành phố nhỏ nằm giáp cạnh Bá Linh về phía nam.



Lâu đài Cecilienhof ở Potsdam



Trong khuôn viên lâu đài Cecilienhof

Sau khi Đức đầu hàng vô điều kiện ngày 8 tháng 5 năm 1945, các đồng minh đã ra một bản Tuyên cáo "Berliner Deklaration" (ngày 5 tháng 6 năm 1945) để quy định các khu vực chiếm đóng của Tứ cường trên toàn lãnh thổ Đức cũng như của thành phố Bá Linh. Một "hội đồng kiểm soát tối cao của Tứ cường" (Kontrollrat) được thành lập để điều hành nền hành chính và hệ thống kinh tế của Đức, về đường lối chính trị thì mỗi Tứ cường có toàn quyền quyết định cho khu vực chiếm đóng và kiểm soát của mình, không bị chi phối bởi hội đồng kiểm soát tối cao.

Hội nghị Potsdam đánh dấu cho sự kết thúc của thế chiến thứ hai, nhưng đồng thời cũng là một khởi đầu cho cuộc chiến tranh lạnh giữa Đông Tây, giữa Mỹ và Nga.

Hội đồng kiểm soát tối cao của Tứ cường (Kontrollrat)

Hội đồng kiểm soát tối cao của Tứ cường với quyền phủ quyết "Veto" đã được Tứ cường đồng

bỏ phiếu chấp nhận, có nghĩa là nếu 1 trong 4 thành viên vì bất cứ một lý do gì, bỏ phiếu chống thì đạo luật hay đề nghị đưa ra sẽ có không hiệu lực. Đây cũng là một trong những khí giới mà Stalin đã đem ra sử dụng khi cần thiết. Hội nghị Potsdam đáng lý ra được tổ chức vào tháng 6 theo lời đề nghị của Churchill, nhưng lời đề nghị đó đã bị Stalin tìm cách trì hoãn, với dụng ý đặt đồng minh Tây phương trước sự đã rồi trong vấn đề biên giới miền Đông của Đức với Ba Lan. Những xung đột càng ngày càng tăng giữa Đông và Tây, giữa Nga và đồng minh Tây phương, trong vấn đề Trung Đông và Á Châu cũng như về đường lối chính trị của Nga trong việc thành lập những quốc gia vệ tinh vùng Baltic bao quanh Nga, đã là những nguyên nhân khiến đồng minh Tây phương không còn tin tưởng vào anh bạn đồng minh Nga Xô của mình, nhất là trong đường lối chính trị của Nga trên nước Đức.

Mặc dầu các biện pháp quản trị kinh tế cũng như các biện pháp bồi thường chiến tranh được Nga và Pháp chấp nhận trong khu vực kiểm soát của mình, nhưng Mỹ và Anh thì ngược lại, hai đồng minh này muốn xây dựng và bảo vệ một nền kinh tế tự trị cho nước Đức. Đòi hỏi này đã bị Nga phủ quyết (1946). Không biết đây có phải là một trong những nguyên nhân khiến hội đồng kiểm soát tối cao của Tứ cường đi vào bế tắc hay không.

Trong khu vực chiếm đóng và kiểm soát của mình, Nga Xô đã thay đổi hệ thống kinh tế ở đây, thành lập một công ty cổ phần của Nga (SAG) và bắt đầu cho phá dỡ tất cả các nhà máy sản xuất của Đức trong khu vực. Công bằng mà nói, muốn bồi thường chiến tranh một cách lâu dài và thực dụng thì giải pháp tốt nhất vẫn là tìm cách vun đắp, tạo cơ hội cho "nạn nhân" tự vươn lên hơn là mãi mãi bắt người ta phải lệ thuộc vào sự giúp đỡ của mình. Trong thời điểm này, đường lối chính trị của Nga vẫn chưa sẵn sàng để làm công việc đó, ngược lại, Nga càng ngày càng tìm cách nói rộng ảnh hưởng của mình ra ngoài phạm vi khu vực kiểm soát (*điểm này cho thấy Nga luôn sử dụng chính sách "gây phụ thuộc" để dễ bề chi phối như việc bán dầu và khí đốt với giá rẻ cho Âu châu từ trước đến nay*).

Hai đồng minh Anh và Mỹ lúc này cũng đang lúng túng với nhiều vấn đề trong nội bộ của quốc gia mình, một nước Anh với tình trạng kinh tế đi xuống và đang sắp sửa phải bầu bán lại, một nước Mỹ phải giải thích trước quốc hội về phí tổn tiêu dùng trong khu vực kiểm soát của mình ở Đức. Vì những lý do nêu trên nên Mỹ và Anh có ý muốn sớm bãi bỏ các khu vực chiếm đóng và kiểm soát của mình trên nước Đức. So với hai nước đồng minh Tây phương thì Pháp vốn đã quá kiệt quệ vì chiến tranh, nên cũng như Nga, Pháp chưa muốn nhả phần của mình trên lãnh thổ Đức.

Mỹ và Anh, bất kể ý kiến của Nga và Pháp, hai bên đồng ý sát nhập các khu vực kiểm soát của mình lại thành một (Bizone, tháng 1/1947). Sự kiện này đã chia đồng minh Tây phương thành hai nhóm, một bên là Mỹ-Anh, một bên là Pháp. Mãi cho đến tháng 4/1949, vài tháng trước khi nước Tây Đức được thành lập, Pháp mới đồng ý từ bỏ khu vực kiểm soát của riêng mình. Để ghìm chân đồng minh Tây phương, một mặt Nga tìm cách phong tỏa Tây Bá Linh, mặt kia Nga tập trung tâm trí vào việc thành lập đảng xã hội thống nhất (SED) của Đông Đức, một khí cụ tay sai của Nga trong việc điều hành lãnh đạo miền Đông của Đức. Rõ ràng là Nga hoàn toàn không có ý định gây dựng một nước Đức dân chủ do dân bầu ra.

Cái chết bất ngờ của tổng thống Hoa kỳ Roosevelt một tháng trước khi chiến tranh chấm dứt đã làm sợi giây liên hệ giữa đồng minh và Nga Xô, vốn đã lỏng lẻo lại càng lỏng lẻo thêm. Tổng thống Truman, người kế vị Roosevelt, đã cứng rắn nói rõ chủ trương của thế giới tự do, của đồng minh, của Mỹ, là sẵn sàng ủng hộ và giúp đỡ những quốc gia bị thống trị bởi vũ lực hay bằng áp

lực. Với lời tuyên bố như thế Hoa Kỳ đã chính thức ra mặt không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản và chống đối đường lối chính trị của Nga Xô.

Về mặt đối ngoại, Hoa Kỳ trực tiếp giúp đỡ phương tiện xây dựng lại sau chiến tranh cho các nước Tây Âu, đặc biệt cho phần đất phía Tây của nước Đức, phần đất do đồng minh Tây phương kiểm soát, trên căn bản tự do phát triển kinh tế tư nhân, có quốc hội và hiến pháp.

Về cán cân mậu dịch, Mỹ chính thức tuyên bố dùng đồng US Dollar làm hối xuất quốc tế (1948). Ngược lại, Nga Xô khư khư bám lấy các nước Trung Đông và khối Đông Âu làm cứ điểm của mình, không cho phép các nước Đông Âu, kể cả Đông Đức, được tham dự chương trình Marshall, một công cuộc xây dựng kiến thiết các nước Âu Châu sau chiến tranh. Nga Xô làm khó dễ đồng minh, chỉ nuôi giấc mộng bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản trên khắp Âu Châu, mặc dầu chính Nga Xô cũng đang lúng túng trước công cuộc tái thiết lại đất nước của mình sau chiến tranh.

Những thái độ căng thẳng, bất hợp tác, đa nghi và đánh giá sai lầm đối phương đã là nguyên nhân đưa đến cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Nga và cũng là mầm mống sâu xa vì sao nước Đức bị chia đôi thành hai nước Tây Đức và Đông Đức.

Năm 1946 Nga Xô cấm dân chúng Đức di chuyển từ vùng kiểm soát của Nga sang các vùng kiểm soát của đồng minh Tây phương, nếu không có giấy phép (interzonenpass). Tuy nhiên đạo luật này chỉ áp dụng trên toàn cõi nước Đức, trừ thành phố Bá Linh. Vì thế dân chúng của thành phố Bá Linh lúc đầu vẫn còn được tự do đi lại các vùng kiểm soát của Mỹ, Anh, Pháp và Nga không bị khó khăn cản trở.

Tiền tệ mới – D-Mark (Tây Đức) và Mark (Đông Đức)

Số lượng tiền tệ lưu hành sau chiến tranh quá nhiều so với số hàng hóa sản xuất, nguy cơ của lạm phát càng ngày càng lớn và tình trạng chợ đen càng ngày càng bành trướng. Đồ trang sức vòng vàng, bánh xe, vỏ xe đạp, ống nhôm, máy chụp hình, áo lông hay bất cứ món hàng gì khả dĩ trao đổi qua lại đều được đem ra chợ đen buôn bán và thay vì trả tiền bằng đồng bạc đang phá giá, họ dùng đơn vị "Ami-Cigarette" để trao đổi mua bán với nhau.

Để chấm dứt tình trạng này, đồng D-Mark đã được chính thức ra đời ngày 21 tháng 06 năm 1948 trong toàn cõi Tây Đức, thay thế cho đồng Reichsmark cũ (RM) đã mất giá trị. Chính sách cải cách tiền tệ của Mỹ-Anh-Pháp trong khu vực kiểm soát của đồng minh Tây phương đã khiến Nga phải phản ứng vội vàng trong khu vực của mình. Chính sách cải cách tiền tệ đã chia nền kinh tế của nước Đức ra làm hai hệ thống một cách rõ ràng, trước cả khi hai nước Đông Đức và Tây Đức được thành lập: một nền kinh tế kế hoạch tập trung ở miền Đông và một nền kinh tế thị trường xã hội ở miền Tây.

Điều đáng ghi nhận ở đây là đồng minh Tây phương trong việc cải cách tiền tệ đã chuẩn bị rất kỹ càng chu đáo, họ cho in một số lượng tiền mới toanh, trong khi đó, Nga chỉ kịp phản ứng bằng cách dán một con tem vào đồng tiền cũ. Một bên quyết tâm xóa bài làm lại giúp đỡ từ đầu, một bên chỉ mang tính cách tạm bợ, qua quýt, không hết lòng.

Đồng D-Mark cũng có giá trị trong Tây Bá Linh mặc cho các cuộc biểu tình hò hét chống đối gây hoang mang do các đảng viên của đảng Cộng Sản Đức SED giật dây theo lệnh của Nga Xô nhằm gây rối loạn trật tự trong thành phố Berlin. Để giảm thiểu số lượng tiền bạc thặng dư, Mỹ đã in mấy chục tấn loại đồng tiền mới D-Mark ở Mỹ và chuyên chở bằng tàu thủy đến Đức (cảng Bremerhaven). Số tiền để dành của dân chúng trong các nhà băng được đổi với tỷ lệ 10:1 và đồng Reichsmark cũ hoàn toàn mất hiệu lực ở trên toàn cõi Tây Đức và Tây Bá Linh.

Bên Đông Bá Linh, Nga Xô cũng bắt đầu cho ban hành một loại đồng tiền mới, viết tắt là DMD

hay còn gọi là đồng Mark. Nga Xô muốn nhấn mạnh vai trò chủ nhân ông của mình ở Bá Linh bằng cách ra lệnh cấm lưu hành loại tiền D-Mark ở khắp thành phố Bá Linh, Tây cũng như Đông. Đạo luật này đã bị dân Tây Bá Linh biểu tình chống đối lại.

Blockade - cầu không vận

Ngay từ năm 1948 Nga Xô đã dùng áp lực để phong tỏa Bá Linh. Mọi hệ thống vận chuyển từ đường bộ cho đến đường thủy để cung cấp thực phẩm và nhu liệu cho Bá Linh hoàn toàn bị đình chỉ. Đồng minh Tây phương gồm Mỹ, Pháp và Anh đã phản ứng kịp thời với một cầu không vận để tiếp tế cho Tây Bá Linh.

Trong thời gian Bá Linh bị Tứ cường kiểm soát, thành phố vẫn còn có các quận trưởng hay thị trưởng của người Đức, được đại diện của dân chúng bầu lên và làm việc dưới sự kiểm soát của từng khu vực Mỹ, Anh, Pháp và Nga Xô. Trong thời gian 1 hay 2 năm đầu, chưa ai nghĩ đến những rắc rối và khó khăn cho việc di chuyển từ Tây Đức sang Bá Linh, một thành phố nằm gọn lỏn trong khu vực kiểm soát của Nga Xô. Con đường di chuyển bằng hàng không từ Tây Đức đến Bá Linh gồm có 3 đường: Hamburg, Hannover và Frankfurt nằm trên sông Main.

Đầu năm 1948 đường xe lửa và đường tàu thủy dẫn đến Bá Linh xảy ra nhiều trục trặc do Nga Xô dàn cảnh, gây cản trở lưu thông cho phía đồng minh. Những chuyến xe lửa từ Bá Linh sang Tây Đức thường bị Nga Xô vô cớ chặn lại xét hỏi, nếu hành khách là dân Bá Linh thì bị "đuổi" trở về lại Bá Linh, không cho sang Tây Đức, còn nếu hành khách là người Anh hay Mỹ thì cảnh sát Nga làm khó dễ bằng cách cho ngồi chờ mười mấy tiếng rồi mới cho đi tiếp.

Đến đầu tháng tư năm 1948, quá bức mình vì bị Nga Xô chơi trò lên lớp bắt nạt, tướng Clay của Mỹ ra lệnh bỏ đường bộ và xe lửa, chỉ còn sử dụng đường hàng không, để trả lời cho Nga Xô thấy không phải đồng minh Tây phương lúc nào cũng chỉ biết cúi đầu nhượng bộ. Cầu không vận "thử lửa" này chỉ kéo dài 3 ngày, được coi như là một bản nháp cho cầu không vận có một không hai xảy ra sau đó... Tình trạng bang giao giữa Tứ cường trong thành phố càng thêm căng thẳng khi đại diện của Nga Xô ngang nhiên tự ý rời bỏ nhiệm sở, gây đình trệ cho những cuộc bàn thảo của "hội đồng kiểm soát tối cao của Tứ cường" trong công cuộc điều hành nền hành chính của Bá Linh.

Những hục hặc bấy lâu nay giữa đồng minh Tây phương và Nga Xô cộng thêm việc phát hành đồng tiền D-Mark càng gia tăng thêm và như giọt nước cuối cùng làm tràn ly, Nga Xô đã phong tỏa Bá Linh.

Để trả đũa việc lưu hành đồng D-Mark trong Tây Đức và Tây Bá Linh do Mỹ chủ trương, bất chấp sự chống đối của đồng minh Tây phương, Nga Xô đã cho cúp ngang hệ thống phát điện cung cấp cho toàn thành phố Bá Linh. Một ngày sau khi đồng D-Mark được lưu hành, Nga Xô ra lệnh cắt đứt hoàn toàn đường xe lửa đến Bá Linh, đường thủy cũng bị cấm ngặt. Bá Linh hoàn



Cầu Không Vận

toàn bị cô lập với thế giới bên ngoài, Bá Linh bỗng chốc trở thành một hòn đảo cho vợ nằm trong bàn tay sắt của Nga Xô. Mấy tháng sau đó Nga Xô vẫn tiếp tục chính sách khủng bố Bá Linh, ngày có điện, ngày không có điện, hứng thì cho chạy, không hứng thì cúp. Cả thành phố bị đình trệ, không còn sản xuất được một thứ gì cho đời sống hàng ngày, Bá Linh bị xáo trộn khủng hoảng liên miên. Giai đoạn khủng bố cô lập Bá Linh kéo dài mãi đến tháng 5 năm 1949 mới chấm dứt.

Con đường duy nhất để tiếp vận cho Bá Linh lúc bấy giờ là máy bay, một cây "cầu không vận" có một không hai của thế giới đã được bắt đầu 4 ngày sau khi đồng D-Mark của Tây Đức ra đời (25.06.1948). Từ 9 phi trường phát xuất từ miền Tây của Đức, mỗi ngày với khoảng cách là 3 phút, các chuyến máy bay chở đầy lương thực và các nhu yếu phẩm tối thiểu hàng ngày cho 2,2 triệu người dân ở Bá Linh, máy bay lên, xuống, thả hàng hóa hàng loạt rồi lại cất cánh bay đi như những con ong đem mồi về tổ. Bá Linh ngày ấy đã trở thành một biểu hiệu, một ngưỡng cửa của thế giới tự do đối đầu với móng vuốt thủ đoạn của Cộng Sản.

Năm 1949, hai nước Đức được thành lập: "Cộng Hòa Dân chủ Đức" (DDR) và "Cộng Hòa Liên Bang Đức" (BRD).

Năm 1951 một tượng đài hình bàn tay cong cong có 3 ngón chia lên trời, hướng về phía Tây đã được dựng lên ở phi trường Bá Linh-Tempelhof, để kỷ niệm cầu không vận Bá Linh, một cuộc cứu đói vĩ đại bằng đường hàng không cho một Bá Linh bị phong tỏa. Ngón tay chia lên trời là biểu tượng của 3 đường bay chính qua lại giữa Tây Đức và Bá Linh: Hamburg, Hannover và Frankfurt.



Đài kỷ niệm Cầu Không Vận

Ba

3. Bức tường Bá Linh hình thành

Từ năm 1952, mọi biên giới nội địa ngăn chia Đông Đức và Tây Đức lại bị Đông Đức rào chắn kiên cố bằng kẽm gai, ngoài lính canh còn có các hệ thống canh gác tự động. Một biên giới duy nhất còn bỏ ngỏ vào thời đó là thành phố Bá Linh.

Mùa xuân năm 1961, tình hình kinh tế ở Đông Đức đi xuống thật nhanh, hệ thống cung cấp thức ăn, vật dụng thường ngày rơi vào khủng hoảng và số người rời bỏ Đông Đức càng lúc càng tăng. Hàng tháng, cả hàng ngàn hàng vạn người tìm cách trốn khỏi Đông Đức, một đất nước đang dần chết, một ngày tàn của Đông Đức như đang kề cận.

Khoảng 2,7 triệu người đã rời bỏ Đông Đức và Đông Bá Linh trong thời gian từ 1949 cho đến 1961, đa số là thành phần trí thức và thanh niên trẻ tuổi được đào tạo nghề nghiệp chuyên môn vững chắc. Mỗi ngày có đến nửa triệu người qua lại, đi về khu vực lằn ranh Đông Tây ở Bá Linh.

Có rất nhiều nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp vì sao bức tường Bá Linh đã được dựng lên một cách tức tưởi 53 năm về trước.

- Tuy được gọi là đồng minh, đồng kiểm soát Bá Linh và có chân trong hội đồng kiểm soát tối cao của thành phố, nhưng Mỹ và Nga có rất nhiều điểm bất đồng khó hàn gắn, từ chính trị cho đến kinh tế.

- Nga tiếp tục bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản khắp Âu châu, trong khi chính đất nước của

mình vẫn đang quần quai nghèo đói vì vết thương tàn phá của chiến tranh. Ngược lại, Mỹ đang hùng mạnh và hoàn toàn không bị chiến tranh tàn phá.

- Nhờ kinh tế vững mạnh, Mỹ đã đưa ra chương trình giúp đỡ Âu Châu kiến thiết lại đất nước với chương trình Marshall. Nga Xô thì cấm các nước Đông Âu và Đông Đức tham dự chương trình kiến thiết này vì nếu chấp nhận, Nga Xô coi như bị "mất mặt" không còn uy thế với các nước đàn em nữa.

- Tiền tệ của Đông Đức và Tây Đức được thay đổi với tỷ lệ chính thức 4 Mark (Đông Đức) = 1 D-Mark (Tây Đức). Đồng D-Mark được sử dụng chính thức trong những khu vực của Tây Bá Linh, điều mà Nga Xô hoàn toàn chống lại, vì như thế bao nhiêu tiền bạc mà Nga nắm giữ trong tay, một sớm một chiều sẽ trở thành tờ giấy vô dụng không còn giá trị nữa. Đồng D-Mark được cả thế giới công nhận, trong khi đồng Mark chỉ có thể tiêu xài trong phạm vi Đông Đức, ngay cả các nước Đông Âu láng giềng cũng không công nhận đồng bạc này.

- Đời sống của Tây Đức sung túc, nhờ được Mỹ trực tiếp xây dựng giúp đỡ, trong khi dân Đông Đức vẫn còn nghèo nàn, vì bị bắt buộc phải đóng góp đoàn kết giúp đàn anh Nga Xô xây dựng kiến thiết nước đàn anh. Với đồng D-Mark, dân Tây Bá Linh có thể chạy sang Đông Bá Linh mua thực phẩm với giá rẻ mạt đem về vì tỷ lệ tiền tệ hai bên quá chênh lệch. Dân Đông Bá Linh thì đói vì không đủ tiền mua, trong khi dân Tây Bá Linh chạy sang vét sạch đem về hưởng lợi riêng.

- Khi hai nước Tây Đức và Đông Đức được chính thức thành lập vào năm 1949, (chỉ cách nhau 3 tháng), các thành phần trí thức, các chuyên viên được huấn luyện cũng như các giới trẻ càng ngày càng quay lưng lại với Đông Đức, bỏ trốn sang Tây Đức và như thế ở Đông Đức chỉ còn lại thành phần thợ thuyền và đảng viên đảng Xã Hội (SED). Tính từ năm 1949 cho đến ngày bức tường Bá Linh được dựng lên, theo thống kê có đến 2,7 triệu người rời bỏ Đông Đức sang Tây Đức sinh sống.



*Hàng rào kẽm gai **

Mọi di chuyển từ Đông Đức sang Tây Đức càng ngày càng bị Nga Xô làm khó dễ, không cấp giấy phép di chuyển. Thành phố Bá Linh, lúc này chưa bị ngăn cấm, dân Đông Đức chỉ cần vào đến Đông Bá Linh, vì cùng nằm trong vùng kiểm soát của Nga nên không cần giấy phép, ở đây họ mua một cái vé xe điện sang đến Tây Bá Linh, thế là trốn thoát luôn. Mỗi ngày có đến cả trăm ngàn người qua lại Đông và Tây Bá Linh, khó kiểm soát canh chừng. Nội trong tháng 7 năm 1961, một tháng trước khi bức tường được dựng lên, có đến 200.000 người bỏ trốn sang Tây Bá Linh.

Đêm 12 rạng 13 tháng 8 năm 1961, Walter Ulbricht, Chủ tịch Hội Đồng nhà nước của Đông Đức, kiêm Đảng trưởng đảng SED (sozialistische Einheitspartei Deutschland = đảng Xã Hội thống nhất của Đức), kiêm Bộ trưởng bộ Quốc phòng Đông Đức, đã ra lệnh phong tỏa khu vực lần ranh chia Đông Tây ở Bá Linh. Với sự thỏa thuận đồng ý của đàn anh Nga Xô cũng như sự bao che ủng hộ của quân đội Nga đóng trên nội địa Đông Đức, cửa ngõ duy nhất và cuối cùng để thoát ra khỏi chế độ chuyên chế kìm kẹp của SED đã bị khóa chặt.

Công việc dựng lên bức tường trong vòng một đêm đã được tuyệt đối giữ kín do sự điều động chuẩn bị của Erich Honecker, lúc đó còn là Tổng Thư ký của văn phòng Bảo Mật Đông Đức thời đó.

Rạng đông ngày 13 tháng 8, cảnh sát biên phòng Đông Đức với súng đạn trang bị bắt đầu đào xới các ngã đường của trung tâm Bá Linh. Các tầng nhựa đường, gạch đá bị đào xới lên, chồng chất lên nhau để cản đường cản lối, các cột bê tông được cắm vội xuống lòng đất để giăng hàng rào kẽm gai, chặn ngang lối đi, dọc theo khu vực kiểm soát thuộc Nga Xô. Súng và xe tăng được mang tới, mọi giao thông của dân chúng thuộc khu vực lẫn ranh bồng chốc đâm ra rối loạn. Ông bộ trưởng bộ giao thông Đông Đức - Erwin Kramer - từ lúc nửa đêm, đã ra lệnh bắt ngưng tất cả mọi hoạt động của hệ thống xe điện (S-Bahn) nối liền hai khu vực Đông và Tây Bá Linh.

Chiều ngày 13 tháng 8, thủ tướng Konrad Adenauer của Tây Đức, trước sự việc đã rồi, đã lên tiếng như sau: "... Chính phủ Liên Bang Tây Đức yêu cầu tất cả đồng bào hãy tin tưởng vào những biện pháp sắp tới. Đây là thời điểm rất quan trọng đến vận mạng tương lai của đất nước chúng ta, chúng ta phải can trường mạnh mẽ nhưng tuyệt đối không được bạo động, phải chấp nhận trực diện đối đầu trước thách thức của Đông Đức nhưng không nên làm bất cứ điều gì có thể đưa đến một tình trạng tồi tệ hơn mà không cải thiện được gì."

Tối ngày 13 tháng 8, ông thị trưởng thành phố Bá Linh - Willy Brandt - đã tuyên bố trước Hạ viện: "Hội đồng thành phố Bá Linh lên án và buộc tội trước thế giới những chính sách bất hợp pháp và vô nhân đạo đối với việc chia cắt nước Đức, cũng như đối với người dân bị đàn áp ở Đông Bá Linh và người dân bị đe dọa ở Tây Bá Linh."

Đêm 17 rạng ngày 18, khi ánh bình minh vừa ló dạng, lẫn ranh Đông Tây với hàng rào kẽm gai tạm bợ giờ đây đã được thay thế bằng một bức tường bằng gạch kiên cố, cao quá đầu người.



*Bức tường cao quá đầu người **

Những ngày sau đó, dọc theo bức tường, đã xảy ra bao cảnh thương tâm, đau lòng: chỉ trong vòng một ngày, người dân của Đông và Tây Bá Linh bị cắt lìa với nhau, từ đường xá, công trường, nhà cửa, hệ thống xe điện... tất cả đều bị cách chia, gián đoạn. Bức tường đã buộc hơn 50 ngàn người Đông Đức phải tức tức rời cắt đứt không kịp giả từ công việc của họ với các hãng xưởng bên Tây Bá Linh. Không còn gì đau đớn hơn, không còn lời nào để diễn tả cho trọn vẹn nỗi nghẹn ngào cay đắng, khi bỗng chốc một người phải đứng bên này ngó mông sang người bên kia và ở giữa là bức tường gạch vô tri! Bên bờ tường phía đông, trong khi các đội phòng thủ chiến đấu và cảnh sát đang chia súng tiểu liên vào dân chúng đứng tụ tập xì xào quanh đó, thì bên bờ tường phía tây, cảnh sát bên này lại tìm cách ngăn cản đám đông đang xô sục vì tức giận, để tránh những việc đáng tiếc có thể xảy ra.

Tâm trạng của người dân Tây Bá Linh lúc này thật vô cùng bi đát. Nhiều người đã nghĩ rằng đang bị đồng minh Tây Phương bỏ rơi, và cũng có một số không nhỏ cho rằng việc dựng lên bức tường ngăn chia chỉ là bước đầu trong những biện pháp thay đổi thể chế của thành phố Bá Linh.

Người dân Đông Bá Linh cũng không chịu khuất phục trước biến cố lớn lao này. Theo tài liệu của Stasi (cơ quan mật vụ của Đông Đức) sau này thì có khoảng 4000 người đã bị bắt sau đó. Sự chống đối có lẽ còn nhiều hơn sự phỏng đoán từ trước đến nay. Chỉ nội trong một ngày khi bức tường được dựng lên, theo hồ sơ của Stasi, đã có 20 đám đông tụ tập có tính cách phản đối bạo động với khoảng 600 người tham dự.

Ngày 17 tháng 8, tổng thống Hoa Kỳ - John F. Kennedy quyết định tăng cường 1500 binh sĩ cho

đội quân US-Garrison đóng ở Tây Bá Linh. Để biểu uy sự đối kháng, đoàn xe chở binh lính Hoa Kỳ đã xử dụng con đường xa lộ "Transit", xuyên ngang lãnh thổ Đông Đức sang Tây Bá Linh. Ở đây đoàn xe đã đi ngang qua nhà thờ "Kurfürstendamm" như một đoàn quân chiến thắng trở về.



Xa lộ Transit đến Tây Bá Linh



Exit cuối cùng để vào Đông Đức

Tháng 6 năm 1963, nhân lễ kỷ niệm 15 năm "Cầu Không Vận Tiếp Tế Bá Linh", Tổng thống Kennedy đã đến thăm thành phố Bá Linh. Trước tòa thị sảnh "Schöneberg" ông đã đọc bài diễn văn nói về bức tường, một bài diễn văn với câu nói đi vào lịch sử: 2000 năm về trước, để diễn tả niềm hãnh diện nhất, người ta nói "tôi là con dân của Rome". Ngày nay, trong thế giới tự do, câu nói ấy phải được sửa lại rằng "tôi là một công dân của Bá Linh" (Ich bin ein Berliner).



*Tổng thống Kennedy với câu nói lịch sử "Ich bin ein Berliner" **

Với việc dựng lên bức tường Bá Linh, nhà cầm quyền Đông Đức (đảng SED) đã đóng lại cánh cửa cuối cùng nối hai miền Đông và Tây của Đức. Đối với người dân Đông Đức, bức tường là biểu tượng chấm dứt mọi tự do, không còn một lối nào để thoát ra khỏi chính sách kèm kẹp của chính quyền xã hội chủ nghĩa. Bức tường đã chia đôi nước Đức, là biểu tượng kinh hoàng về xung đột ý thức hệ Đông-Tây.

Sau đây là một vài con số về bức tường Bá Linh :

- chiều dài của ranh giới giữa Đông và Tây Bá Linh 43,1 km
- chiều dài của ranh giới giữa Tây Bá Linh và Đông Đức 111,9 km
- chiều dài của bức tường bằng bê tông 107,0 km
- chiều dài của hàng rào cản bằng kim loại 61,3 km
- chiều dài của hàng rào có điện báo động 127,5 km
- chiều dài đường kiểm soát tráng nhựa dọc theo bờ tường 124,0 km
- số tháp canh dọc theo bức tường 296 tháp
- tổn phí để dựng lên bức tường (1961) khoảng 100 Mio D-Mark (bằng tổng sản lượng xây cất của Đông Đức trong một năm)
- số người chết khi tìm cách vượt thoát qua bờ tường 136 người
- số người vượt thoát thành công sau khi có bức tường 180.000 người
- số người xin ra đi chính thức sang Tây Đức 727.000 người

Bức tường đã gây xáo trộn trực tiếp vào đời sống hằng ngày của người dân Đông Đức: giao thông giữa Tây Đức và Đông Đức bằng xe điện ngầm (U-Bahn và S-Bahn) hoàn toàn bị gián đoạn. Làm cách ly biết bao gia đình! Cửa ra vào của các căn nhà nằm trên lằn ranh biên giới nằm trên đường Brunnen hay Schweder đã bị cảnh sát dùng gỗ niêm phong lại, các ống cống trên mặt đường bị bít kín bằng cách đổ hàng loạt thùng xi măng xuống. 50 căn nhà, 37 cửa tiệm và 1253 cánh cửa sổ của các căn nhà nằm trên đường Bernau bị cảnh sát dùng gạch và xi măng xây bít kín lại. Dân cư của 2000 căn nhà nằm gần lằn ranh biên giới phải rời bỏ nhà cửa của mình để đến định cư ở một nơi nào đó trong thành phố. Thế nhưng nhà cầm quyền Đông Đức vẫn còn lo ngại, lo những biện pháp phòng ngừa ngăn chặn kẻ trên chưa đủ hiệu quả, nên ngày 21 tháng 6 năm 1963, đã ra lệnh lập một vùng cấm địa với hệ thống bắn tự động, rộng khoảng 100 mét, nằm dọc theo bờ tường phía Đông.

Khi bức tường trong vòng một đêm được dựng lên, người dân Đông Bá Linh hốt hoảng, hoang mang, họ như cá nằm trong rọ, vùng vẫy tìm cách vượt thoát. Ngay trong ngày hôm sau, đêm 13 rạng ngày 14 đã có hơn 6000 người vượt hàng rào chạy sang Tây Bá Linh. Đến năm 1963, mặc dầu đã có bức tường cao quá đầu người, nhưng 17.960 người cũng đã trốn thoát được. Đó cũng là lý do vì sao đảng SED ra lệnh lập vùng cấm địa rộng 100 mét dọc theo bờ tường.

Người nào tìm cách trốn thoát mà bị bắt thì không tránh được cảnh tù tội, hoặc nằm khám 2 năm hoặc phải trả tiền thế thân 2000 Mark. Nếu lai vãng vùng cấm địa để chụp hình, quay phim hay tìm cách phá phách hàng rào cản thì lãnh 1 năm tù hay trả tiền thế thân 1000 Mark. Tội nặng nhất là tội đồng lõa, giúp người trốn thoát ra khỏi Đông Đức, tội này lãnh án tù chung thân. Thế nhưng người dân Đông Bá Linh vẫn tìm cách ra đi, họ chấp nhận tù tội, may ra thì được chính phủ Tây Đức chuộc họ đem về với thế giới tự do. Con số tù vượt biên được Tây Đức bỏ tiền ra chuộc lên đến cả mấy chục ngàn người.

Lính biên phòng Đông Đức được lệnh bắn chết những ai tìm cách vượt lằn ranh ngăn chia Đông Tây. Đối với chính phủ Đông Đức, hành động nổ súng bắn bỏ người dân tìm cách ra đi là một hành động anh hùng, trung thành với quốc gia dân tộc. Những anh hùng quốc gia dân tộc đó sẽ được biệt đãi hậu hỉ, được lãnh bằng khen vì đã bảo vệ được an ninh quốc gia, được đi nghỉ hè tắm biển ở vùng Eastsee với gia đình.

Từ ngày bức tường được dựng lên, 13 tháng 8 năm 1961, cho đến ngày bức tường đổ, có tổng cộng 169 người chết, trong đó 136 người bị bắn và 33 người chết vì mìn.

**Những bức hình đen trắng được chụp tại phòng triển lãm của thành phố Leipzig, thành phố với những cuộc biểu tình ôn hòa, bất bạo động của người dân Đông Đức trong mùa hè 1989, đưa đến việc sụp đổ bức tường (sẽ được tường thuật chi tiết hơn trong đoạn sau).*

(còn tiếp)

Mỹ Nga

Bức Tường Bá Linh (Phần 2)

4. Những cuộc vượt thoát sang thế giới tự do

Khi con người bị tước đoạt tự do thì sớm muộn gì cũng sẽ tìm cách thoát ra khỏi sự kìm kẹp, giam hãm, tù đày. Biết bao phim ảnh tài liệu đã tường thuật lại những chuyến vượt biên ly kỳ, đôi khi thà chấp nhận cái chết để đổi lấy cuộc sống tự do hơn là sống mãi dưới chế độ chuyên chế, độc tài, không lối thoát.

Trong bài viết này chỉ xin đơn cử một vài câu chuyện có tính cách đặc thù:

Vượt biên bằng khinh khí cầu

Hai gia đình Strelzyk và Wetzels đã chuẩn bị gần 2 năm cho chuyến đi trốn ra khỏi Đông Đức bằng một Khinh khí cầu, bay qua biên giới nội địa vào ngày 16 tháng 9 năm 1979. Cho phần quả cầu cao 28 m, rộng 20 m (= 2800 mét khối), hai gia đình đã dùng hàng may áo mưa để may lại, một lượng vải mà họ phải cần bao nhiêu ngày tháng gom góp khắp Đông Đức mới có đủ số lượng cần thiết. Phần giỏ mây ở phần dưới khinh khí cầu được treo bằng nhiều giây Nylon phơi quần áo, giỏ mây có đường kính 1,40 m và một bề cao khoảng 80 cm, có đáy bằng gỗ, vừa đủ chỗ cho 8 người lớn nhỏ ngồi sát vào nhau, tay giữ chặt 4 ống đựng khí "Propan" được đặt ở giữa giỏ mây.



Khởi hành từ một cánh rừng hoang ở Oberlemnitz-Heinersdorf thuộc tiểu bang Thüringen, chiếc khinh khí cầu đã bay bổng lên cao vào lúc 1 giờ 30 sáng, theo gió bắc, chơi vui trên không được đúng 28 phút trong bóng đêm. Nhờ bay cao nên không bị phát giác bởi ánh đèn pha rọi chiếu của cảnh sát biên phòng Đông Đức nhưng những vệt sáng lướt nhanh trong bóng đêm cũng đủ làm hai gia đình lên ruột. Trên không với độ cao 2000m, trời lạnh 8 độ Celcius âm, chiếc khinh khí cầu lại quay vòng vòng mấy bận nên không còn ai định ra được phương hướng gì nữa. Cuối cùng, vì hết gas, chiếc khinh khí cầu dần dần mất cao độ, là là rơi xuống trên một khu rừng hoang. Chân đạp đất mà không biết mình đang ở đâu, đã vượt qua biên giới hay chưa? Thật là một tình huống bi đát khó quên. May mà không ai bị thương!



Nhờ ánh trăng sáng tỏ, hai gia đình đã rời bỏ chiếc khinh khí cầu, làm lũi đi về hướng Nam, băng qua nhiều ruộng đồng, gặp bất cứ một bảng dấu hiệu nào cũng cố đọc để đoán xem mình đang ở đâu, còn ở bên Đông hay đã sang bên Tây.

Đến khi gặp một xe cảnh sát tuần tiểu, câu hỏi đầu tiên của họ:

- Có phải chúng tôi đang ở Tây Đức?

Họ đã ôm nhau mừng rỡ khôn xiết khi nghe câu trả lời:

- Còn ở đâu nữa, dĩ nhiên là các bạn đang ở Tây Đức!

Chuyến bay lịch sử này đã được phim trường Mỹ dàn dựng lại trong cuốn phim *Mit dem Wind nach Westen* (*Theo Gió Về Miền Tây*) cũng như được viết lại trong quyển *Hồi Ký Của Gia Đình*

Strelzyk. Những sự kiện này đã là những cái gai nhọn trong con mắt nhà cầm quyền Đông Đức thời bấy giờ.

Tiểu thay, sau khi sang được thế giới tự do, tình cảm gắn bó giữa hai gia đình Strelzyk và Wetzel đã rạn nứt trầm trọng. Họ không còn nhớ tới những ngày tháng lo âu, đùm bọc, lén lút quyết lòng cùng nhau chuẩn bị cho một chuyến đi định mệnh, một mất một còn.

Checkpoint Charlie

Checkpoint Charlie là trạm kiểm soát nổi tiếng nhất của Bá Linh, ngăn chia hai khu vực kiểm soát của Mỹ và Nga, trong thời gian từ 1961 cho đến 1990. Trạm kiểm soát Charlie nằm trên đường Friedrich, được thành lập khi bức tường Bá Linh được dựng lên, với nhiệm vụ kiểm soát và ghi nhận giao thông qua lại, đi về của các nhân viên quân sự thuộc đồng minh Tây phương, thuộc Nga, nhân viên của các tòa đại sứ cũng như của đại diện Tây Đức trong Đông Đức.



Khi đảng xã hội cầm quyền SED của Đông Đức tìm cách giới hạn quyền hạn của đồng minh Tây phương ở Bá Linh, ngày 27 tháng 10 năm 1961, Nga và Mỹ đã thị uy với nhau bằng cách cho xe tăng của mình đứng dàn chào gầm ghè đối diện nhau ở hai đầu trạm kiểm soát Charlie. Ngày đó không ai ngờ rằng hai bên đã ra mật lệnh cho xe tăng của mình sẵn sàng nổ súng khi cần thiết.

Trạm kiểm soát Charlie cũng là nơi đã từng diễn ra những cảnh vượt thoát rợn người của người dân Đông Bá Linh.

Không ai có thể quên được một Peter Fechter, con trai độc nhất của một gia đình gồm 4 người con. Người chị lớn nhất của Peter Fechter sinh sống ở Tây Bá Linh, chị vẫn được gia đình thăm viếng đều đặn cho đến khi bị bức tường Bá Linh ngăn chặn. Tuy cố gắng làm việc gương mẫu nhưng Peter Fechter vẫn không được cấp giấy phép sang Tây Bá Linh thăm chị.

Ngày 17 tháng 8 năm 1962, khoảng 14:15 trưa, một năm sau khi bức tường được dựng lên, Peter Fechter, lúc này đã 18 tuổi, cùng với người bạn và cũng là đồng nghiệp tên Kulbeik tìm cách leo qua bức tường ở đường "Zimmerstrasse", gần sát trạm kiểm soát Charlie. Trong khi anh bạn đồng nghiệp Kulbeik leo qua được bức tường thì không một lời cảnh cáo, 34 viên đạn đã liên tiếp nổ, chỉ một viên duy nhất đã trúng vào người Peter Fechter làm anh ta ngã xuống, nằm bất động bên bờ tường trên phần đất thuộc Đông Bá Linh.

Tiếng kêu cứu thảm thiết vô vọng của Peter Fechter "*cứu tôi với, cứu tôi với*" đã làm khách bộ hành hai bên bờ tường xúm lại. Bên bờ tường phía Đông, đám đông lập tức bị cảnh sát Đông Đức đuổi đi không cho đứng lại, bên phía Tây đã có một xe cảnh sát Tây Đức chạy đến. Một viên cảnh sát Tây Đức liêu mình, bất kể lệnh triệt đề cấm, trèo lên, thò đầu qua lớp kẽm gai giăng trên bức tường để ném bông gòn băng bó vết thương xuống bờ tường



bên kia cho nạn nhân, nhưng không thể tiến sâu hơn nữa vì Đông Đức sẽ cho đó là một hành động xâm nhập bất hợp pháp vào lãnh thổ của Đông Đức.

Peter Fechter lúc này đã quá yếu, nằm bất động, lưng quay vào bờ tường. Cảnh sát Đông Đức cũng như nhân viên của trạm kiểm soát Charlie không một ai ra tay cứu giúp Peter Fechter, mặc cho đám đông bên Tây Đức la hét, phản đối đòi hỏi một phản ứng thích đáng. Mãi gần 50 phút sau cảnh sát Đông Đức mới đem Peter Fechter ra khỏi vùng cấm địa cạnh bờ tường. Anh ta đã qua đời mấy tiếng đồng hồ sau đó trong nhà thương vì mất quá nhiều máu.

Bức tường đã đổ, câu chuyện leo qua bức tường trốn sang Tây Bá Linh đã trở thành dĩ vãng, nhưng anh bạn đồng nghiệp Kulbeik của Peter Fechner không bao giờ quên được. Anh vẫn nói rằng *"hành động leo qua bức tường ngày hôm đó không phải là một hành động nông nổi của tuổi trẻ ngông nghênh, mà là một hành động với một sự suy nghĩ chín chắn, vì chúng tôi không thể kéo dài mãi cuộc sống không có tương lai dưới chế độ cầm quyền của đảng SED"*.

Những ngày đầu sau khi đặt chân đến Tây Bá Linh anh đã được họ hàng ở đây giúp đỡ trong mọi phương diện. Kulbeik được ký giả mời phỏng vấn nhiều lần nhưng anh ta từ chối, chỉ cho biết tên tuổi của Peter Fechter, còn riêng lý lịch của cá nhân mình thì yêu cầu dấu kín vì sợ cha mẹ bên Đông Bá Linh bị liên lụy.

Cái chết tức tưởi của Peter Fechter đã được cả thế giới tự do loan tin, cái chết đầu tiên trên bức tường ô nhục Bá Linh. Một đài tưởng niệm Peter Fechter được dựng lên trên con đường Zimmerstrasse, hằng năm vẫn được các nhà chính trị của Tây Đức và quan khách đến đặt vòng hoa tưởng niệm. Anh bạn đồng nghiệp Kulbeik không bao giờ đến viếng thăm mộ phần của Peter Fechter ở Weissensee. Ngay cả cha mẹ họ hàng của Peter Fechter anh ta cũng tránh gặp mặt. Một đôi lần anh ta có đến con đường Zimmerstrasse, đến đài tưởng niệm, nhưng chỉ đi một mình, lặng lẽ âm thầm, không cần và không muốn ai biết đến.

Hans-Peter-Spitzner, quê quán ở Karl-Max-Stadt (bây giờ là tỉnh Chemnitz, gần Dresden) là người cuối cùng trốn qua Tây Bá Linh, vượt bức tường qua cửa ngõ Charlie.

Là một nhà giáo chân chính, Hans-Peter-Spitzner càng ngày càng cảm thấy ngột ngạt, bị áp chế dưới chế độ độc tài, rình rập, kiểm duyệt của Đông Đức, trong lòng ông chỉ quyết chí tìm cách để trốn ra khỏi Đông Đức, nhưng chưa biết bằng cách nào. Khi bà vợ Ingrid của ông được cấp giấy phép sang Tây Đức vài ngày để thăm gia đình (tháng 8 năm 1989), Hans Peter cũng lái chiếc xe Wartburg cùng cô con gái Peggy lái về Bá Linh. Sau 3 ngày lang thang trong khắp thành phố, tìm cách thuyết phục gần 20 người thuộc đồng minh Tây phương, ông được một nhân viên quân sự khá trẻ của đồng minh Mỹ, tên Eric Yaw, bằng lòng chở hai cha con ông bằng xe của anh ta sang Tây Bá Linh.

Hẹn nhau ở một công viên vắng vẻ và khá xa thành phố, hai cha con Hans Peter leo nhanh lên chiếc xe Toyota của Eric Yaw, nằm gọn lỏn trong thùng xe, chỉ nhìn được qua khe hở nhỏ ánh sáng của bên ngoài. Chiếc xe do Eric Yaw lái, sau 45 phút, đã vượt qua trạm Charlie một cách dễ dàng, không bị kiểm soát, đưa hai cha con Hans Peter Spitzner về với thế giới tự do, vừa kịp để báo tin cho bà vợ Ingrid của ông rằng chồng con đã trốn sang được Tây Bá Linh, trước khi bà quay trở lại với đời sống tù túng, thiếu tự do của Đông Đức. Vài tháng sau thì bức tường sụp đổ! Ngày 22 tháng 6 năm 1990, trạm kiểm soát Charlie đã bị phá bỏ, 10 năm sau lại được dựng lên như một đài kỷ niệm (năm 2000), Checkpoint Charlie trở thành một nơi thu hút rất đông du khách khi đến thăm Bá Linh.

Trong chuyến ghé thăm Bá Linh vào đầu thu 2014 năm nay, chúng tôi gặp lại người bạn học thời trung học của ngày xưa ở Sài Gòn. Anh Đ. cùng du học ở Tây Đức với chúng tôi nhưng anh xin vào đại học kỹ thuật ở Tây Bá Linh. Khoảng cuối thập niên 70, trong một chuyến sang chơi Đông Bá Linh (người ngoại quốc sinh sống ở Tây Bá Linh có thể sang chơi Đông Bá Linh không cần giấy phép nhưng tôi phải trở về lại, không được ngủ đêm ở bên Đông) , ở đây anh đã làm quen với một cô gái người Đông Bá Linh, con gái một nhà họa sĩ khá nổi tiếng.

Trong thời gian qua lại Đông Bá Linh anh vẫn thường đi qua ngõ Checkpoint Charlie, không lần nào tránh khỏi cảnh bị khám xét chi li của cảnh sát biên phòng Đông Đức. Nệm xe bị gỡ ra vì sợ chủ nhân dấu người trong đó, các lốp thảm lót sàn xe cũng bị tháo gỡ trần trụi... Xét xong, chủ nhân chiếc xe phải tự mau mau gắn lại mọi phụ tùng linh kính rồi lái đi cho nhanh, la cà chậm rãi có thể làm ngứa mắt các viên chức canh gác thì cơ nguy bị giữ lại hạch hỏi không phải là nhỏ.

Khi biết mình đã đem lòng yêu thương cô gái dịu hiền xinh đẹp của Đông Bá Linh, anh bạn của chúng tôi tuần nào cũng không ngại gian nan, lái xe qua ngõ Charlie sang Đông Bá Linh thăm người yêu. Chuyện tình của anh dài lắm, tôi xin được đốt giai đoạn để kể câu chuyện khá gay cấn, ly kỳ trong việc đưa vợ con của anh sang Tây Đức.

Khi đưa con đầu lòng của anh được 1 tuổi (1981) thì ý định đem vợ con sang Tây Bá Linh càng ngày càng nung nấu trong tim anh. Nhưng đem sang bằng cách nào đây?

Nghĩ ra được cách làm giả mạo con dấu của nước VN Dân Chủ Xã Hội, anh em xã hội chủ nghĩa CS của Đông Đức, có tòa đại sứ ở Đông Bá Linh; anh bạn của chúng tôi ngày đêm cặm cụi làm giả con dấu. Anh muốn dùng con dấu này để giả dạng đóng vào thư mời của chính phủ VN (thư cũng do chính tay anh viết), mời vợ anh sang làm việc ở VN. Vợ anh sẽ dùng lá thư giả mạo này để nộp đơn xin xuất ngoại. Đường bay từ Đông Đức về Tân Sơn Nhất sẽ bay qua ngã Paris, rồi từ Paris sẽ bay thẳng về VN. Nhưng theo kế hoạch "vượt biên" của anh thì vợ con anh sẽ không về VN vì anh sẽ đến Paris chờ, đón vợ con đem về Tây Bá Linh, rồi xin tỵ nạn chính trị tại đây. Nhà anh ở Tây Bá Linh và nhà vợ anh ở Đông Bá Linh chỉ cách nhau vài con đường, chỉ vì bức tường mà anh và vợ con phải khốn đốn một thời gian dài. Theo kế hoạch thì vợ con anh sẽ bay sang Paris, nhưng ông trời trở trêu, không cho bay thẳng mà lại bắt ghé phi trường của Tiệp Khắc, lại thêm một xứ CS khác nhảy vào kế hoạch của anh! Ở đây, vợ con anh bị cảnh sát biên giới Tiệp cản lại vì không có giấy "xuất ngoại" sang Tiệp của chính phủ Đông Đức cấp, mặc dầu đây chỉ là một "transit" không hơn không kém. CS chỉ giới khùng bó! Thật là dở khóc dở cười, chồng thì chờ mòn mỏi ở Paris, vợ con thì bị giữ lại ở Tiệp...

Cuối cùng, vợ con anh cũng đến được Paris, sau một thời gian lên ruột, lo lắng. Gia đình anh đoàn tụ, về lại Tây Bá Linh xin tỵ nạn chính trị. Từ đó, mỗi tháng, anh chở hai con sang Đông Bá Linh thăm ông bà ngoại, và dĩ nhiên là đi qua ngõ Checkpoint Charlie. Anh kể: "Mỗi lần cho con



Checkpoint Charlie nhân chuyến viếng thăm Berlin 2013



U-Bahn station "Kochstrasse"

sang thăm ông bà ngoại là phải vật lộn với đám lính biên phòng, bị gỡ tung tóe nệm xe, hai đứa con nhỏ vẫn ngủ vùi, có khi trời tối mới về được đến nhà.”

Vợ anh không bao giờ được về thăm cha mẹ cho đến ngày Đông Tây mở cửa.

Trạm U-Bahn "Kochstrasse" nằm sau lưng Checkpoint Charlie có lẽ là nơi chia tay ngày xưa của đôi uyên ương: nàng ở lại bên Đông, tiền chàng sang biên giới mà lòng nhớ thương không muốn về. Tuy sinh sống ngay tại Bá Linh nhưng đã lâu lắm rồi hai bạn của chúng tôi mới quay trở lại đây...

Cầu Glienicker

Cây cầu Glienicker bắc qua con sông Havel nối liền hai thành phố Bá Linh và Potsdam với nhau. Cây cầu này cũng từng chứng kiến nhiều cảnh trao đổi gián điệp của hai bên từ 1961 cho đến 1986. Năm 1988, ba người dân từ Potsdam (Đông Đức) đã lái một chiếc xe vận tải phá hàng rào cản trên cầu chạy sang Tây Bá Linh.



Khi nhiều gián điệp của hai bên Mỹ và Nga bị bắt, các nhà điều đình ngoại giao đã dàn xếp để có những cuộc trao trả gián điệp, cây cầu này vì thế cũng còn được gọi là "Cầu Gián Điệp". Một biệt thự nằm ngay đầu cầu "Villa Kampffmeyer" là nơi nhân viên của KGB trú đóng để dễ kiểm soát và theo dõi các vụ trao trả gián điệp nói trên. Trong thời gian từ 1962-1986 có vào khoảng 40 gián điệp được trao trả ở đây.



Vụ trao trả số 1 là tên trùm gián điệp Rudolf Iwanowitsch Abel của Nga ở Mỹ, được trao đổi với Francis Gary Powers, một phi công của Mỹ đã bị bắn hạ trong phi vụ thám thính đất Nga. Mặc dầu vụ trao trả ngày 10 tháng 2 năm 1962 được giữ kín nhưng cuối cùng cũng lọt được ra ngoài, gây không ít sôi nổi trong giới báo chí thời đó. Vụ trao trả số 2 vào ngày 11 tháng 6 năm 1985, Mỹ đã trao 4 gián điệp của Nga đổi lấy 23 tù nhân của Đông Đức. Người điều đình thương lượng trong vụ trao trả này là luật sư người Đông Đức, Wolfgang Vogel, sẽ được nhắc đến nhiều hơn trong những đoạn sau.

Vụ trao trả số 3 và cuối cùng: 4 tù nhân chính trị



(Tạm dịch: nơi đây, nước Đức và Âu Châu đã bị chia cắt cho đến 18 giờ ngày 10 tháng 11 năm 1989.)

bị giam trong nhà tù Đông Đức đôi lấy 5 gián điệp của Nga và Ba Lan. Trong số 4 tù nhân chính trị có Anatoli Schtscharanski, một công dân của Nga bị lên án là chống đối chế độ, là bất đồng chính kiến, theo quan điểm của Nga là "gián điệp nằm vùng". Trong ngày trao đổi, Mỹ cương quyết bắt Nga phải trao trả Anatoli Schtscharanski đầu tiên. Để làm nhục kẻ dám đứng ra phản kháng chế độ, Nga đã bắt Anatoli mặc chiếc quần thật rộng, không có dây nịt. Chiếc quần đã tụt lên tụt xuống khiến Anatoli Schtscharanski phải vừa đi vừa giữ quần trước bao nhiêu ống kính của các ký giả ngoại quốc đứng bên này cầu.

Một ngày sau khi bức tường sụp đổ, giao thông trên cầu Glienicker đã được tái lập. Ngày nay, mỗi bên thành ở giữa cầu, khách bộ hành có thể nhìn thấy một tấm biển bằng sắt ghi lại lần ranh giới của ngày xưa. Ở đầu cầu thuộc Potsdam là tấm bảng màu nâu ghi lại ngày mở cửa của cây cầu. Đầu bên kia thuộc Bá Linh là tấm bảng ghi lại lịch sử của cây cầu "gián điệp" Glienicker.

5. Nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ bức tường Bá Linh.

Có rất nhiều dữ kiện và phát triển thuận lợi dẫn đến sự sụp đổ của bức tường Bá Linh vào năm 1989 và dẫn đến con đường thống nhất cho nước Đức.

Đầu tiên phải kể đến là các chính sách đổi mới của tổng thống Nga Xô Michail Gorbatschow, tiếp nối là nền kinh tế khủng hoảng của Đông Đức, làn sóng vượt biên ào ạt của dân chúng Đông Đức sang các nước Tây phương và cuối cùng là những cuộc biểu tình chống đối ôn hòa, bất bạo động của người dân trong nước, là những nguyên nhân đã dẫn đến sự tàn lụi của một chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị DDR.

Với cuộc thắng cử của Michail Gorbatschow vào năm 1985 vào chức Tổng Bí Thư Ủy Ban Trung Ương thuộc đảng Cộng Sản của Liên Bang Xô Viết Nga, tình hình chính trị của UDSSR đã bắt đầu rục rịch mầm mống thay đổi. Những cải cách do Gorbatschow đề xướng: Perestroika (đổi mới) và Glasnost (cởi mở), có phạm sự đổi mới guồng máy hệ thống Stalin ở Nga. Mục tiêu chính trong việc đổi mới về mặt đối nội là các dự án chuyên về tiến bộ kỹ thuật, chống tham nhũng, đóng cửa các hãng xưởng chỉ đem thiệt hại tài chính cho đất nước, bớt nặng nề về hành chánh và cải thiện việc cung ứng nhu yếu phẩm cho đời sống hàng ngày. Về đối ngoại, Gorbatschow muốn giảm thiểu tổn kém cho những biện pháp phòng thủ chiến tranh, áp dụng đường lối chính trị nói lỏng và cởi mở cũng như chủ trương những hợp tác kinh tế với Tây phương.

Những cải cách thay đổi nói trên của Nga Xô đã ảnh hưởng rất lớn đến các nước Cộng Sản chung quanh, đặc biệt là Ba Lan và Hung Gia Lợi.

Trong khi đó thì chính phủ Đông Đức do đảng xã hội SED nắm quyền vẫn khư khư, an nhiên tự tại, bám lấy con đường Xã hội Chủ nghĩa độc tài chuyên chế của mình. Rất nhiều người dân Đông Đức đã cảm nhận sự thay đổi trong các nước anh em láng giềng của mình và thường sang những nước này để nghỉ hè, du lịch.

Cuối tháng 10 năm 1989, chính sách đổi mới của tổng thống Nga Xô - Michail Gorbatschow - không những đã làm lung lay nền chính trị của Đông Đức mà còn làm xáo trộn toàn bộ hệ thống thông tin trong nước.

Những đợt trốn ra đi hàng loạt của dân chúng Đông Đức sang các nước thuộc khối Tây Phương, rồi đến phong trào đòi lập đảng bùng lên mạnh mẽ cũng như những cuộc biểu tình hàng tuần vào tối thứ Hai đã khiến chính quyền Đông Đức lâm vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Các phóng viên nhà báo liên tiếp tường thuật các cuộc biểu tình của năm 1989, loan báo cận kề

những thông tin về vấn đề du lịch xuất cảnh ra nước ngoài, cũng như tình trạng kinh tế khủng hoảng của Đông Đức lúc bấy giờ.

Đối với chính quyền SED thì những phát triển nói trên sớm trở thành những vấn đề nhạy cảm, khó che đậy. Những xung đột chính trị đạt đến cao điểm của nó khi tờ báo Sputnik của Nga bị nhà cầm quyền Đông Đức cấm lưu hành trong tháng 11 năm 1988. Những tư tưởng mới mẻ này, theo ý muốn của nhà cầm quyền, không nên được phát triển rộng rãi trong nước. Biện pháp cấm đoán vượt quá xa khuôn khổ của một sự kiểm duyệt đã không những khó chấp nhận và gây phần nộ trong dân chúng mà còn lan ra cả đến những đảng viên của SED. Những chỉ trích về các nhà lãnh đạo càng ngày càng tăng. Càng ngày dân chúng càng nhận thấy mối tương quan chính trị và kinh tế của Đông Đức không thể tồn tại lâu dài được nữa.

Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa bắt đầu rạn nứt đổ vỡ khi nghiệp đoàn tự do đầu tiên Solidamosc được công nhận vào năm 1989 ở Ba Lan, tiếp đến là sự kiện chính phủ Hung Gia Lợi mở cửa biên giới với Áo ngày 11 tháng 9 năm 1989 cho dân Đông Đức ra đi. Từ đó, cả ngàn người Đông Đức ùn ùn kéo nhau sang Tây Đức qua ngõ biên giới Hung-Áo-Tây Đức.

Dưới áp lực của Nga, Đông Đức cũng đã phải chịu nhượng bước trong cuộc xung đột ở sứ quán Tiệp, nơi mà hàng ngàn dân Đông Đức đã chạy đến xin tỵ nạn, gây áp lực đòi được tiếp tục ra đi sang Tây Đức. Trong những chuyến tàu đặc biệt đóng kín mít, con tàu đã chạy qua lãnh địa Đông Đức, đưa cả mấy ngàn người tỵ nạn Đông Đức sang Tây Đức.

Bức màn sắt đã được vén mở.



Cắt hàng rào kẽm gai ở biên giới Hung-Áo

6. Biên giới đã lỗi thời – Tòa đại sứ Tây Đức ở Budapest (Hung Gia Lợi) năm 1989.

Ngày 28 tháng 2 năm 1989, chính quyền Hung Gia Lợi quyết định cho mở cổng biên giới với Áo. Chính quyền Đông Đức ngày ấy định ninh rằng, đây chỉ là một hành động tượng trưng, thế nào biên giới cũng sẽ phải đóng lại mà thôi. Thật là một nhận định sai lầm với nhiều hậu quả (bất lợi cho Đông Đức và có lợi cho Tây Đức).

Cuối tháng 2 năm 1989, các đồng chí cao cấp ở Đông Bá Linh nhận được một bản tin từ Hung Gia Lợi gửi đi, họ cho rằng bản tin ấy chẳng có gì đáng quan tâm cho lắm. Lúc này các đồng chí còn đang bù đầu bận rộn với những vấn đề cấp bách trong nước: các vụ biểu tình chống đối đang tràn ngập đường phố, nhóm bảo vệ nhân quyền đang tìm cách kêu gọi cử tri bất hợp tác, tẩy chay ngày bầu cử các đại diện địa phương vào ngày 07 tháng 5 sắp tới.

Sáng ngày 2 tháng 5 năm 1989, lính biên phòng Hung Gia Lợi thật sự bắt đầu tháo gỡ hệ thống hàng rào báo động ở biên giới. Có 4 tháp canh nằm dọc theo biên giới Hung-Áo, cứ mỗi tháp canh sẽ cắt khoảng 1km lớp hàng rào báo động. Trong một cuộc họp báo, vị sĩ quan canh gác biên giới của Hung đã hãnh diện tuyên bố, từ đây đến cuối năm nước Hung sẽ hoàn tất công việc dẹp bỏ hàng rào báo động ngăn chia hai nước Hung và Áo.

Từ năm 1987 Hung Gia Lợi đã đặt vấn đề phá bỏ tổng cộng 270 cây số hàng rào báo động. Theo kết quả cuộc kiểm soát của Nga Xô lúc đó thì lớp hàng rào được sản xuất từ Nga và được dựng lên từ giữa thập niên 60, lúc này đã rỉ sét hư hao rất trầm trọng, luôn luôn báo động sai.

Dựng lại một hàng rào mới thì Nga không muốn cung cấp tôn kẽm và Hung thì cũng không muốn tự bỏ tiền ra để chỉnh trang. Tại sao nước Hung phải chi cho việc chỉnh trang hàng rào biên giới cơ chứ? Trên thực tế, mỗi người dân Hung Gia Lợi thời đó đều đã có trong tay một "thông hành thế giới", ai muốn đi đâu thì đi, không phải chờ đợi xin đơn từ phiền phức gì cả. Trong khi đó cảnh sát biên phòng của Hung ghi nhận là mỗi năm có khoảng 2000 người đã tìm cách vượt biên giới mà đa số là dân Đông Đức.

Nhà cải cách chính trị Imre Pozsgay đã tuyên bố trong năm 1988 như sau "*Tất cả mọi biên giới đều lỗi thời, từ giá trị lịch sử, kỹ thuật cho đến chính trị.*" Tháng 3 năm 1989, Tổng thống Hung Gia Lợi Miklos Nemeth công du sang Moskau. Ông báo tin cho Michail Gorbatschow rằng Hung Gia Lợi có dự định sẽ phá gỡ toàn bộ hệ thống hàng rào biên giới giữa Hung và Áo.

Gorbatschow hứa sẽ không xen vào và ông ta đã giữ đúng lời hứa đó.

Dân Đông Đức (lén) nghe được tin Hung Gia Lợi phá bỏ hàng rào biên giới qua đài truyền hình của Tây Đức, trong khi đó hệ thống truyền tin và báo chí của Đông Đức không thông báo một chút tin tức gì về sự kiện ngoạn mục nói trên. Thế là một số tiên phong hăng hái lên đường theo ngã Hung Gia Lợi để trốn sang miền tây của Đức.



Những người này nghĩ rằng mọi chuyện sẽ dễ dàng và không nguy hiểm gì cho lắm. Thế nhưng, họ đã lầm to! Mặc dầu Hung Gia Lợi đã phá gỡ rất nhiều hàng rào báo động nhưng lại tăng cường lính canh gác biên giới. Chẳng một ai trốn qua khỏi biên giới được. Lính biên phòng Hung bắt giữ và gửi họ về lại trong nội địa. Các cấp lãnh đạo của bộ chính trị SED ở Đông Bá Linh vẫn bình chân như vại, an nhiên tự tại.

Ngày 27 tháng 6 năm 1989, hai ông bộ trưởng bộ ngoại giao Hung Gia Lợi và Áo lập lại một lần nữa buổi lễ đã từng diễn ra vào tháng 5 trước đó, buổi lễ cắt bỏ tượng trưng hàng rào biên giới giữa hai nước. Những tấm hình lịch sử này được gửi đi khắp thế giới và không mấy chốc trở thành biểu tượng tiêu biểu của "bức màn sắt".



Hai ngoại trưởng Hung và Áo cắt bỏ tượng trưng hàng rào kẽm gai biên giới.

Ba tuần lễ sau, lợi dụng buổi picnic "Paneuropäische Picnick" do Imre Pozsgay và Otto von Habsburg tổ chức, gần 1000 người Đông Đức đã trốn thoát qua biên giới của Hung sang Áo. Từ đó chính quyền Đông Đức ban lệnh cấm ngặt người dân của mình sang Hung Gia Lợi. Nhưng cái lệnh đó bây giờ chỉ còn là một ghi chú nhỏ bé bên lề. Làn sóng vượt biên đã như sóng bờ bờ, không còn cách gì có thể ngăn chặn lại được nữa.

Buổi gặp gỡ bí mật ở lâu đài Gymnich

Ngày 25 tháng 8 năm 1989, Tổng thống Hung Gia Lợi Miklos Nemeth cùng ông Bộ trưởng bộ Ngoại giao Gyula Horn sang công du ở Bonn (thủ đô của Tây Đức thời đó) để gặp Thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl và ông Ngoại trưởng Hans-Dietrich Genscher. Buổi họp mặt bí mật đã diễn ra trong lâu đài tiếp khách của chính phủ Đức, lâu đài Gymnich.



Lâu đài Gymnich

Ông Ngoại trưởng của Hung Gia Lợi đã tường thuật lại rằng, Thủ tướng Helmut Kohl đã không ngăn được dòng nước mắt mừng rỡ cảm động khi nghe Hung Gia Lợi tuyên bố dự định sẽ mở cửa biên giới với Áo vào tháng 9 sắp tới. Điều này cũng đã được cựu thủ tướng Helmut Kohl xác nhận trong hồi ký của ông. Quá choáng ngợp trong giờ phút lịch sử đó, ông đã hỏi: “*Tây Đức chúng tôi phải đền bù cho Hung Gia Lợi như thế nào để đáp ứng cái ơn quá lớn lao này?*”



Gyula Horn và Helmut Kohl

Ngày 11 tháng 9 năm 1989 biên giới Hung-Áo được chính thức mở cửa. Bức màn sắt đã được vén lên. Ba tuần lễ sau đó lại có hơn 25000 người Đông Đức trốn sang Áo.

Cựu thủ tướng Helmut Kohl đã diễn tả rất chính xác khi tuyên bố rằng, chính Hung Gia Lợi là quốc gia đã phá hòn đá đầu tiên của bức tường Bá Linh!

7. Tòa Đại sứ Tây Đức ở Prag (Tiệp Khắc) năm 1989

Trên nguyên tắc, toà đại sứ ở Prag chỉ có nhiệm vụ gìn giữ mối bang giao giữa Tây Đức và Tiệp Khắc, nhưng không ai ngờ, chính nơi đây, năm 1989, lịch sử hai nước Đông và Tây Đức đang được lật sang một trang sử mới.



Dân Đức trốn sang biên giới Hung-Áo.

Mọi chuyện bắt đầu vào khoảng giữa thập niên 80.

Ông cựu Đại sứ Tây Đức Hermann Huber tường thuật lại như sau: *“Tháng 12 năm 1984 đã có một làn sóng tỵ nạn khá lớn với tổng cộng 340 người Đông Đức, trong số đó, có khoảng 160 người kéo đến tòa Đại sứ Tây Đức tại Tiệp cùng một lúc.”*



Helmut Ziebart, cựu Đại sứ Đông Đức ở Prag nhắc lại một chi tiết khá thú vị: *“Trong số những người tỵ nạn đầu tiên kéo đến tòa Đại sứ Tây Đức thời đó có cô cháu gái của cựu Chủ tịch nhà nước Đông Đức Willy Stoph. Chẳng mấy chốc cô ta trở thành mục tiêu chính cho giới truyền thông, báo chí.”*

Thời đó, Đông và Tây Đức đã thỏa thuận với nhau về một phương cách về vấn đề xuất cảnh ra đi cho người tỵ nạn ở tòa Đại sứ Tây Đức ở Tiệp. Chính phủ Đông Đức bằng lòng bảo đảm sẽ cấp giấy phép "xuất cảnh" cho đương sự, nhưng với điều kiện là đương sự không được đi thẳng từ Tiệp sang Tây Đức, mà đầu tiên phải quay trở lại Đông Đức để nộp đơn xin xuất cảnh chính thức ở đây, rồi sau đó mới được giấy phép để ra đi.

Lời hứa hẹn nghe ra rất "hợp lý" nhưng thử hỏi, trong tình huống đó, ai còn dám quay trở về, dù chỉ để nộp đơn xin xuất ngoại?

Theo thống kê chính thức, cho đến ngày 30 tháng 6 năm 1989, tổng cộng có 125000 người đang chờ được cấp giấy "từ bỏ quốc tịch Đông Đức". Theo mật lệnh của bộ bảo mật quốc gia Đông Đức thì những người này không sớm thì muộn cũng sẽ bị bắt, sẽ bị Stasi hỏi cung, hoặc sẽ bị cấm hành nghề vĩnh viễn. Với những hành động khủng bố, nhục mạ người dân như thế, một số đâm ra sợ hãi, nhụt chí, một số khác thì ngược lại, càng trở nên quyết chí, mạnh mẽ lì lợm hơn, càng tìm đủ mọi cách để thoát ra khỏi Đông Đức. Và con đường họ chọn là đi theo ngã ngoại giao, qua các tòa Đại sứ Tây Đức ở các nước thuộc khối Đông Âu.



Nguyên tắc hoạt động của các tòa Đại sứ Tây Đức ở ngoại quốc luôn luôn chiếu theo hiến pháp của Tây Đức, nhất là về vấn đề bảo vệ an toàn cho người dân. Ông cựu đại sứ Huber nói rằng: *“Chúng tôi luôn luôn xem người dân Đông Đức là dân Đức, không bao giờ phân biệt Đông hay Tây. Định nghĩa này đã giúp chúng tôi rất nhiều. Và cũng nhờ cái định nghĩa đó mà chúng tôi mới có thể mạnh dạn giải thích với chính quyền Tiệp rằng những người này là con dân của nước Đức, chúng tôi phải có nhiệm vụ tiếp đãi và chăm lo cho họ.”*

Cho mỗi đầu người đến tỵ nạn ở các tòa đại sứ, thời đó chính phủ Tây Đức đã phải trả 10.000 Đức Mã vào tài khoản bí mật của Đông Đức. Từ 1984 cho đến 1989, hơn 2000 người đã trốn sang Tây Đức theo ngã các tòa Đại sứ Tây Đức ở các nước Đông Âu. Năm năm trời rờn rã, chính sách này đã trở thành một thông lệ làm việc trong bang giao chính trị giữa hai nước Đông và Tây Đức.

Để mọi việc được tiến hành suông xẻ mau chóng, ông Wolfgang Vogel, một luật sư của Đông Đức đóng vai trung gian giữa hai bên trong vấn đề nhân đạo, được cử ra để lo cho người tỵ nạn. Sau khi được chính phủ Đông Đức bảo đảm về vấn đề "không bị giam cầm", cũng như được bảo

đảm "một đời sống không bị đe dọa", có một số người nghe thể đồng ý rời khỏi các tòa Đại sứ Tây Đức ở Prag, Warschau, Budapest, cũng như ở văn phòng "đại diện thường trực của Tây Đức" ở Đông Bá Linh.

Sợ mang tiếng trên chính trường quốc tế, chính quyền Đông Đức đành phải đối xử tương đối tử tế và hứa sẽ không bắt bớ giam cầm những người đã dám cả gan nằm li đống chốt ở các tòa Đại sứ Tây Đức.

Mùa hè 1989, không như những năm về trước, một số khá đông nhất định không quay trở lại Đông Đức, dù chỉ một lần để làm thủ tục ra đi chính thức sang Tây Đức. Họ chỉ chấp thuận rời khỏi tòa đại sứ khi được đi thẳng sang Tây Đức.

Đối với giới báo chí, truyền thông của Đông Đức, sự kiện "ra đi" của người dân là một vấn đề cấm kỵ nhạy cảm, không nên đề cập tới, bởi vì sự kiện này không phù hợp, không phản ánh những gì mà chính quyền Đông Đức đã và đang cố gắng khoa trương với thế giới. Trái lại, TV Tây Đức, chương trình tin tức *Tageschau* (đọc tin tức hằng ngày) vẫn tiếp tục tường thuật như để trêu gan chính quyền Đông Đức: 130 người đến đóng chốt ở tòa Đại sứ Budapest, 80 ở Đông Bá Linh và 20 ở Prag.

Cấp lãnh đạo Đông Đức càng ngày càng bị áp lực và phản ứng bằng cách thay đổi luật "xuất cảnh". Trước tiên họ giới hạn phạm vi hoạt động của luật sư Vogel, trong đó chỉ còn cho phép "bảo đảm không bắt bớ giam cầm người tỵ nạn", còn việc "sống không bị đe dọa" thì không nói tới nữa.

Sau khi luật xuất cảnh được ban hành (ngày 8 tháng 8 năm 1989) thì đài *Aktuelle Kamera* của Đông Đức lần đầu tiên lên tiếng, tường thuật cảnh đóng chốt của người tỵ nạn tại các tòa Đại sứ ở Đông Âu. Phát ngôn viên chính thức bộ Ngoại giao Đông Đức, Dr. Denis Ruh tuyên bố: "*Thái độ dung túng người tỵ nạn của tòa Đại sứ Tây Đức như thế là công khai vi phạm chủ quyền của Đông Đức. Cách xử dụng quyền "bảo vệ con dân" của chính phủ Tây Đức là một lối nguy trang giả tạo để đại diện cho cả hai nước, một hành động phải được chấm dứt ngay tức khắc.*" Hai sự kiện trên cho thấy tình hình chính trị giữa Đông và Tây Đức đang trở nên căng thẳng!

Bi kịch "Toà Đại Sứ" đến hồi gay cấn (tháng 9/1989)

Ngày 8 tháng 8, 1989, tòa Đại Diện Thường Trực Tây Đức ở Đông Bá Linh đóng cửa. Chính phủ Tây Đức ngưng trả tiền cho Đông Đức để "mua tự do" cho người tỵ nạn ở các tòa đại sứ. Phát ngôn viên của bộ thủ tướng Tây Đức, Rudolf Seiters, kêu gọi dân chúng Đông Đức đừng tìm đến xin tỵ nạn ở các tòa Đại sứ Tây Đức nữa.



Ngày 14 tháng 8, bộ Ngoại giao Tây Đức quyết định đóng cửa tòa đại sứ của mình ở Budapest (Hung Gia Lợi). Dân chúng Đông Đức càng ngày càng bớt tin tưởng vào chính sách đổi mới và cởi mở, lòng chán nản càng ngày càng tăng. Đứng trước tình cảnh đen tối không lối thoát, dân chúng Đông Đức, nhất là thế hệ trẻ, họ đã tự đặt câu hỏi: "*Đi hay ở?*"

Sang đến ngày 22 tháng 8 thì bộ Ngoại giao Tây Đức bắt buộc phải đóng cửa tòa đại sứ ở Tiệp vì số người tỵ nạn đã quá đông.

Trong vòng một tháng Tây Đức phải đóng cửa 3 tòa đại sứ của mình ở Đông Âu:

- Đông Bá Linh (08.08.1989),
- Budapest (14.08.1989) và
- Tiệp (22.08.1989)

Với sự can thiệp của Hồng Thập Tự thế giới, ngày 24.08 có 108 người được phép ra khỏi Budapest để bay thẳng sang Áo, nhưng biện pháp này không thành công ở Tiệp vì chính phủ Tiệp từ chối, không cộng tác.

Chỉ trong vòng vài ngày, con số người tỵ nạn kéo đến tòa Đại sứ Tây Đức ở Prag lên đến hơn mấy ngàn người. Trong khu vườn của tòa Đại sứ, một lâu đài cổ kính, các căn lều trắng được căng kề cận nhau, mọc lên như nấm. Mọi người chen chúc chờ nhau để tắm rửa, xếp hàng hàng giờ để chờ lấy thức ăn.



Ngay cả dưới vòm cổng của tòa lâu đài cũng được kê giường tầng, ba tầng, rồi bốn tầng... Khi trời mưa, nước dâng cao, khiến phân người nổi lều bều trong các phòng vệ sinh đã quá tải, chỉ còn cách dùng "chemie" để che đậy mùi xú uế chứ không phân hóa tiêu đi đâu được. Mặc dầu sở vệ sinh của thành phố Prag đã cho hàng bao nhiêu xe chở nước đến cung cấp, mỗi ngày chở đi hàng đống rác đem đi vất, nhưng tình trạng vệ sinh càng ngày càng tồi tệ hơn. Vẫn chưa có một dấu hiệu nhượng bộ nào từ phía chính phủ Đông Đức. Một giải pháp để chấm dứt tình trạng căng thẳng e rằng chỉ có thể xảy ra trên bình diện quốc tế.



Lều tạm trú của người tỵ nạn trước cửa tòa đại sứ ở Prag

Giải pháp cho bi kịch (tháng 10/1989)

Prag, Bá Linh, Bonn, Moskau, New York – mùa thu 1989, tấn bi kịch ở tòa đại sứ trở thành một biến cố chính trị của thế giới. Đây cũng là thời điểm sáng chói của ngoại trưởng Tây Đức Hans Dietrich Genscher.

Ngày 25 tháng 9 năm 1989, ở New York có một cuộc hội thảo của Liên Hiệp Quốc. Ông ngoại trưởng Hans-Dietrich Genscher đại diện cho Tây Đức, lợi dụng cơ hội này để ngỏ chuyện về vấn đề tỵ nạn ở tòa đại sứ với ngoại trưởng Đông Đức Oskar Fischer.

Ông Frank Elbe, chánh văn phòng bộ Ngoại giao Tây Đức, nhân viên thân cận của Genscher, kể lại rằng: "*Ông ngoại trưởng Đông Đức tuy có nghe chúng tôi trình bày nhưng ông ta chỉ hứa là sẽ xem xét sự việc khi về lại Đông Đức. Có nghĩa là phải đợi đến 1 tuần sau. Thái độ hờ hững, lạnh nhạt đó thật là không thể chấp nhận được vì những tin tức từ bên nhà lại dồn dập đến, số người đến tòa đại sứ đã quá đông, căn nhà cổ không đủ sức chịu đựng nếu số người kéo về đông hơn nữa, và nhất là đang có nguy cơ dịch bệnh phát triển.*"

Trong tình trạng bi đát đó, Genscher quyết định một cách nhanh chóng, phải trình bày vấn đề với ông Ngoại trưởng của Nga. Sống trong một thời đại với cuộc chiến tranh lạnh giữa Đông Tây vẫn nằm sau gáy, thì ý nghĩ "tìm sự giúp đỡ từ phía Nga" quả là một ý nghĩ táo bạo, nhưng đúng

trước tình thế cấp bách, ngoại trưởng Genscher chỉ còn cách duy nhất là tìm đến Nga Xô, thủ lĩnh của khối CS. Nghĩ là làm, lập tức ông bốc điện thoại xin liên lạc với văn phòng của Shewardnadse, Ngoại trưởng Nga. Sung sướng và ngạc nhiên làm sao, Shewardnadse nhận lời và cuộc gặp gỡ đã diễn ra đúng 20 phút sau đó.

Sau này, khi được hỏi về câu chuyện ở New York, Hans-Dietrich Genscher luôn kể lại với một nụ cười mỉm: "... Ông Schewardnadse bắt một ngoại trưởng khác phải chờ và yêu cầu tôi đến tòa Đại sứ Nga gặp ông ta ngay lập tức. Khổ thay, chiếc xe của chúng tôi lúc đó lại không đậu trước hotel, thế là ông Elbe và tôi phóng lên một chiếc xe tuần của cảnh sát New York. Lời tự giới thiệu "tôi là Đại sứ của Tây Đức" không làm ông cảnh sát nao núng, vì ông Đại sứ Tây Đức thì cũng chỉ là một đại sứ bình thường như những ông đại sứ khác... Nhưng khi tôi nói: "Chúng tôi phải đến tòa Đại sứ Nga gấp để bàn về vấn đề người tỵ nạn ở Prag..." thế là cảnh sát Mỹ bật ngay đèn xanh và còi hụ, chở chúng tôi thẳng một mạch đến tòa Đại sứ Nga ngay. Nếu chuyện chỉ có thế thì chưa thấm thía vào đâu. Khi tôi kể cho ông đại sứ Nga rằng số người tỵ nạn đang tiếp tục tăng, tình hình càng lúc càng bi đát, không thể chịu nổi... thì ông ta sốt ruột ngắt ngang lời tôi: "Có trẻ em trong số người đó không?" Tôi bảo: "Nhiều lắm, cả hàng trăm lận!" Ông ta nói ngay: "Thế thì tôi giúp ông!"

Đó là ngày thứ năm. Ngày thứ sáu, 29 tháng 9 năm 1989, bộ chính trị SED của Đông Đức ăn mừng lễ kỷ niệm 40 năm Thành Lập Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ở nhà hát lớn Bá Linh. Bên lề của buổi lễ, Erich Honecker bàn thảo gấp rút với các thành viên của bộ Chính trị (có lẽ đã được "lệnh" của đàn anh Nga Xô).

Sau đó, ban lãnh đạo bộ chính trị SED đưa ra một đức kết như sau:

1. Chấp thuận đề nghị cho tất cả những đồng bào Đông Đức đang đóng chốt xin tỵ nạn ở hai tòa Đại sứ Tây Đức ở Prag và Budapest sang Tây Đức, nhưng phải được di chuyển bằng xe lửa của Đông Đức và xe sẽ chạy qua một phần lãnh thổ của Đông Đức trước khi sang đến Tây Đức.
 2. Yêu cầu chính phủ Tây Đức ra lệnh cho các tòa đại sứ của mình không được thu nhận người dân Đông Đức đến tạm trú nữa.
 3. Các cơ quan truyền thanh và truyền hình có bổn phận phải bình luận và loan báo hành động nhân đạo của chính phủ Đông Đức (hết đường gỡ nhưng vẫn cố tuyên truyền).
- Lúc này ông ngoại trưởng Hans-Dietrich Genscher đã từ New York về lại Bonn và từ đây, ông bay tiếp sang Tiệp.

Đêm 30 tháng 9, phái đoàn bộ Ngoại giao sang đến tòa Đại sứ Tây Đức, lâu đài Lobkowicz, ở Tiệp Khắc. Ở đây, ông Ngoại trưởng đọc một bài diễn văn mà tiếng vang đã truyền đến khắp thế giới với một câu nói không trọn vẹn. Câu nói đi vào lịch sử ấy chỉ có một số thân cận rất nhỏ đứng quanh ông biết rằng, bài diễn văn của ông đến đó chưa phải là chấm dứt: *“Nhân danh chính phủ Tây Đức tôi xin được chào mừng tất cả (tiếng hoan hô vang dậy)... Hôm nay tôi đến đây... (có nhiều tiếng la to trong đám đông vì họ không nghe rõ)... Tôi đến với quý vị để báo tin rằng, quý vị được phép ra đi...”*



Trên bao lơn tòa đại sứ Tây Đức ở Prag đêm 30 tháng 9 năm 1989

Ngoại trưởng Genscher vừa mới nói đến đây thì tiếng hoan hô mừng rỡ của hàng ngàn người đã át đi câu nói tiếp theo của ông...

Ông Chánh văn phòng Frank Elbe là một trong những người đã thấy tận mắt, nghe tận tai, ông kể: *“Tất cả chúng ta chỉ thấy được trên TV cái cảnh hân hoan, mừng rỡ, trút được mối lo âu nặng trĩu, một nỗi vui sướng không thể tả được, của mấy ngàn người tỵ nạn khốn khổ khi nghe ông Genscher tuyên bố họ sẽ được rời khỏi đây. Nhưng không một ai trong quý vị (thính giả của đài truyền hình) đã thấy được cái cảnh tượng thất vọng nào nề sau đó, khi ông Genscher cho biết là những chuyến xe lửa đưa người về Tây Đức, theo đòi hỏi của chính quyền Đông Đức, bắt buộc phải chạy ngang qua Đông Đức, một hình thức chỉ để Đông Đức không quá bị ê chề, mất mặt, cho hợp với luật lệ xuất cảnh đã ban hành. Ai nghe xong lời giải thích đó cũng ngỡ ngàng, thất vọng, lo lắng, sợ hãi... vì không ai “bằng lòng” chấp nhận giải pháp này.*

Ông Elbe kể tiếp: *“Một tiếng hét lên, rồi cả ngàn giọng phụ họa theo “KHÔNG!”... “KHÔNG VỀ LẠI!”... Phản ứng tâm lý đó không ai có thể ngờ trước. Nhưng Ngoại trưởng Genscher đã vận dụng tối đa khả năng và thề trên danh dự của ông, nói lên những lời tâm huyết để thuyết phục đám đông. Ông bảo, những gì mà ông tuyên bố ngày hôm nay là do kinh nghiệm xương máu của bản thân ông, ông rất cảm thông và muốn chia sẻ với đồng bào, vì con đường cam go này ông cũng đã từng vượt qua. Tất cả sau đó đã lắng dịu xuống và bằng lòng tuân theo giải pháp này.”*



Người tỵ nạn mừng rỡ được ra đi

Ngoại trưởng Genscher đề nghị xin được tháp tùng 1 trong 6 chuyến xe lửa chở người về Tây Đức nhưng bị chính quyền Đông Đức từ chối. Chuyến xe lửa ngay tối hôm đó đã được hộ tống với những nhân viên ngoại giao cao cấp của Tây Đức, đưa người tỵ nạn chạy ngang qua thành phố Dresden thuộc Đông Đức, qua Vogtland, và về tới Hof, một thành phố của Tây Đức nằm sát biên giới "Đông-Tây", thuộc tiểu bang Bayern, ngày 5 tháng 10 năm 1989.



Đoàn xe đưa người tỵ nạn về đến Hof, tiểu bang Bayern, được dân chúng Tây Đức chào đón.

Một nhân viên cao cấp của bộ Ngoại giao Tây Đức đã kể lại rằng, hành khách trên chuyến xe lửa mà ông tháp tùng đã thật sự rất hoảng sợ khi cảnh sát biên phòng Đông Đức lên xe để thu hồi giấy thông hành của họ.

Ngày 2 tháng 10, sau khi số người tỵ nạn ở tòa Đại sứ Prag được ra đi, Đông Đức ra lệnh đóng cửa biên giới Đông Đức - Tiệp.

Biện pháp này đã gây thêm phần nộ trong quần chúng và với ngay cả những người vốn vẫn trung thành với chế độ. Nỗi súp-de sắp nổ tung. Những người muốn trốn thoát ra khỏi Đông Đức đâm ra hốt hoảng quýnh quáng. Hàng ngàn người chen lấn vào bên trong các nhà ga xe lửa của Dresden và Karl-Marx để tìm cách nhảy lên những chuyến xe lửa chạy ngang Dresden đưa người tỵ nạn về Tây Đức.

Dọc theo đường rầy xe lửa, ở những khúc cua hay trên cầu, hàng trăm người tụ tập và chờ đợi. Có người khiêng cả chướng ngại vật bằng những thùng phuy đựng xăng lên đường rầy xe lửa, đặt trước các cửa vào đường hầm, với hy vọng là xe lửa phải chạy chậm hay ngừng hẳn. Cảnh sát canh gác, các đội chiến đấu cũng như nhân viên của Stasi phải dùng bạo lực để dọn dẹp những khúc đường rầy có chướng ngại vật và rào chật không cho ai lai vãng đến gần.

Ngày chủ nhật, bộ thông tin Đông Đức thảo một bình luận về sự kiện mới xảy ra ở Tiệp và buộc tất cả các báo chí phải đăng nguyên văn vào ngày thứ hai hôm sau. Lời bình luận với nội dung: *"...Những hình ảnh vẽ vời dễ gây xúc động về cuộc sống thần tiên ở Tây Đức chỉ là một âm mưu để những người này quên đi những gì tốt đẹp mà họ đã được thừa hưởng từ một Xã hội Chủ nghĩa và quên đi những gì họ phải từ bỏ... Những người này đã tự làm xấu chính mình và đã phản bội quê hương. Qua thái độ cư xử của họ, họ đã chà đạp lên tất cả mọi giá trị đạo đức và tự mình cô lập với xã hội chung quanh. Chúng ta không nên tiếc nuối những người này."*

Cùng với lời tuyên bố của Honecker, như một câu trả lời cho lời bình luận sượng sượng đó, số dân Đông Đức đổ sang tòa Đại sứ Tây Đức ở Prag lần này đông hơn. Ngay ngày thứ Hai đã có 1600 người, ngày thứ ba 3800 hay 4000 người. Nhân viên tòa đại sứ không còn đếm xuể, họ chỉ còn biết phân phát túi ngũ và thức ăn cho người tỵ nạn. Cuối cùng, theo lệnh của bộ Ngoại giao Tây Đức, ngày 3 tháng 10, cửa tòa đại sứ lại phải đóng cửa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2014, nhân kỷ niệm 25 năm ngày người tỵ nạn Đông Đức được phép ra đi, cựu ngoại trưởng Genscher đã về lại tòa Đại sứ Đức ở Prag, gặp gỡ và hàn huyên với hơn 150 người dân, những người đã từng một thời kiên trì đóng chốt ở đây để xin tỵ nạn sang Tây Đức.

Ông cựu ngoại trưởng Genscher ngày nay đã 87 tuổi, ông tuyên dương lòng can đảm của hơn 4500 người dân Đông Đức thời đó đã dám vứt bỏ tất cả lại sau lưng, không quản ngại gian nan, nguy hiểm, cương quyết thay đổi vận mệnh cho chính mình và cho thế hệ con trẻ mai sau, đồng thời cũng đã viết lên trang sử mới của đất nước.

Buổi tái ngộ thật là cảm động, có người đã không cầm được nước mắt. Với họ, nếu không có ngày 30 tháng 9 của năm 1989, có lẽ cuộc đời của họ đã không được như ngày nay.



Buổi tái ngộ sau 25 năm giữa ông bà cựu ngoại trưởng Genscher và người tỵ nạn Đông Đức.



Chiếc xe *Quo Vadis* với 4 chân dài.
Hai thanh niên thiếu nữ với tấm bảng "*Freiheit*" (Tự Do).

Ông Dirk Spengler không làm sao quên được tiếng reo hò mừng rỡ trong khu vườn của tòa đại sứ tối hôm 30 tháng 9 năm 1989, ngày đó ông mới 20 tuổi, ông đã ngủ lã lóc trên một bậc thang cấp nào đó trong tòa lâu đài cổ cho đến khi cựu ngoại trưởng Genscher xuất hiện và tuyên bố câu nói lịch sử "*...Mọi người được ra đi...*" Trong khuôn viên của tòa đại sứ ngày nay có đặt bức tượng của một chiếc xe Trabant (xe của Đông Đức thời trước) bằng đồng, chiếc xe mộc 4 chân dài, với tựa đề *Quo Vadis* (*Con Đường Dẫn Tới Nơi Đâu*), để ghi nhớ lại hình ảnh của người dân Đông Đức đã tìm đến đây, kiên trì chờ đợi để được ra đi, đến với thế giới Tự Do.

Ngày 18 tháng 10 năm 1989 Erich Honecker tuyên bố từ chức nhiệm vụ chủ tịch nhà nước. Egon Krenz lên cầm quyền và hứa hẹn trong bài diễn văn nhậm chức sẽ có nhiều thay đổi. Tấn bi kịch tỵ nạn ở tòa đại sứ vẫn chưa chấm dứt. Mặc dầu biên giới đã đóng cửa nhưng tháng 10 năm đó vẫn có cả trăm người đến xin tỵ nạn ở tòa đại sứ Prag.

Trước áp lực ngày càng tăng, bộ Chính trị Đông Đức buộc phải công bố dự định mở cửa biên giới Đông Đức - Tiệp vào ngày 1 tháng 11, như một mở đầu cho đạo luật "xuất cảnh" mới sắp ban hành. Đồng thời cũng tuyên bố là người tỵ nạn tại các tòa đại sứ cũng sẽ được dễ dàng ra đi. Lần này họ cho phép đi từ Prag sang thẳng tiểu bang Bayern của Tây Đức.

Đối với ông cựu đại sứ Herman Huber sự kiện trên có thể xem như một kết thúc của quá trình tranh đấu: "*Qua những gì đã xảy ra trong những ngày gần đây, tôi cho rằng, bức màn sắt đã thủng một lỗ lớn. Tôi có thể nói như thế vì chúng tôi đã mượn nhiều chiếc bus từ bên Tây Đức sang đây để chở đồng bào tỵ nạn đi thẳng sang biên giới Tiệp Khắc - Tây Đức. Ngày đó tôi đã tự lái theo sau xe bus đến biên giới Waidhaus để xem sự việc có diễn tiến theo đúng kế hoạch hay không. Những chiếc xe bus đã qua biên giới một cách dễ dàng, chẳng một người nào trên xe bị kiểm soát cả. Thực là một nỗi vui mừng to lớn ở Waidhaus khi biết mọi người có thể đi thẳng qua biên giới. Ngày ấy, tôi đã thực sự tin rằng, bức tường Bá Linh đã rạn nứt, bức tường đã trở*

thành lỗi thời, vô dụng, không cần thiết nữa. Người ta không cần đến bức tường ở Bá Linh nữa vì người ta đã có thể đi từ Tiệp sang thẳng Tây Đức."

(còn tiếp)

Mỹ Nga

Bức Tường Bá Linh (Phần 3)

8. Các cuộc biểu tình bất bạo động của người dân Đông Đức

Nhà thờ Nikolai ở Leipzig



Nhà thờ Nikolai ở Leipzig tháng 9 năm 2014



Bên trong nhà thờ Nikolai 2014 (hình MN)

năm 1982, các cha Christian Führer và Christoph Wonneberger đã hoạt động liên minh chặt chẽ với lực lượng chống đối của người dân. Các cha thường tổ chức những buổi cầu nguyện cho hòa bình trong nhà thờ Nikolai. Các cuộc biểu tình ngày thứ hai đã được diễn ra sau các buổi lễ cầu nguyện hòa bình nói trên.



Bên trong nhà thờ Nikolai, lễ cầu nguyện cho hòa bình 1989 (hình internet)

Buổi biểu tình đầu tiên được tổ chức vào thứ Hai, ngày 4 tháng 9 năm 1989, do hai cô Katrin Hattenhauer và Gesine Oltmans khởi xướng. Sau buổi lễ cầu nguyện cho hòa bình, hai cô đã phát biểu ngữ cho những người tình nguyện đi biểu tình với nội dung "cho một đất nước cởi mở với người dân tự do". Trong bối cảnh đổ xô ra đi hàng loạt của người dân sang các nước Đông Âu để xin tỵ nạn, có thể hiểu Tự Do ở đây là quyền "tự do di chuyển hay tự do ra đi". Trước sự hiện diện của các ký giả Tây Đức (nhân có Hội chợ Triển lãm Quốc tế ở Leipzig), một nhân viên an ninh Đông Đức ngày đó đã giật tấm biểu ngữ và tìm cách giải tán đám đông biểu tình.



Nội dung biểu ngữ: Cho một đất nước cởi mở với người dân tự do

Các cha lãnh đạo đã khéo léo lựa chọn một thời điểm thích hợp là 17 giờ chiều để tổ chức những buổi cầu nguyện cho hòa bình trong nhà thờ Nikolai và 3 nhà thờ khác trong thành phố. Vào giờ đó, một mặt, công việc hăng xướng cũng đã xong, ai ai cũng có thể đến nhà thờ cầu nguyện và đi

Từ

biểu tình mà không bị áy náy vì đã làm đầy đủ bổn phận công dân của mình. Mặt khác, vào giờ đó, các đồng chí trong đảng Xã Hội hay các buổi họp tổ trong hăng xưởng cũng còn đang bận họp hành. Ngoài ra, giờ 17 giờ cũng là giờ sắp đóng cửa các hàng quán trong thành phố Leipzig,



Khung cảnh thanh bình ngày nay 2014 (hình MN)



Khung cảnh đầu buổi ngày xưa 1989 (hình internet)

người dân có lớn vồn tụ tập ngoài phố vào lúc này cũng ít bị dòm ngó. Giờ đó cũng không cách bao xa với giờ phát tin tức chính của đài truyền hình Tây Đức, hình ảnh các cuộc biểu tình ở đây sẽ được TV Tây Đức tường thuật nóng hổi do được quay lên (máy quay phim được giấu trong túi vải có lỗ thủng của một người đi lẫn trong đám đông biểu tình) và được chuyển lậu tin tức nhanh chóng ra ngoài.



bất bạo động

Cuộc biểu tình mỗi ngày thứ Hai càng ngày càng có nhiều người tham gia. Những biểu ngữ như "*Hãy lên đường*", "*chúng ta đều là người dân*" hay "*không dùng bạo lực*" đã rất có hiệu lực.

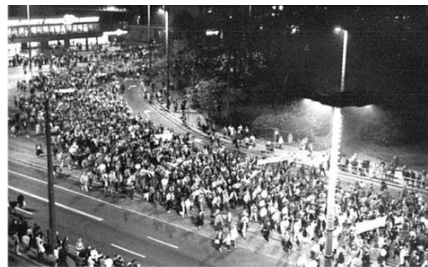
Ngày 9 tháng 10 năm 1989, 70000 người tham dự cuộc biểu tình lớn nhất từ trước đến nay ở Leipzig. Những hình ảnh đàn áp chết chóc ở quảng trường Thiên An Môn vào tháng 6 vẫn là nỗi ám ảnh của đám đông biểu tình nhưng may thay đã không xảy ra chuyện gì.

Thái độ ôn hòa, bất bạo động của đoàn biểu tình cũng như của nhân viên an ninh có được là nhờ vào lời kêu gọi khẩn thiết của 6 nhân sĩ tên tuổi của thành phố Leipzig. Lời kêu gọi "bất bạo động" được in thành 2.000 tờ truyền đơn và phát cho người biểu tình cũng như cho cảnh sát, công an giữ gìn trật tự:

- "Chúng ta đều là người dân": Bạo lực sẽ để lại những vết thương rướm máu. Trong trường hợp nguy kịch, đảng và chính quyền phải chịu trách nhiệm.
- Mọi quan tâm với hiện tình đất nước và tinh thần trách nhiệm khiến chúng ta xích lại gần nhau. Chúng ta đều chịu chung số phận trước những biến chuyển hiện thời. Chúng ta cần được tự do đối thoại để tìm ra biện pháp nhằm tiếp tục vun đắp xây dựng một Xã hội Chủ nghĩa.
- Những người đồng ký tên dưới đây hứa sẽ đem hết sức mình để những đối thoại đó không chỉ nằm trong giới hạn thành phố Leipzig, mà sẽ là một đối thoại trên bình diện quốc gia.
- Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi tất cả mọi người hãy giữ thái độ ôn hòa để những cuộc đối thoại có thể diễn ra trong hòa bình.

(Trích "lời hiệu triệu của 6 nhân sĩ của thành phố" do Kurt Masur đọc ngày 9 tháng 10 năm 1989.)

Đứng trước viễn ảnh một cuộc xô xát đẫm máu có thể xảy ra, 6 nhân sĩ của thành phố đã viết lời hiệu triệu nói trên và cho đọc trên đài phát thanh trước giờ biểu tình. Từ nhà thờ đi ra, sau giờ cầu nguyện cho hòa bình, trên tay mỗi người đều cầm một cây nến cháy lung linh, một biểu hiệu ôn hòa, không sát máu; họ được đám đông đã đứng sẵn bên ngoài nhập bọn và lên đường tuần hành. Không bị đàn áp, đoàn người đã diễn hành khắp trung tâm thành phố, đi ngang qua trụ sở của cơ quan mật thám Stasi nằm ở một góc đường trong thành phố, nơi mà người dân nào thời đó cũng ngại ngùng khi phải đi ngang qua. Ngày 16 tháng 10 năm 1989 cuộc biểu tình ngày thứ hai lần này đã lên đến 120.000 người. Một tuần lễ sau, con số này tăng lên gấp đôi, 320.000 người. Đây là cuộc biểu tình lớn nhất của thành phố Leipzig.



Biểu tình ngày 16 tháng 10 năm 1989 ở Leipzig
(hình internet)

Dresden, ngày 4 tháng 10 năm 1989

Dresden, một "*thung lũng của ngu ngơ, chẳng biết gì* **", bạo lực hình như cũng đang bắt đầu leo thang ở đây. Trong thỏa hiệp giữa Tây Đức và Đông Đức về chuyến xe lửa chở người tỵ nạn từ tòa Đại sứ ở Prag sang Tây Đức, đoàn tàu gồm 6 chiếc, chia ra làm nhiều ngày, qua biên giới Bad Schandau, phải vượt một đoạn đường dài trên lãnh thổ của Đông Đức gồm thung lũng sông Elb, đi ngang qua tiểu bang Sachsen, Vogtland rồi mới sang đến thành phố Hof, nằm sát gần biên giới Đông-Tây Đức.



Trên đường đi, xe lửa sẽ chạy ngang nhà ga Dresden (Đông Đức). Chuyến xe lửa đầu tiên mọi chuyện xảy ra êm thấm. Dần dà dân chúng Dresden ri tai nhau, người này đờn người kia, kéo nhau đến nhà ga Dresden. Họ nghĩ rằng, may ra có thể trốn theo chuyến xe lửa sang được Tây Đức, nhất là khi nghe chính phủ Đông Đức đã cho lệnh đóng cửa biên giới với Tiệp.

Ngày 3 tháng 10 năm 1989, khi chuyến xe lửa dần tiến vào sân ga thì có khoảng 2000 người đã lấn nhau, ủa vào bên trong. Khoảng 150 người tìm cách nhảy lên, bám theo chiếc xe lửa còn đang chạy. Một người đã rớt xuống và bàn chân bị bánh xe lửa nghiền nát.

Ngày hôm sau, 4 tháng 10 năm 1989, số người chiếm đóng sân ga lên đến gần 20000 người. Một vài người trong đám đông đã dùng gạch đá ném vào nhân viên giữ trật tự của nhà ga và cảnh sát. Đội cảnh sát phòng vệ phải tăng cường lực lượng, phải dùng vòi nước để giải tán đám đông. Những ẩu đả bạo lực giữa hai bên đã không tránh khỏi, đưa đến kết quả là 1300 người bị bắt. Ông Markus Rindt (46 tuổi) ngày nay là nhạc trưởng của ban hợp tấu Dresden Symphony. Năm 1989 ông còn là một nhạc sĩ thổi sáo solo cho sân khấu Sachsen, ngày đó ông đã cùng người yêu là cô Antje Nürnberger tìm cách trốn sang Tây Đức.

Ông kể lại: "Sang đến Tiệp, hai chúng tôi tìm cách chen vào bên trong tòa đại sứ. Bên trong ước lượng khoảng 3000 người và bên ngoài thì khoảng 8000. Tối hôm 04 tháng 10 chúng tôi được đưa về nhà ga của Prag bằng xe bus. Đến biên giới Bad Schandau, cảnh sát biên phòng Đông Đức lên xe, tịch thu giấy thông hành của tất cả mọi người. Cả mấy tiếng đồng hồ trôi qua, xe lửa vẫn nằm ụ ở nhà ga biên giới, không nhúc nhích, cho đến nửa đêm thì mọi người mới thở phào, xe tiếp tục lăn bánh.

Khi xe gần vào đến nhà ga Dresden, mắt tôi bỗng nhòe đầy nước mắt, cảm giác bồn chồn ray rứt khi về lại thành phố yêu dấu chưa kịp tuôn trào thì... tiếng người la hét, có người nhảy lên thành cửa sổ tôi đang ngồi rồi tuột tay buông xuống, rồi ánh nước loang loáng bóng đèn trong sân ga của cảnh sát xịt vào đám đông đang tụ tập la ó trên sân ga... Xe chỉ chạy chậm lại vài giây rồi tăng nhanh tốc độ. Cảnh hỗn loạn thoáng chốc đã chìm nhanh trong đêm tối. Thành phố quê hương của tôi bây giờ đã nằm lại đằng sau lưng. Nỗi dằn vặt "biết khi nào mình mới được quay trở lại...." theo tôi về đến biên giới ở Hof.

Ánh bình minh vừa ló dạng ở chân trời tự do, một rùng người đang chờ đón chúng tôi, nỗi mừng vui, cảm xúc dâng trào, thật không bút mực nào tả xiết."



** Dresden sở dĩ được gọi là "thung lũng chẳng biết gì" vì hệ thống truyền thanh và truyền hình của Tây Đức không phát được đến vùng này, nên người dân ở đây không nghe được tin tức từ Tây Đức hay từ thế giới bên ngoài, mà chỉ nghe được tin tức kiểm duyệt bóp méo do nhà nước Đông Đức phát ra mà thôi. Những vùng khác của Đông Đức thì ngược lại, họ bắt được làn sóng phát thanh, phát hình của Tây Đức rõ hơn nên họ gọi dân vùng Dresden "chẳng biết gì" là vì vậy.

Plauen, ngày 7 tháng 10 năm 1989



Biểu tình với 40.000 người trước tòa thị sảnh Plauen ngày 28 tháng 10 năm 1989 (hình Internet)

dùng gậy gộc đánh vào đám biểu tình, cho máy bay trực thăng bay rà thật thấp trên đám biểu tình để giải tán... Đám biểu tình phải tan hàng lần nữa nhưng sau đó lại tập hợp, đòi ông thị trưởng thành phố phải ra mặt xuất hiện để đối thoại. Những tấm biểu ngữ như "chúng tôi muốn cải cách", "cải cách và tự do xuất cảnh, chống làn sóng ra đi hàng loạt", "tự do ngôn luận", v.v. được căng lên trong suốt cuộc biểu tình. Tuy bị đàn áp nhưng đoàn biểu tình vẫn luôn giữ thái độ ôn hòa, không chống cự lại. Cuối cùng, khoảng 18

Ngày lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Đông Đức (ngày 7 tháng 10 năm 1989), khoảng gần 20000 người đã tụ tập trước cửa nhà hát lớn của thành phố Plauen. Có được số người tham dự đông đảo là nhờ vào lượng truyền đơn đánh máy được phát khắp nơi, nhưng nhiều nhất là do dân chúng truyền miệng, rỉ tai nhau. Đầu tiên, đám đông bị cảnh sát an ninh tìm cách giải tán bằng vòi xịt nước, nhưng không thành công. Dân chúng lúc đầu bỏ chạy, sau lại kéo về tòa thị sảnh của thành phố. Ở

đây, cảnh sát lại



Đài kỷ niệm cho cuộc biểu tình đầu tiên năm 1989 ở thành phố Plauen

giờ, sau khi hứa hẹn thứ bảy tuần tới sẽ gặp lại nhau, đoàn biểu tình đã tự động tan hàng với lời nhắn "*chúng tôi sẽ trở lại*".

Cuộc biểu tình ngày 7 tháng 10 năm 1989 là cuộc biểu tình đông đảo đầu tiên ở Đông Đức mà cảnh sát an ninh không thể giải tán được. Để tưởng niệm ngày tháng lịch sử đó, thành phố Plauen đã gọi ngày này là "*Ngày Của Dân Chủ*".

Kể từ ngày đó cho đến ngày có cuộc bầu cử tự do đầu tiên vào ngày 18 tháng 3 năm 1990, mỗi tối thứ Bảy, dân chúng thành phố Plauen kéo nhau đi biểu tình.

Quảng trường Alexanderplatz (Berlin) ngày 4 tháng 11 năm 1989

Cuộc biểu tình tại quảng trường Alexanderplatz vào ngày 04 tháng 11 năm 1989 là cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử Đông Đức. Một cuộc biểu tình không do nhà nước sắp đặt mà là do người dân đề xướng, xin phép công khai và được chính quyền chấp nhận. Cuộc biểu tình này được xem như là đôi hia bầy đậm trong cuộc cách mạng ôn hòa không bạo lực của người dân Đông Đức.



Những vụ bạo động, đàn áp, xô xát sau lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Đông Đức ở những thành phố khác của Đông Đức là động lực thúc đẩy nhóm văn nghệ sĩ của thành phố Berlin gồm 800 người, đứng ra xin phép được tổ chức một cuộc biểu tình với nguyện vọng đòi tự do báo chí, tự do xuất cảnh, tự do ngôn luận (theo điều khoản 27 và 28 của Hiến pháp Đông Đức), có nghĩa là biểu tình trong khuôn khổ hợp pháp, không lén lút, với những nguyện vọng chính đáng có ghi rõ trong hiến pháp hãn hoi.

Lúc đầu, ban tổ chức ước lượng có đến 1 triệu người tham dự cuộc biểu tình. Một số người sau phần tuần hành trong thành phố đã lặng lẽ bỏ ra về vì họ sợ quảng trường sẽ không đủ chỗ cho một lượng người quá sức đông, phần vì họ đã thỏa mãn được những gì họ muốn nói, nên khi về lại Quảng trường Alexanderplatz chỉ còn khoảng ½ triệu người. Một số lớn văn nghệ sĩ đã tình nguyện mang lên người hàng chữ "bất bạo động" đứng lẫn trong đám đông trong suốt cuộc biểu tình. Ngạc nhiên nhất là đài truyền hình Đông Đức, không báo trước, đã tự động thu và phát hình cuộc biểu tình vĩ đại tại Alexanderplatz trong ngày đó.

Quảng trường Alexanderplatz chỉ cách cách bức tường Bá Linh khoảng 1,5 km, đây cũng là điều lo sợ nhất của cảnh sát giữ an ninh trật tự, trong trường hợp đoàn biểu tình đổ xô về hướng bức tường thì không biết sẽ phải trở tay như thế nào?

Những tám biểu ngữ trong ngày biểu tình 04.11.1989 tại quảng trường Alexanderplatz sau này đã được lưu giữ trong viện bảo tàng của nước Đức. Với hệ thống truyền tin quảng bá, tiếng nói của văn nghệ sĩ, của các nhân vật tên tuổi đã có một tầm ảnh hưởng rộng lớn trong quần chúng trong cuộc cách mạng lật đổ chế độ chuyên chế, đảng trị của Đông Đức.



Không Bạo Động

9. Bức tường sụp đổ, ngày 9 tháng 11 năm 1989

Tháng 11 năm 1989 tình hình Đông Đức biến chuyển một cách không ngờ. Dưới áp lực của những cuộc biểu tình bất bạo động khắp nơi của dân chúng, chính quyền Đông Đức đành phải nhượng bộ lùi bước. Chế độ Cộng Sản chuyên chế rơi vào con đường bế tắc, xem ra không còn cách nào cứu vãn nổi nữa.

Trong vội vã và hốt hoảng, chính quyền Đông Đức đã phản ứng bằng một dự luật về quyền xuất cảnh, tuy nội dung có ít nhiều thay đổi nhưng dự luật này vẫn bị đa số quần chúng phản đối.

Dưới áp lực liên tiếp của các cuộc ra đi ào ạt, các cuộc biểu tình bất bạo động cũng như ảnh hưởng của cuộc cải cách trong đảng Xã Hội SED, chính phủ Đông Đức, dưới quyền Chủ tịch Nhà nước Egon Krenz đã tuyên bố từ chức ngày 07 tháng 11 năm 1989. Vài ngày sau, toàn bộ Chính trị của Ủy ban Trung Ương (ZK) thuộc đảng Xã Hội SED cũng tuyên bố rút lui.

Trong tình thế rối loạn đó, ngày 8 và 9 tháng 11 năm 1989, một hội nghị do Ủy ban Trung Ương đảng Xã Hội triệu tập với nhiệm vụ bàn soạn và trình lên Ủy ban Trung Ương dự luật xuất cảnh mới, được sửa đổi với một nội dung đơn giản, ít phức tạp hơn trước. Nhưng lúc này, chẳng một ai trong hội nghị có thể nhận ra những điểm thay đổi nổi bật của dự luật!

6 giờ chiều ngày 9 tháng 11 năm 1989, đài TV Đông Đức cho trực tiếp truyền hình cuộc họp báo có ký giả quốc tế tham dự do Đệ Nhất Tổng thư ký của hội đồng thành phố Bá Linh, Günter Schabowski, điều khiển. Mục đích cuộc họp báo chỉ là để tuyên bố một **dự luật sắp được** ban hành trong nay mai.

Trước khi chấm dứt buổi họp báo, lúc 6 giờ 57 phút, một phóng viên người Ý – Riccardo Ehrman – lên tiếng hỏi "*Có phải nội dung dự luật về quyền xuất cảnh có một ít sai lầm hay chẳng?*" Lời giải thích sau đó của Schabowski đã khiến anh nhà báo ngẩn người ngạc nhiên: "**có hiệu lực ngay lập tức, bất cứ ai cũng có thể xuất cảnh sang các nước Tây phương.**"

Rất nhiều người dân Đông Đức đã theo dõi buổi họp báo trên đài truyền hình của chiều hôm đó. Nguyên thủy, dự luật (xin nói rõ, chỉ là dự luật chứ chưa thành luật) này chỉ nhằm cho những ai muốn sang Tây Đức tự nguyện với nhân mạnh là những người này không được quyền quay trở về lại Đông Đức nữa. Dự luật nhằm chặn đứng làn sóng ra đi ào ạt sang Tiệp Khắc của dân Đông Đức. Nguyên văn lời tuyên bố của Schabowski: "*... Bởi vậy, ngày hôm nay đây, chúng tôi quyết định sẽ ban hành một đạo luật của nước Dân Chủ Cộng Hòa Đức cho những ai muốn vượt qua biên giới Đông Đức để ra nước ngoài. Vâng, tất cả các trường hợp xuất ngoại đều không còn phải chứng minh liên hệ họ hàng hay khai báo lý do vì sao muốn đi.*"

Giọng nói lúc này của ông ta không hiểu sao bỗng dưng đậm ra... áp ứng: "*Giấy phép xuất cảnh sẽ được cấp trong một thời gian ngắn hạn. Đạo luật này, theo sự hiểu biết của tôi, có giá trị ngay tức khắc, không phải chờ đợi lâu lắc.*"

Những lời tuyên bố trên đã đi vào lịch sử! Lời tuyên bố đó đã được người dân Đông Đức nghe ra như một "**đạo luật**", như một làn điện xẹt, chẳng mấy chốc đã lan truyền khắp nơi... Các phóng viên nhà báo vội gửi đi bản tin khẩn "**DDR mở cửa biên giới**". Đặc phóng viên nhà nước DPA, vào lúc 19 giờ 41 phút: "**Biên giới DDR... đã mở**". Những bản tin nóng hổi đã được tất cả các đài truyền hình và truyền thanh Tây Đức truyền đi không ngừng. Chương trình *Tageschau* của đài truyền hình Tây Đức ARD đã chạy hàng chữ thật lớn "**DDR Mở Cửa Biên Giới**". Khoảng 21 giờ tối, trước tin tức trọng đại lịch sử này, Quốc hội Đức ở Bonn đã ngừng nhóm họp để cùng đồng hát bài quốc ca.

o O o

20 giờ tối, một số dân Đông Đức kéo đến trạm kiểm soát Bornholmer để nghe ngóng tình hình. Lúc đó, biên giới vẫn còn đóng im ỉm, vẫn còn kiểm soát giấy xuất cảnh, ai không có giấy phép hợp lệ không được bước sang phần đất bên Tây Đức. Dần dần, số người kéo tới càng lúc càng đông, có tiếng la lớn:

- Mở cổng đi... Mở cổng đi, còn chân chờ gì nữa!

20:30 giờ tối, một xe cảnh sát Đông Đức có gắn loa phóng thanh lên tiếng kêu gọi người dân phải tuân theo luật lệ, ai không có giấy phép sang biên giới phải trở về nhà làm đơn cho hợp lệ.

21:00 giờ tối, theo lệnh mới, ai muốn sang Tây Bá Linh sẽ được đóng một con dấu trong thông hành, một con dấu cho phép "đi mà không được về". Thiên hạ vẫn tranh nhau xấn tới, miễn sao đi được thì thôi, mọi chuyện khác hậu xét!

Đám đông càng lúc càng kéo tới đông hơn nữa. Tiếng còi xe, tiếng người la lớn, mặt mày ai nấy đều lộ vẻ căng thẳng, từ người dân cho đến cảnh sát biên phòng. Ánh đèn đêm của khu vực cấm địa lúc này như sáng hẳn ra, tiếng chuông điện thoại trong văn phòng trạm kiểm soát reng liên hồi. Cho đến lúc đó, các cảnh sát biên phòng vẫn chưa nhận được một mệnh lệnh gì rõ rệt về vấn đề mở cửa biên giới.

Đám đông và cảnh sát biên phòng lúc đầu còn tìm cách phân bua, giải thích qua lại với nhau, rồi thì một rừng người đồng la to:

- Mở cổng ra, mở cổng ra!

- Còn chờ gì mà không mở!

Tiếng năn nỉ của một bà:

- Chỉ sang một tý rồi về thôi mà...

- Có gì mà xem?

- Cấm cản gì nữa, đôi luật rồi, bộ không nghe à?

Bên kia hàng rào cản là phần đất xa lạ tuy cả hai bên đều nằm cùng trong một thành phố. Con đường xe điện bị bức tường chắn ngang, xe chỉ chạy đến đây rồi quay đầu lại. Cũng một con đường mà sao xa thẳm vời vợi, khi nào mới vượt sang bên kia được đây? Đó là tâm trạng chung cho những ai có mặt tại lần ranh biên giới trong giờ phút lịch sử đó.

Checkpoint Bornholmer đã trở thành chứng nhân cho thời khắc lịch sử này.

Dòng người đổ xô về phía hàng rào cản ngăn chia hai bên bây giờ tưởng như không ngớt. Sức ép như muốn làm bật tung nôi súp de. Tiếng la, tiếng hét, tiếng cầu nhau, họ đòi mở cổng, đòi được ra đi, đi ngay lập tức và cho mãi mãi về sau... Nhiều người lý lợm, lái xe xấn đại tới, cảnh sát biên phòng vẫn tiếp tục xét giấy và đóng dấu, mặc tiếng la ó sau lưng.

Đám đông càng lúc càng lấn tới hàng rào cản ngăn cách Đông Đức với thế giới bên ngoài. Cảnh sát biên phòng vẫn cố gắng làm bôn phận nhưng càng lúc càng vô vọng. Nhiều người đã vung tay xé nát tấm giấy thông hành trong tay của họ, một tờ giấy vô dụng, vì chẳng được phép đi đâu. Tự do đâu cần phải giấy tờ! Tiếng la hét giận dữ của



Trạm kiểm soát biên giới trên con đường Bornholmer, đêm 9 tháng 11 năm 1989 (hình internet)



Trạm kiểm soát Bornholmer (hình internet)

đám đông càng lúc càng to, các ông cảnh sát biên phòng lúc này quả thật là... xụi lơ, giọng nói không còn mạnh dạn, hùng hồn như lúc đầu... Thực sự là các quý vị này không còn biết phải xử trí ra sao.

Đám đông vẫn không ngớt la to "Mở cổng ra, mở cổng ra."

Thế rồi, khoảng 30 phút trước nửa đêm (23:30 giờ đêm), một vài sĩ quan biên phòng tự ý, quyết định mở cửa biên giới. Hàng rào cản được đẩy sang một bên... Thế là biên giới Bornholmer là biên giới ngăn chia Đông & Tây Bá Linh được mở cửa đầu tiên.

Đám đông như nước vỡ bờ, ùa tới trước, kẻ trước người sau... Ánh mắt rạng rỡ, tiếng cười, tiếng la, xúc cảm, mừng vui, họ vừa đi vừa ôm nhau, không ngờ có ngày được bước chân qua phần đất tự do, tuy cũng vẫn chỉ là trong lòng một thành phố, thành phố Berlin!

Khuôn mặt của những cảnh sát biên phòng đứng há hốc, ngạc nhiên, ngẩn ngơ, trước hàng rào cản bấy giờ đã mở toang, trước cảnh đoàn người đang lũ lượt chen chân vượt sang phần đất bên kia. Các ông cảnh sát biên phòng Đông Đức bất lực hay thực lòng cũng không còn muốn ra tay gìn giữ "bờ cõi" của một Đông Đức đang sụp đổ?

Hãy xem lại những hình ảnh của các đài truyền hình đã được các phóng viên ghi lại qua ống kính trong đêm lịch sử cũng như trong những ngày sau đó, lúc đó mới thấm thía những sự kiện ngoài sức tưởng tượng, gần như ngoài tầm tay của con người.

Hãy nghe cảm nghĩ của vài chứng nhân đứng quanh đó, những người đã từng chứng kiến cảnh chia cắt rào chắn ngăn cách kiểm soát của thành phố sau 1945, từng chứng kiến cảnh bức tường được dựng lên vội vã trong đêm của một năm 1961 về trước.

Hãy nhìn cảnh những gia đình với ông bà, cha mẹ, con cái lũ lượt kéo nhau đổ xô từ Đông sang Tây Bá Linh... Hãy nhìn dãy xe Traban nối đuôi nhau chờ được sang biên giới, họ chờ nhưng sung sướng được chờ, vì trước mặt họ là một chân trời tự do đang mở rộng.

Hãy nhìn cảnh một bà mẹ đứng đợi con trai ở chân cầu Glienicke, hai mẹ con đã ôm chầm lấy nhau trong tiếng vỗ tay chia xẻ hạnh phúc đoàn tụ...

Ngày 9 tháng 11 năm 1989 cũng là ngày tàn của thể chế Cộng Sản Xã Hội Chủ Nghĩa ở Đông Đức, chấm dứt một trang sử đau buồn, một khởi đầu cho một nước Đức thống nhất với những câu hỏi chưa có câu trả lời...

o O o

Ngày 9 tháng 11 năm 1989 là một ngày thứ năm bình thường như mọi ngày.

Bà Angela Merkel, ngày đó bà vẫn còn là một khoa học gia về Vật lý, làm việc cho học viện Khoa Học của Đông Đức, như mỗi ngày thứ năm, bà đi sauna.

Cụ cầu thủ của hội tuyển quốc gia Steffen Beinlich ngày đó mới 17 tuổi, anh ta đã ngủ quên đêm hôm đó, đêm mà bức tường Bá Linh bị phá vỡ, mặc dầu anh ta ở ngay tại khu vực Bá Linh-Pankow, một khu vực rất gần với những gì đang xảy ra. Tối hôm đó, anh ta đi ngủ sớm vì anh ta đang còn đi học nghề và sáng sớm anh ta phải dậy sớm. Bố anh ta không đánh thức anh ta dậy khi ông trông thấy hình ảnh trên TV vì ông cho rằng chẳng có chi quan trọng lắm.

Ngay cả tổng thống Nga, Michail Gorbatschow, cũng ngủ quên trong cái đêm lịch sử ấy, như ông đã viết lại trong hồi ký của ông.

Diễn viên điện ảnh Jackie Schwarz đã trải qua đêm ấy trong một nhà thương cai thuốc lá. Nhà vô địch quyền anh thế giới Henry Maske mang một cảm giác bồn chồn khó diễn tả ... Và anh chàng điều khiển chương trình TV rất nổi tiếng của Tây Đức, Günther Jauch, thì chạy đi chạy lại, chạy long tóc gáy, chạy suốt đêm với chuyến tàu điện nối liền Đông và Tây Bá Linh. Bất cứ ai được hỏi, ai ai cũng đều có riêng cho mình một hồi tưởng và thường là những hồi tưởng rất khác biệt về cái ngày được xem như là một dấu ấn chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh, một ngày đã đi vào lịch sử của con người.



Bức tường đã đổ! Berlin trở lại Berlin! (hình Internet)



Khải hoàn môn Brandenburger Tor đêm 9 tháng 11 năm 1989 (hình Internet)

Ngày 9 tháng 11 năm 1989 là kết quả tất yếu của những "cuộc biểu tình ngày thứ hai" ở Leipzig hay ở các thành phố khác của Đông Đức, tất cả các cuộc biểu tình đều xảy ra sau giờ làm việc. Đây cũng là một biểu hiện cho tâm trạng luôn luôn muốn chu toàn cho xong bồn phận của đa số người dân Đông Đức. Ngày đó, chưa ai dám mơ đến việc thống nhất đất nước. Chỉ những ngày sau cách mạng mừng 9 tháng 11 năm 1989, từ nguyện vọng "Chúng ta đều là người dân" mới đổi thành "Chúng ta là Một".

Không ai có thể tiên đoán trước rằng nền kinh tế và chính trị của Đông Đức cuối cùng lại sụp đổ một cách nhanh chóng như thế. Lịch sử gia người Anh, Timothy Garton Ash, đã diễn tả diễn tiến kể trên như sau "*Đây là một kết hợp giữa một lý trí lành mạnh của con người và một luộm thuộm, ý y, không biết đo lường tình hình đúng mức của cấp lãnh đạo đảng, dưới quyền điều khiển của Egon Krenz.*"

Bức tường giờ đây đã đổ! Ở những biên giới khác trong nội địa, dân chúng Đông Đức ùa tràn sang Tây Đức và được dân chúng Tây Đức hoan hỷ chào đón.

Ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1989, mỗi ngày có khoảng 1 triệu người dân Đông Đức sang thăm Tây Đức.

Suốt đêm hôm ấy, hàng trăm ngàn người Đông Đức đổ xô sang Tây Đức. Những dãy xe "Trabi" dài hàng mấy chục cây số nối đuôi nhau, nhẩn nại chờ tới phiên để sang biên giới. Các con đường của Tây Đức giờ đây tràn ngập xe Traban hay Wartburg của Đông Đức, nhất là những con đường của thành phố Bá Linh. Khu nhà thờ mất nóc "Kurfürstendamm" cũng như đường "Cách Mạng 17 Tháng 6" giờ đây không còn một loại xe nào khác ngoài "Trabi".



Trạm kiểm soát Charlie một ngày sau 9 tháng 11 năm 1989
(hình internet)



Dân chúng chờ đợi trong vui sướng để sang biên giới
sau ngày 9 tháng 11 năm 1989 (hình Internet)

Trong cuộc phỏng vấn cựu thủ tướng, cựu thị trưởng Berlin sau 1945, ông Willi Brandt, của đài truyền thanh "Hörfunk" vào ngày 10 tháng 11 năm 1989, ông Brandt đã bộc phát tâm tư của mình với một câu nói rất nổi tiếng, lời phát biểu của ông không chỉ nhắm vào hai nước Đức, mà là dành cho tương lai của toàn thể Âu Châu: "*Bây giờ chúng ta đã đạt được một tình trạng, trong đó, những gì cùng chung phát triển phải đương nhiên cùng thuộc về nhau*".



Dãy xe Trabi trên xa lộ A9 của Tây Đức
(hình Internet)

Một năm sau, ngày 3 tháng 10 năm 1990, nước Đức sau 45 năm chia cắt đã thống nhất thành một.

10. Những tượng đài kỷ niệm



Sau khi thể chế Cộng Sản độc tài chuyên chế của Đông Đức hoàn toàn sụp đổ, bức tường ngăn chia hai miền và hệ thống hàng rào đã được lính biên phòng đập vỡ và tháo bỏ vào tháng 6 năm 1990. Công việc phá hủy vết tích ngăn chia đã được hoàn thành vào cuối năm 1990. Như những con chim gõ kiến, hàng trăm ngàn người đã mang những mảnh tường nhỏ về nhà làm kỷ niệm. Các mảnh tường vụn giờ đây được đi khắp nơi trên thế giới, hoặc do từ du khách đến thăm Berlin mua về làm kỷ niệm hay được gửi đến các viện bảo tàng, nhà thờ, v.v.

Bernauer Strasse

Tượng đài kỷ niệm chính của bức tường Bá Linh được đặt trên con đường "nổi tiếng" Bernauer Strasse, một con đường nằm ngay trong trung tâm của thành phố, sau



1945 là lần ranh ngăn chia khu vực kiểm soát của Nga Xô và Pháp. Đối với thế giới, con đường Bernauer Strasse nổi tiếng vì một



Khu vực tượng đài kỷ niệm trên đường Bernauer Strasse
(ảnh MN chụp trong 1 chuyến viếng thăm Berlin)

lính biên phòng Đông Đức mang tên Conrad Schumann đã vút súng để nhảy sang phần đất Tây Bá Linh tìm tự do, bức ảnh đã được một nhiếp ảnh viên thâu gọn qua ống kính nhà nghề, gửi đi khắp nơi trên thế giới.

Con đường trở nên nổi tiếng vì nơi đây đã xảy ra những vụ liều mình nhảy qua cửa sổ để thoát sang Tây Bá Linh, nổi tiếng vì có những căn nhà mà lề đường trước mặt lại thuộc về Tây Bá Linh, nổi tiếng nhờ vì vị trí đặc biệt của nó (nhà cửa nằm sát bức tường), lính gác của hai bên nhờ thế thường chuyện trò hay trao đổi thuốc lá với nhau.

Trải dài trên con đường là một phần của bức tường Bá Linh, dài 1,4 km, ngăn chia Đông Tây, bức tường đã làm đảo lộn không khí cuộc sống của người dân Bá Linh. Trong khu vực của tượng đài kỷ niệm, một mảnh tường nguyên thủy cuối cùng với chân tường đào thật sâu trong lòng đất được giữ lại, giữ lại cái ấn tượng đau buồn nhục nhã của một thời đen tối của cuối thập niên 80 đã qua: Khu vực Bernauer Strasse bị bức tường và hàng rào kẽm gai vây chấn vào đêm 13 tháng 8 năm 1961. Trong vòng một đêm, con đường quen thuộc vẫn xử dụng hàng ngày giờ đây không còn có thể xử dụng được nữa. Hàng xóm, bạn bè, họ hàng bỗng chốc bị chia lìa. Căn nhà hàng xóm bên kia đường nay bỗng đứng thuộc về một thể chế chính trị khác. Người dân vô tội ở đây đã chẳng làm gì nên tội và cũng chẳng phải vì họ mong muốn như thế, thế mà bỗng đứng phải trở thành nhân chứng sống cho tội ác chiến tranh.



Khu vực tượng đài kỷ niệm bức tường Bá Linh trải dài hai bên con đường Bernauer Strasse. Phía Đông của con đường, trước kia thuộc Đông Bá Linh, là một khu vực triển lãm ngoài trời về lịch sử chia cắt hai miền Đông - Tây của Đức, mà con đường Bernauer Strasse là một minh chứng cụ thể. Ở đây được dựng lên một đài kỷ niệm để ghi lại sự kiện chia cắt nước Đức cũng như để tưởng nhớ những vong hồn đã tử nạn bên bức tường ô nhục, một nhà thờ nhỏ cũng được xây lên như một chung cư trong khu vực cũng được giữ lại, nằm phơi phơi dưới ánh mặt trời, căn chung cư mà mặt tiền của nó đã từng là



Viên gạch tưởng niệm những người đã bỏ mạng bên bức tường Bá Linh (hình MN)

biên giới ngăn chia Đông Tây trước thập niên 80. Đối diện với khu vực tượng đài bên kia đường Bernauer Strasse, phía thuộc Tây Đức ngày trước, giờ đây là văn phòng trung tâm du lịch với một tháp khá cao. Nhà ga xe điện (S-Bahn) Nordbahnhof là phòng triển lãm về những trạm xe điện "chết" của thành phố Bá Linh. Vài chuyến xe điện của Tây Bá Linh ngày đó phải chạy xuyên qua địa phận của Đông Bá Linh. Các trạm xe nằm trên tuyến đường xe điện của Tây Bá Linh nằm trong địa phận của Đông Bá Linh bị niêm phong kỹ càng, vắng lạnh u tối như những nhà ga chết, nhà ga ma, xe điện có thể chạy ngang qua nhưng cấm ngặt không được phép ngừng. Những khu cấm địa, cấm người lai vãng thuộc Đông Đức của ngày trước, ngày nay phần lớn đã được xây cất thành nhà cửa. Vài khu vực đã trở thành công viên xanh mát của thành phố.



East Side Gallery, Conrad Schuman vẽ súng nhảy sang Tây Bá Linh - Các ông lớn CS hôn nhau thăm thiết (hình MN)



Những bức tranh trên East Side Gallery, xe Trabi chạy xuyên bức tường Bá Linh mang băng số Nov-09-89 (hình MN)

Mùa xuân 1990, sau khi biên giới ngăn chia hai miền được mở cửa, một phần của bức tường, dài 1,3 cây số, đã được 118 họa sĩ của 21 quốc gia vẽ hơn 100 bức hình vào mặt bên phía đông của bức tường nằm dọc theo bờ sông Spree. Tác phẩm này được mang tên là East Side Gallery. Tiếc rằng thành phố Berlin phải xây cất lại nhiều nơi nên East Side Gallery ngày nay không còn chiều dài nguyên thủy của 25 năm về trước mà bị phân đoạn thành nhiều khúc. Những bức tranh sống động nói lên những khía cạnh chính trị và xã hội của Đông Đức của thập niên 80. Với thời gian, mưa nắng, ngày nay các bức hình đã bị phai pha đi rất nhiều, màu sắc không còn được rực rỡ như lúc đầu.

Nếu đi bộ ngang qua bức tường Bá Linh, nếu bạn chưa định hướng bạn đang ở phía đông hay tây của bức tường, bạn hãy nhìn xuống chân tường: **nằm thẳng góc với bức tường, nếu là những tấm đan bằng xi măng cốt sắt để giữ bức tường đứng vững, thì phía đó là phía đông.** Vì chỉ Đông Đức mới quan tâm đến bức tường có đứng vững hay không mà thôi. Đây là lời giải thích khá hợp lý của một người bạn sống ở (Tây) Bá Linh.

Nếu bạn thả bộ thong dong trong thành phố, hãy nhìn xuống mặt đường, thỉnh thoảng bạn sẽ bắt gặp hai hàng gạch lót màu nâu đất hình chữ nhật. Hàng gạch gợi nhớ lại vị trí một thời của bức tường Bá Linh ngày trước.



Vị trí bức tường Bá Linh (hình MN)

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm bức tường Bá Linh sụp đổ, từ thứ Sáu đến Chủ nhật 07-09/11/2014, một hàng đèn màu trắng và bong bóng trắng (8000 bong bóng) dài gần 15 km, tượng trưng cho "hy vọng của một thế giới không có biên giới" đã được dựng lên dọc theo bức tường ngăn chia ngày trước ngay trong trung tâm của thành phố Berlin.

Hàng đèn màu trắng, dài 15 km, được bắt đầu từ trạm biên giới Bornholmer Strasse (trạm biên giới đã được mở cửa đầu tiên đêm 9 tháng 11 năm 1989), chạy xuyên qua công viên Mauerpark, dọc theo khu vực tượng đài kỷ niệm trên đường Bernauer Strasse, về đến bờ sông Spree sau lưng tòa nhà quốc hội Reichstag, rồi chạy ngang cổng khai hoàn môn Brandenburger Tor và công trường Potsdamer, vào đến trạm kiểm soát Checkpoint Charlie (ngăn chia khu vực kiểm soát thuộc Nga và Mỹ), chạy xuyên qua khu vực Kreuzberg, trở về bờ sông Spree với đoạn cây cầu thật đẹp Oberbaumbrücke gần East Side Gallery.



Hàng đèn trắng trên cầu Bornholmer



Hàng đèn trắng dọc theo East Side Gallery



Hàng đèn trắng trước Khải Hoàn Môn Brandenburger Tor



Nếu bạn muốn chứng kiến tận mắt cảnh bức tường "sụp đổ lần thứ hai", hãy đến Berlin ngày 9 tháng 11 năm 2014 vào lúc 19 giờ: 8000 bong bóng bơm bằng hơi Helium sẽ được đồng loạt thả lên trời, mang theo hy vọng và niềm mơ ước của mỗi chủ nhân của chiếc bong bóng đã mua ủng hộ cho ngày lễ kỷ niệm.



Hàng đèn trắng ở Checkpoint Charlie



Hàng đèn trắng chạy dọc theo bức tường Bá Linh ngày trước, chụp từ trên cao (hình Internet)

12. Những hệ lụy chung quanh sự sụp đổ bức tường Bá Linh

Người dân Đông Đức đã và vẫn tự hào khi cho rằng bức tường Bá Linh đã sụp đổ do từ áp lực bên trong, do từ trong nước mà ra.

Một vài thống kê sau 20 năm sụp đổ bức tường Bá Linh:

- 21% người Đông Đức và 17% người Tây Đức cho rằng các cuộc biểu tình chống đối trong mùa thu 1989 là nguyên nhân chính đánh đổ chế độ độc tài Xã Hội Chủ Nghĩa Đông Đức.
- 85% người Đông Đức và 81% người Tây Đức cho rằng người dân Đông Đức có thể tự hào về cuộc cách mạng ôn hòa, bất bạo động của mình.

Và kết quả thống kê không ngờ nhất là:

- 91% thành phần thanh thiếu niên, thành phần mà những năm 1989/90 khi bức tường mới sụp đổ chỉ mới 10-19 tuổi, họ rất hãnh diện về công lao tranh đấu của cha mẹ họ.
- Con số thống kê này lên đến 95%, nếu tính tất cả các học sinh của Đông Đức, và 75% cho tất cả học sinh thuộc các tiểu bang cũ của Tây Đức.

Ossi-Wessi (người Đông Đức và người Tây Đức)

Sau ngày bức tường sụp đổ, một danh xưng khá mới mẻ được dân chúng hai miền sử dụng khắp nơi: "Ossi" để ám chỉ người Đông Đức và "Wessi" người Tây Đức. Hai danh từ này thoát đầu là những danh từ hóm hỉnh, mang một nội dung trìu mến, vô tư. Nhưng cái hoan hỷ vui mừng chào đón nhau lúc ban đầu đã dần dần nguội đi, thay vào đó là những hoài nghi, đố kỵ... Người Đông Đức cảm thấy hoài nghi cái gọi là "đoàn kết Đông Tây". Người Tây Đức cảm thấy quyền lợi mình bị mất mát...

Theo cuộc thăm dò ý kiến của thành phố Leipzig thì 70% (trong đó số người trẻ đông hơn người già) cho rằng danh từ "Ossi" và "Wessi" cho đến năm 2020 vẫn sẽ tiếp tục hiện hữu và được sử dụng. Tuy nhiên, phải công bằng mà nói, giới trẻ ít quan tâm về vấn đề này, họ nhìn sự việc không phải lúc nào cũng đen tối, khó vượt qua.

Bên kia Ossi bảo bên này Wessi nhiều tham vọng, tự cao tự đại và hời hợt. Bên này Wessi bảo bên kia Ossi là hay sợ sệt, hay bất mãn và luôn nghi ngờ. Bức tường ngăn chia Đông Tây tuy đã sụp đổ 25 năm, gạch đá của bức tường ngày nay đã không còn nữa nhưng thay vào đó là một bức tường khác, một bức tường thành kiến vẫn và đang hiện hữu trong đầu óc của người dân hai miền. Một thành kiến không dựa trên những dữ kiện thật sự mà chỉ còn là một định kiến gần như khó xê dịch khi nói về nhau. Có phải đây là hậu quả của cuộc chiến tranh lạnh của ngày trước? Gần 50% người Đông Đức tự cho rằng mình có nhiều tính tốt thí dụ như tính khiêm nhường, chăm chỉ cù đây, có đầu óc sáng tạo và cảm thấy rất tự mãn với những cá tính đó. Người Tây

Đức thì ngược lại, họ dè dặt thận trọng hơn khi tự đánh giá về mình. Bà Thủ hiến của tiểu bang Thüringen (thuộc Đông Đức cũ), giải thích hiện tượng nói trên như sau "*luôn luôn tự đặt câu hỏi cho chính mình, đi sâu vào chi tiết về một vấn đề nào đó, vẫn là cách hành xử thông dụng của Tây Đức. Lối hành xử đó khó có được trong một xã hội độc tài chuyên chế như Đông Đức*". Thêm một lý do khác để giải thích vì sao người Đông Đức có cái nhìn không lầy gì làm thiện cảm cho lắm với đồng hương từ Tây Đức. Người dân Đông Đức tuy không nói ra nhưng vẫn thầm mong nhận được một tuyên dương tinh thần về quá trình tranh đấu của họ từ phía người dân Tây Đức. Thế nhưng cho đến ngày hôm nay, lời tuyên dương đó vẫn chưa được nói, mà thay vào đó, người Đông Đức chỉ nhận được một thái độ kè cả, kiêu ngạo của người Tây Đức. Dân Tây Đức cho rằng, tất cả những gì của Đông Đức từ trước đến nay đều sai trái, không đáng noi theo.

Một sử gia người Mỹ Greg Eghigian nhận định rằng "*người dân Tây Đức quy tất cả mọi khuynh hướng, mọi tệ nạn xã hội đều bắt nguồn từ Đông Đức*". Những sự kiện như "kỳ thị người ngoại quốc", "cực hữu", "thất nghiệp", "nghèo đói", "nghiện ngập", v.v. người dân Tây Đức cho rằng đều phát xuất từ Đông Đức, mặc dầu những sự kiện này không phải là không xảy ra ở Tây Đức tuy chỉ với một tỷ lệ ít hơn.

Ông Eghigian nghĩ rất đúng khi cho rằng người dân Tây Đức nói như thế không phải do sự ác cảm với đồng hương Đông Đức của mình mà chẳng qua đó là hậu quả của những khúc mắc chưa được cởi bỏ của cuộc chiến tranh lạnh để lại mà thôi. Tuy biết thế nhưng người dân Đông Đức ngày nay cũng không còn đủ sức lực để thay đổi cái nhận định sai trái đó. Một phần vì họ vẫn còn quá sốc trước sự việc "bị" hay "được" sát nhập vào Tây Đức một cách quá nhanh chóng, vì quá nhanh nên thiếu chuẩn bị về tất cả mọi phương diện. Phần khác có lẽ vì do sự thiếu tự tin với chính mình!

Vì sao có sự việc "sốc" khi "bị" hay "được" sát nhập vào Tây Đức ?

Qua một vài phỏng vấn những nhân sĩ Đông Đức đã từng tranh đấu trong phong trào đòi hỏi tự do với những cuộc biểu tình bất bạo động ngày trước, cho thấy nguyện vọng tranh đấu của họ không bắt buộc phải lập tức đi đến giải pháp thống nhất nước Đức, mà là trước tiên vẫn giữ lại thể chế Xã Hội Chủ Nghĩa, chỉ muốn thêm vào những quyền tự do căn bản của con người: tự do du lịch, tự do báo chí, tự do phát biểu, v.v. nhất là người dân Đông Đức không còn phải sống trong cảnh hời hợt hoang mang, vì không biết cuộc sống riêng tư của gia đình có bị chính quyền theo dõi, rình rập hay không.

Khi tranh đấu đòi quyền tự do, thí dụ tự do du lịch, thì người Đông Đức chỉ nghĩ đến việc được phép sang Tây Đức để thăm gia đình, bà con họ hàng, chứ không phải du lịch khắp nơi trên thế giới. Nhưng khi quyền tự do du lịch đã đạt được rồi thì chính họ lại muốn đi du lịch khắp nơi trên thế giới, đồng thời họ cũng chợt nhận ra rằng là họ không có đủ phương tiện tài chánh để thực hiện. Chẳng ai có thể dành dụm tiền bạc trong một thời gian quá ngắn để thực hiện những ước mơ như vậy được !

Cái cảm giác thất vọng, bị bỏ quên, bị tức tưởi của người dân Đông Đức sau ngày Thống Nhất qua thí dụ nêu trên đã được nhà tâm lý Hans-Joachim Maaz diễn tả trong quyển sách *Der Gefühlsstau (Cảm Xúc Ứ Động)* và quyển *Das gestürzte Volk (Một Dân Tộc Bị Hụt Hẫng)* đã diễn tả rất chính xác.

10 năm sau ngày Thống Nhất, người dân Đông Đức được gán bằng những tính từ bắt đầu bằng chữ "P" như "passiv" (thụ động), "pazifistisch" (hòa bình), "pessimistisch" (bi quan) và

"paranoid" (hoang tưởng). Cái hy vọng rằng thế hệ đi sau sẽ xóa bỏ mọi thành kiến, tiếc thay đã không được như thế. Ngược lại, như các tâm lý gia đã tiên đoán, qua phân tích tâm lý những người trở về từ chiến tranh hay những người từng bị áp chế ra khỏi nước: "*Những nỗi lòng chưa được tỏ bày của một thế hệ sẽ là những gánh nặng cho những thế hệ sau.*"

Bức tường "thành kiến" ngăn cách hai bên có lẽ sẽ còn hiện hữu thêm một thời gian nữa. Càng ngày cả hai bên càng mất đi sự quan tâm về nhau. Hơn một ½ dân Tây Đức chưa hề đặt chân sang đến phần đất của Đông Đức cũ.

Năm 1990, năm thống nhất của Đức, hai thế giới trái ngược Đông Tây kết hợp lại thành một, trong đó một Đông Đức phải thay đổi toàn diện và một Tây Đức thì trước sau không (muốn) thay đổi! Trước khi nước Đức bị chia cắt, dân miền Tây vốn vẫn không quan tâm gì cho lắm về miền Đông, họ cho rằng, đối với lịch sử họ sẽ là bên thắng cuộc, sẽ là bên có tiếng ăn tiếng nói. Cái

quan niệm đó thành hình không phải vì do những lời bình luận tuyên truyền của báo chí Tây Đức về Đông Đức mà quan niệm đó đã có từ trước chiến tranh: miền Đông so với miền Tây của Đức chỉ là một vùng nhà quê, nghèo nàn, bần thiêu, thiếu phát triển với một vài kỹ nghệ lẻ tẻ không đáng kể.



Es gilt viele Mauern abzubauen

*Tạm dịch: Còn nhiều bức tường cần phải dẹp bỏ đi
(hình MN)*

Cảm tưởng của một người Đông Đức mang tên Christ

... Cuối mùa xuân 1989, để từ bỏ một chế độ Cộng Sản độc tài chuyên chế, tôi đã phải vượt qua biên giới của 3 nước để sang đến Tây Đức. Quả thật là một cuộc trốn chạy với biết bao nhiêu gian nan từ thể xác cho đến tinh thần. Ngày nay ngồi nghĩ lại tôi vẫn còn cảm thấy lạnh xương sống. Một năm trước khi có quyết định ra đi, khi đứng trước bức tường ô nhục của lịch sử nước Đức, bức tường Bá Linh, nhìn vọng sang bờ tường bên Tây Đức, quảng cách giữa hai bên gần trong tầm tay mà tôi lại thấy xa vời vời tưởng như không bao giờ với tới được. Thật là một cảm giác đau đớn xót xa vô ngần.

Sau này, những tượng đài kỷ niệm về bức tường được dựng lên chẳng làm tôi thích thú một chút nào, vì những tượng đài vô tri đó chỉ tạo ra những câu hỏi khiêu khích và nhất là chẳng nói lên được chút gì về tình huống thực sự của nước Đức ngày trước. Theo tôi, phải tìm cách truy cập cho thật chính xác, phải biết gìn giữ và truyền đạt những cảm xúc của một thời đen tối đã qua. Thật là đáng tiếc khi hầu như toàn bộ bức tường đã bị phá bỏ, như thế làm sao có thể mô tả được cái tình huống bi đát của thời đó cũng như diễn đạt được tâm tình của người dân hai miền Đông - Tây khi hằng ngày phải trực diện với bức tường hiện hữu trong thành phố?

Thành thật mà nói, tuy bức tường gạch đá ngăn chia ngày nay không còn nữa nhưng một bức tường vô hình vẫn luôn hiện hữu trong tâm trí của mỗi người, nhất là đối với người dân Đông Đức.

Từng chứng kiến tận mắt hoàn cảnh sống của người dân Đông Đức khi có dịp quay trở lại đây, gần gũi tìm hiểu, ngày nay tôi mới dám đi đến một kết luận là phải cần một thời gian lâu lắm, có thể phải cần đến từ một đến hai thế hệ may ra mới có thể đánh giá một cách chính xác về một nước Đức thống nhất của ngày hôm nay.

11 năm sau khi bức tường sụp đổ, tôi cho rằng người dân Đông Đức bây giờ phải từ từ tự đứng

vững lấy một mình. Bao nhiêu tiền bạc của cả nước Đức đã đổ vào đây và công việc trợ giúp đó không thể kéo dài mãi mãi được, mà theo tôi, phải chấm dứt ngay ở đây, kể cả khoản phụ thuế Solizuschlag (1) mà chính phủ đã đề ra.

Người Đông Đức phải ý thức rằng, chính người Tây Đức đã bỏ ra không biết bao nhiêu là công của mới có được như ngày hôm nay. Đừng cho rằng chỉ việc bỏ tiền ra là có thể kiến thiết được đất nước (Chương trình Marshall của Đông Minh Tây phương). Nếu ngày ấy người dân Tây Đức không nỗ lực đem hết sức mình ra để đóng góp trong công cuộc kiến thiết, tái dựng lại đất nước sau chiến tranh thì có lẽ Tây Đức đã không hùng mạnh được như ngày nay. Người Đông Đức chỉ nhìn thấy cái kết quả, cái thiên đường "huy hoàng sáng chói" của Tây Đức nhưng không hề nghĩ rằng sau bộ mặt huy hoàng rực rỡ đó, người Tây Đức đã phải cực nhọc vất vả, siêng năng làm lụng như thế nào mới có được những tiện nghi sung sướng như bây giờ (nhà cửa, xe hơi) cũng như được đi du lịch khắp nơi trên thế giới.

Tôi (Chist) luôn phải nghe những than thở chung chung của người Đông Đức chẳng hạn như "dân Tây Đức đã có được 40 năm ăn sung mặc sướng, được gần ánh mặt trời, thì bây giờ dân Wessi (một danh từ thật dễ ghét), phải có bốn phận đứng ra gánh vác những thiệt thòi của đồng hương Đông Đức.....". Và còn nhiều câu phán xét, đòi hỏi một cách vô lý hơn nữa. Đó là nguyên nhân vì sao bức tường vô hình luôn hiện hữu trong tâm trí người dân, vẫn là cái hố sâu chia cắt Đông Tây.

o O o

Kết

Không một chút hoài nghi khi nói rằng, ngày 9 tháng 11 năm 1989 ở Đông Đức là một biểu tượng cho lòng can đảm, quyết chí của người dân, đã dám dấn thân vùng lên chống đối, lật đổ một chế độ Cộng Sản độc tài chuyên chế trong ôn hòa, vô bạo lực. Nhưng đồng thời, ngày 9 tháng 11 (ở Đức) cũng tượng trưng cho bạo lực, cho khủng bố, cho một thái độ khoan tay làm ngơ, thiếu can đảm đối đầu với một bạo chúa khác của Đức, đó là ngày 9 tháng 11 của năm 1938. Ngày đó các nhà thờ Do Thái đã bị đốt cháy, các cửa tiệm của Do Thái bị đập phá, người Do Thái bị đánh đập và giết hại. Tất cả những sự việc đó cũng thuộc về một ngày lịch sử mà toàn thể người dân Đức không được lãng quên, ngày 09 tháng 11.



Đêm 9 tháng 11 năm 1989 (hình Internet)

Bất cứ một chính thể nào, một chính phủ nào, nếu đi ngược với lòng dân, ngược với tình người, ngược với nhân bản, không sớm thì muộn cũng sẽ lụi tàn tan rã. 25 năm về trước, bức tường chia cắt Đông Tây đã sụp đổ, chấm dứt một giai đoạn đen tối trong lịch sử cận đại của nước Đức. Năm 1990 khi hai nước Tây và Đông Đức thống nhất thành một, tôi đã không ngăn được nỗi ngậm ngùi khi nhớ lại ngày "thống nhất" của quê hương Việt Nam. Làm sao không khỏi ngậm ngùi khi một bên là tranh đấu trong tinh thần dân tộc, tự chủ, bất bạo động, tránh tất cả mọi bạo lực, còn một bên là bị tròng vào cò, người dân ngơ ngác thụ động, máu đã đổ và vẫn đổ... Nước Đức được thống nhất sau VN 15 năm, nhưng họ đã vượt, đã tiến, đã bỏ lại chúng ta cả một quãng đường xa tấp vời vợi...

Mỹ Nga

Udenheim, ngày 9 tháng 11 năm 2014

(1) Solizuschlag (=Solidaritätszuschlag): sau ngày thống nhất Đông Tây, từ năm 1991, mỗi người dân đi làm phải đóng thêm một khoản phụ thuế cho chính phủ trong chương trình phụ giúp xây dựng tái thiết miền Đông của Đức. Khoản phụ thuế được tính với tỷ lệ 5,5% trên thuế lương bổng của người dân

Nguồn:

<http://www.faz.net/aktuell/politik/deutsche-einheit-ossis-und-wessis-1919540.html>

http://www.lpb-bw.de/fall_der_Berliner_mauer.html

http://www.lpb-bw.de/gruende_mauerfall.html

http://www.mdr.de/damals/archiv/artikel188334_dosArt-artikel188392_zc-4b3083c5.html

Chronik der Wende; Hannes Bahrmann, Christoph Links; Berlin 1999

www.dhm.de

Informationen zur politischen Bildung: Der Weg zur Einheit; Bundeszentrale für politische Bildung; 2001

www.chronikderwende.de

www.bwbs.de

Sẽ nhớ hoài một thuở
Nhịp sống chậm lời đời
Tâm lòng ai rộng mở
Khép buồn bã ngân nga.
Bạn, không cần bán tiếng,
Cũng chẳng hề mua danh
Xoa dịu nỗi trống vắng
Trong lúc tôi buồn tênh.
Tôi rơi vào hoạn nạn
Bao nỗi khổ, khó khăn
Bạn không hề hờn giận
Ấm thầm giúp, cực thân.
Vượt đoạn đường trắc trở
Tôi một mình âu lo
Bạn, không hề buông bỏ
May mắn trăm rúi ra.
Tình bạn không toan tính
Đẹp như một áng thơ
Giữ cho nhau kín đáo
Nỗi niềm riêng lẽ mờ.

Mến tặng chị Nguyễn thị Diên

NHẠC NGUYỄN HỒNG AN

Hòa âm & tiếng hát HỒNG AN

Phanh ảnh trình bày & youtube.

**VI VI, BÁO TRÁM,
TRẦN ĐÌNH THỤC,
TRƯƠNG ĐÌNH LIÊM,
Internet, TV & Ý NGÀ**

Logo
TRƯƠNG ĐÌNH LIÊM

Ý Nga, 2022 #8255

NHÀ CON MỘT

Tôi nằm chèo queo trên giường bệnh vừa buồn chán vừa tủi thân, ngay lúc này tôi cần gì cũng chẳng có ai đỡ đần, gọi y tá không phải tức khắc họ có mặt ngay, mà cứ động một chút lại gọi cũng phiền, y tá bận chăm sóc nhiều bệnh nhân, hết phòng này đến phòng kia chứ có phải một mình tôi đâu.

Tôi nghĩ đến Ngọc Nga người yêu của Đan, con trai tôi. Đan đã hai lần vào cuối tuần đưa bạn gái đến bệnh viện thăm mẹ, cô gái hiền dịu có ăn học và công việc làm tốt đã chiếm cảm tình của tôi. Hai đứa yêu nhau từ lúc nào mà tới bây giờ Đan mới cho tôi biết. Tôi bỗng ao ước giá Ngọc Nga là con dâu thì gia đình tôi có thêm người, tôi không phải cô đơn như lúc này.

Trưa nay một người bạn đã vào thăm tôi, chị Hảo chuyện trò khá lâu an ủi tôi phần nào. Năm ngoái chị Hảo cũng vào nằm bệnh viện này vì mổ ruột thừa, chị nằm mấy ngày mà chồng con rộn rịp ra vào thăm nom, ba đứa con thay phiên nhau ngủ lại để chăm mẹ. Còn tôi, nhà con một, chồng tôi đã qua đời hai năm nay, chuyện lớn chuyện nhỏ gì cũng là Đan, con tôi làm sao lo cho xuê.

Mỗi chiều đi làm về Đan hối hả chạy thẳng đến bệnh viện thăm tôi cho kịp giờ rồi mới về nhà nấu cơm. Chiều qua tan làm, Đan căng thẳng mệt mỏi vì việc sở, vì kẹt đường trên highway nên không còn sức vào thăm mẹ, về nhà nghỉ ngơi rồi ngủ thiếp đi. Thương con, tôi tự trách mình vô ý té ngã gãy chân phải vào bệnh viện thành kẻ vô tích sự làm phiền làm khổ lây cho con. Tôi nằm bệnh viện hai tuần Đan đã sa sút hẳn ra.

Trưa nay tâm sự với người bạn gần là chị Hảo rồi, lát nữa tôi sẽ bấm cell phone cho chị Tuyết người bạn ở xa để tâm sự tiếp cho vui nỗi buồn.

Ngày xưa tôi luôn tự hào mình đã nghĩ đúng làm đúng khi chủ trương chỉ đẻ một đứa con. Cha mẹ sẽ có thể chăm sóc dạy dỗ con đầy đủ cả tinh thần lẫn vật chất, nhà nghèo một con cũng đỡ vất vả hơn nhà nghèo đông con, nhà giàu một con càng sung sướng cho nó hơn, bao nhiêu tài sản của cha mẹ nó hưởng trọn.

Chị Tuyết là bạn thân cùng xóm với tôi thì ngược lại thích đẻ nhiều con cho vui cửa vui nhà và sau này tha hồ nương tựa con cái. Tuyết cẩn thận... trừ hao, con có đứa ngoan đứa hư, đứa này không hợp mình thì còn đứa kia, đứa nào chẳng may mất sớm thì vẫn còn những đứa khác.

Tôi biết thế và cũng đã từng thấy bác Hưng trong xóm có 2 con, một đứa đi tắm sông chết đuối ở tuổi vị thành niên, thằng còn lại vợ chồng bác cung quý như vàng ngọc, cho nó ăn học mong mai sau thành ông này ông nọ nhưng nó hư hỏng ăn chơi xỉ ke ma túy và chết vì ma túy. Tôi tin đó là phần số mỗi gia đình, nhà hai con, nhiều con hay chỉ một con cũng có may rủi, khổ đau và hạnh phúc. Thiếu gì nhà con một mà thành con đàn cháu đống vinh hoa phú quý.

Tuyết vẫn là đề tài cho tôi phê phán mỗi khi thấy bạn vất vả nuôi con.

Sau 1975 chồng đi tù “cải tạo” về, vợ chồng chị Tuyết lếch thếch với đàn con 5 đứa đi Long Khánh làm kinh tế mới. Hôm tiễn Tuyết tôi vừa tội nghiệp vừa mỉa mai trách bạn:

- Giá ngày ấy mày nghe lời tao đẻ một con thì vẫn ở thành phố cầm cự được. Thôi, hai vợ chồng cố cuộc đất trồng khoai nuôi đàn con nhé.

Còn tôi, cũng chồng đi “tù cải tạo” về, vợ chồng tôi bươn chải đủ sông nuôi con chẳng phải bán nhà đi kinh tế mới với đàn con nheo nhóc như Tuyết.

Vài năm sau vợ chồng Tuyết lên thành phố làm giấy tờ đi xuất cảnh diện HO tôi gặp lại toàn bộ gia đình họ. Hai vợ chồng vẻ khắc khổ lam lũ với 5 đứa con và đứa nhỏ nhất còn bế trên tay, vậy là về vùng kinh tế mới vợ chồng Tuyết vẫn... chưa chừa, đẻ thêm đứa nữa tổng số là 6 đứa con, chúng vừa quê mùa vừa nhút nhát lại làm tôi mỉm cười tội nghiệp lần nữa.

Gia đình tôi sang Mỹ diện HO sống tại bang Kansas cùng với thân nhân, cuộc sống hai vợ chồng với 1 đứa con bao giờ cũng nhẹ gánh lo và thanh thản, Con trai tôi ngoan ngoãn học giỏi tốt nghiệp kỹ sư làm hãng Boeing vợ chồng tôi thật vui mừng mãn nguyện.

Tôi từng khuyên Đan sau này lập gia đình đẻ một con thôi, sẽ có thì giờ và tiền bạc chăm lo cho con nên người.

Gia đình Tuyết ở Ohio theo người bảo trợ. Thỉnh thoảng chúng tôi liên lạc nhau qua điện thoại, thư từ.

Ngày nay nhìn cảnh gia đình Tuyết tôi...phát thèm. Vợ chồng Tuyết có một đàn con, đâu vào đâu cả.

Vợ chồng thằng con trai lớn không được đi Mỹ cùng cha mẹ, nay làm ăn thành đạt nhờ cha mẹ gởi tiền về giúp vốn, làm chủ một tiệm sửa xe và bán xe gắn máy ở Long Khánh.

Ở Mỹ 3 đứa con học hành xong và đi làm, còn 2 cô con gái lớn đều khá giả nhờ nghề nail, một đứa làm nail ở Texas, một đứa chủ tiệm nail ở Florida. Thỉnh thoảng vợ chồng Tuyết về Việt Nam chơi và thăm con trai lớn, nàng hãnh diện sung sướng không ngờ có ngày thằng con mình nghèo khổ từ trong ruộng rẫy Long Khánh tiến ra mặt phố làm ông chủ tiệm bán buôn lớn. Con đâu biết điều, biết công ơn cha mẹ chồng, khi cha mẹ từ Mỹ về, Tuyết thích gì, thềm ăn gì con đâu đều chiều chuộng hết lòng hết dạ..

Ở Mỹ vợ chồng Tuyết khi thì đi thăm con trai, khi đi thăm con gái, mỗi nơi chôn con sinh sống là mỗi chuyến du lịch thân thương. Tới mùa cây trái, con gái ở Florida gởi thùng nọ thùng kia trái cây vườn nhà nhân, măng cầu tươi ngon biểu cha mẹ.

Hiện nay vợ chồng Tuyết ở chung với thằng út kỹ sư còn độc thân. Tôi đã nhận ra ngày xưa Tuyết suy nghĩ đơn giản và thực tế khi đẻ nhiều con thế mà hay và chí lý ít ra cho chính gia đình Tuyết. Thuở con tôi lên bốn lên năm bé Đan đã từng vòi vĩnh:

- Mẹ đẻ em bé đi, con muốn có em để chơi với nó.

Tôi chỉ đóng đồ chơi và khoe:

- Mẹ mua cho con cả đồng đồ chơi xịn nè. Mai một mẹ mua thêm nữa.

Con lác đầu phụng phịu:

- Đồ chơi không biết nghe và không biết nói. Con muốn nói chuyện với em cơ

Tôi phải... đe dọa:

- Có em, nó sẽ giành đồ chơi, giành đồ ăn của con, nó sẽ cãi nhau với con, nó sẽ đánh nhau với con...

Bây giờ nghĩ lại thằng con tôi mới đáng tội nghiệp chứ không phải lũ con đông nhếch nhác của Tuyết, chúng có anh chị em vui vậy với nhau, còn con tôi, cả thời tuổi thơ thui thủi một mình với đồng đồ chơi không cảm giác, không biết nói cười và nổi cô độc ấy theo nó tới khi lớn lên, mọi thứ bổn phận trách nhiệm với cha mẹ lúc bình an cũng như khi hoạn nạn cũng chỉ một mình con tôi. Có anh chị em khi sa cơ hay lúc hạnh phúc với đây chúng sẽ bênh vực nhau, nhờ cậy, giúp đỡ nhau, chia sẻ buồn vui cho nhau chứ người dung nào sánh bằng.

Chiều nay đi làm về Đan vào thăm tôi, nó chưa kịp hỏi han mẹ thì tôi đã hỏi con trước:

- Con và người yêu định khi nào kết hôn?

Đan ngạc nhiên:

- Mẹ đang nằm bệnh viện mà hỏi chuyện hôn nhân của con làm gì?

- Mẹ muốn sau khi mẹ khỏi bệnh chúng con kết hôn. Nhé?

Và tôi dẹt ước mơ những điều lại rất thực tế:

- Con lấy vợ và đẻ nhiều con, cho mẹ thật nhiều cháu nội. Nhé?

Đan vui về kẻ:

- Ngọc Ngà có mấy anh chị em, vui lắm mẹ. Mỗi lần đến nhà nàng con cảm thấy ấm áp tình thân từ họ, những điều mà trong đời con chưa từng có. Cô ấy và con cũng muốn sau này sẽ có vài đứa con. Nhưng mẹ từng dặn dò con là lấy vợ chỉ để một đứa thôi mà.

- Mẹ sai rồi, càng ngày mẹ càng biết mình sai nhất là mấy tuần nằm bệnh viện làm con bận rộn trăm bề. Mẹ để gia tài cho con bao nhiêu cũng chẳng đáng giá bằng cho con tình thân ruột thịt anh chị em.

Đan khoe:

- Cuối tuần này Ngọc Ngà lại muốn vào thăm mẹ nữa đó.

Tôi mỉm cười vui mừng:

- Mẹ ấm lòng quá, mẹ đang tưởng tượng nhà mình có 2 người sẽ thành 3 và tương lai thêm một đàn cháu nội. Nhất định mẹ sẽ khỏi bệnh sớm để lo đám cưới cho con và cũng... nhất định mẹ sẽ khỏe mạnh sống lâu để vui hưởng hạnh phúc bên con cháu..

Nguyễn Thị Thanh Dương

BÀI THƠ EM VIẾT CHO TRIỆU NGƯỜI

Bài thơ em viết cho cuộc đời
Cho những ai tha thiết yêu người
Gọi tên nhau mùa hè gọi nắng
Tìm nhau hoa cải bay về trời.

Em làm thơ cho khắp thế gian
Cho triệu người lạ mấy người quen
Trái tim nào cũng là ẩn số
Biết đâu anh sẽ là nhân duyên.

Đừng đổi thay nhau như gió mùa
Em bây giờ sẽ thành người xưa
Anh hôm nay sẽ là quá khứ
Ngọn gió mùa nào chia cách ta.

Anh ơi con đường dài cái quan
Hay con đường ngắn chẳng mang tên
Dù con đường vui hay đau khổ
Anh hãy đi đến cuối đời em.

Bài thơ em viết cho triệu người
Cho những buồn vui ở khắp nơi
Cuộc sống cho em niềm cảm hứng
Tìm em giữa những chuyện khóc cười.

Bài thơ em đã viết xong rồi
Thơ em là biển, sóng ra khơi
Thơ em sông núi vào giấc mộng
Vào cõi thiên thu chẳng cạn lời.

Nguyễn Thị Thanh Dương

Khu Vườn Quốc Văn

Lớp năm lên lớp sáu (trước kia gọi là lớp nhất tiểu học lên đệ thất trung học) là một bước ngoặt thật đặc biệt trong đời học trò. Từ những đứa con nít lóc chóc ở tiểu học, chúng tôi tập tành khoác vẻ yếu điệu của thiếu nữ. Thi đậu vào lớp sáu trường trung học công lập của tỉnh Quảng Ngãi là niềm hãnh diện lớn của học trò thuở ấy. Niên khóa 1971-1972, với niềm vui choáng ngợp trong tim, tôi hân hoan mang bảng tên thêu trên áo, Hoàng Thị Ngọc Thúy, lớp Sáu Bốn, trường Nữ Trung Học Quảng Ngãi. Ngày ấy, học sinh phải thêu tên trường vào bảng tên, để nhìn vào, biết, học sinh của trường nào. Nữ sinh thường thêu bảng tên bằng mũi thụt lùi hoặc thêu theo kiểu chữ x.

Chúng tôi bắt đầu làm quen thế giới học đường của người lớn. Ngoài những môn đã có ở tiểu học: Việt Ngữ, Toán, Sử Ký, Địa Lý, Khoa Học Thường Thức, Thủ Công, Dưỡng Nhi, Đức Dục và Công Dân Giáo Dục, chúng tôi học nhiều môn mới như Lý Hóa, Vạn Vật, Sinh Ngữ (Anh Văn hoặc Pháp Văn). Môn Nhiệm Ý của nữ sinh là Nữ Công.

Ở trường Nữ Tiểu Học, suốt niên học chúng tôi chỉ học một thầy giáo hoặc một cô giáo. Điều thay đổi lớn ở trung học là, chúng tôi học với nhiều thầy cô, dạy từng môn học khác nhau. Tôi mê học từ bé tí. Hầu như môn học nào cũng đem đến cho tôi niềm yêu thích. Lên trung học, tôi mê nhất môn Việt Văn hay còn gọi là Quốc Văn, bao gồm Cổ Văn và Kim Văn.

Giáo sư Việt Văn đầu tiên của tôi là cô Nguyễn Thị Thu. Cô Thu người Huế, theo chồng vào Quảng Ngãi. Chồng cô là giám đốc Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp. Trong mắt tôi ngày ấy, cô Thu đẹp như tiên giáng trần. Khuôn mặt cô tươi tắn, má hồng, môi thắm. Tôi yêu những giờ học với cô Thu. Có lẽ một phần vì cô nói giọng Huế. Nghe cô nói, tôi liên tưởng đến giọng ru, giọng hò của Mẹ tôi. Cô Thu dạy những bài ca dao, tục ngữ, bài vè... Bao nhiêu năm qua, tôi vẫn mừng rỡ được giọng đọc êm mượt của cô Thu. Trí tôi còn giữ lại nhiều câu ca dao, được nghe, được học từ thuở mới vào trung học.

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con

Hoặc bài:

Bớ thắm ơi, bớ thiết ơi,

Thân em như trái hồng đào trên cây

Gió đông gió tây gió nam gió bắc

Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành

Một mai rụng xuống biết vào tay ai

...

Sáng lần nhớ trưa lần thương

Anh thương em nhưng bác mẹ họ hàng chẳng thương

Cô Thu tập cho chúng tôi ca:

O tròn như ông trăng thu

O tròn như ô che mưa

Mẹ ơi mua bánh trung thu o tròn...

Giờ đây bài hát có lẽ đã tuyệt chủng. Tôi đã nhờ ông thám tử Gò tìm khắp, mà chẳng thấy bài hát này. Chỉ mấy câu hát đơn sơ, nhớ đến cô giáo, lòng tràn đầy những kỷ niệm ngọt ngào.

Sau đó, chúng tôi học với cô giáo Phan Ái Đông một thời gian ngắn. Cô Ái Đông xinh ơi là xinh, dễ thương như búp bê. Đôi mắt cô tròn xoe, đen láy. Cô nói giọng Huế nghe thiệt ngọt ngào, êm dịu. Cuối giờ, cô giáo, học trò có màn văn nghệ bỏ túi. Cô hát “*Anh sẽ về, em ơi anh sẽ về, về nơi ngôi nhà vách đất với hàng cây xanh... Anh sẽ về, em ơi anh sẽ về (em ơi anh về), Về nơi ngôi nhà, vách đất với hàng hoa thơm..*”. Thuở ấy, tôi còn nhỏ lắm, chẳng hiểu nội dung bài hát. Nhưng tôi vẫn thích, vẫn yêu bài hát. Có lẽ đơn giản, chỉ vì lời ca trở nên rõ ràng từ đôi môi duyên dáng của cô Ái Đông. Mãi về sau, tôi mới biết, đó là bài *Anh Sẽ Về*, thơ Khê Kinh Kha, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa trong chương trình du ca phổ nhạc.

Năm lớp Tám, sự xuất hiện của giáo sư Việt Văn trẻ, với kính mát màu trà nhạt, kiêu gọng phi công, cộng thêm hàng ria mép bí hiểm đã gây xôn xao trong đám học trò. Đến nhận lớp, thầy viết tên thầy lên bảng đen, cất giọng bằng giọng Huế đặc sệt, “Tôi, Trần Duy Kiên Ái, tức là người duy nhất biết yêu và ngưỡng mộ cái đẹp.” Thầy Ái thường mặc áo sơ-mi màu nhạt ở trong, ngoài thêm áo len trắng ngà, hoặc xám, cổ trái tim, có khi, kèm khăn quàng cổ nhỏ kiểu cao-bồi. Đối với các chị lớn trung học đệ nhị cấp, có lẽ thầy mang hình ảnh anh *hippie* trẻ trong bài *Bình Ca Số Một* của Phạm Duy:

*Này em đã tới giờ
Mẹ đưa em đi chợ
Từ sáng mãi tới trưa, còn lưa
Rồi khi đưa nhau về
Gặp anh hippie trẻ...*

Thầy Ái đưa ra vài luật lệ, nhắc nhở học trò tuân thủ. Ví dụ như “không nói chuyện trong giờ học, không ăn vụng trong lớp.” Thầy Ái đã tưởng tượng một tai nạn hải hùng. Một trò ăn me xong, nhả hột ra giữa lối đi. Trò khác đi qua, trượt té, chiếc guốc văng xa, trúng đầu một trò ngồi đầu bàn, trò té nghiêng người, kéo theo hai ba trò nữa... Thầy nói: “Cho nên, tôi sẽ cho năm điểm xấu và đuổi ra khỏi lớp, nếu bắt gặp ai ăn vụng.”

Nhiều trò đã từng bị thầy “trục xuất” ra khỏi lớp vì tay... viết, hàm nhai trong lớp. Thầy Ái thổi vào trường Nữ Trung Học ngọn gió trẻ trung, mới lạ. Có những bài Kim Văn đã in sâu vào trí nhớ tôi như bài *Đất Mẹ*:

Đất mẹ là gì, Đất Mẹ là một mảnh đất hoang vu, có khi lầy lội... Thôi, mang về đi, đất Mẹ không nhận đâu, đâu có phải là con của Mẹ.

...

Hoặc bài *Hoa Học Trò* của Xuân Diệu:

Phượng không thơm, phượng chưa hẳn đã là đẹp, nhưng phượng đỏ và phượng nhiều, phượng cả khung trời đỏ rực mênh mông... Học trò đã về hết, hoa phượng rơi, hoa phượng khóc...

Thầy Ái ra đề bài luận văn, “Ước Mơ Nghề Nghiệp Tương Lai”. Một bạn, có chị là cô giáo Ngọc Bích, chắc hẳn là thần tượng lớn nhất của bạn. Bởi vậy, bạn xuất thần, viết bài văn ước mơ trở thành cô giáo, là “tuyệt tác”, được điểm rất cao. Có bạn ước mơ làm chính khách ngoại giao, có bạn mơ làm phi công. Đặc biệt, một bạn có “nghề” ăn vụng trong lớp, nghịch ngợm, ước mơ đi buôn lậu, lúc nào cũng thủ sẵn xoài xanh, cóc, ổi, huê mít, ô mai, xí muội, để lỡ bị bắt, có sẵn quà, hồng hổi lộ quan chức. Bài luận không được điểm cao nhất, nhưng ngộ nghĩnh, được thầy Ái đọc trước lớp cho mọi người cùng nghe.

Thường cuối giờ học, các thầy cô dạy chúng tôi tập hát. Với thầy Ái, chúng tôi ngheu ngao bài hát thật dễ thương:

Từ đằng xa nơi xa tí xa

*Cây đàn yêu dấu vác trên bờ vai
Về nơi đây lang thang phát phơ
Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi
Trời ào mưa hôm tôi bước đi
Qua ngày sau đó nắng khô tạnh ngay
Mặt trời lên nung tôi chín quay
Hỡi người yêu có thấu cho thân này
Em yêu dấu hỡi, có sao em không nhìn tôi...
Nhìn ra em chao ôi ngất ngây
Tôi mừng tôi bỗng ngã quay ra đường.*

Trong lớp, nhiều trò nghịch phá dữ lắm. Có lần, bắt gặp học trò ăn vụng, thầy Ái phạt 5 điểm xấu, nghĩa là bị trừ thành 25 điểm học. Như vậy, cuối tháng sẽ đội sổ. Thấy trò rầu rĩ, thầy Ái tội nghiệp, xuống giọng từ bi: “Tôi tha. Lần sau không được tái phạm nghe chưa.”

Giáo sư Việt Văn năm lớp chín là thầy Nguyễn Đức Tập. Thầy Tập người tầm thước. Có lẽ thầy là một trong những giáo sư lớn tuổi nhất trong trường. Thầy rất nghiêm, nói năng chậm rãi, kỹ càng từng lời, từng chữ, đúng phương châm *nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy*. Thầy Tập dạy chúng tôi các bài thơ phú của Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương. Trích giảng những bài thơ của Cao Bá Quát, cũng như những bài thơ xướng họa của Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị. Trong giờ Kim Văn chúng tôi học thêm nhiều bài văn nghị luận của Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim.

Những niên học cuối của trung học đệ nhất cấp, chúng tôi học thuyết trình. Đề tài là các tác phẩm của *Tự Lực Văn Đoàn*. Nhóm thuyết trình bốn, năm trò, chia nhau công việc: người làm sơ lược tiểu sử, tác giả, tóm tắt nội dung tác phẩm, phân tích bố cục, chủ đề, nhân vật... Cảm giác đứng trên bục giảng trình bày, nhìn xuống thầy thầy, cô, bạn bè, ngồi dưới lắng nghe, vừa hồi hộp lo lắng, xen lẫn chút hãnh diện với cảm tưởng rằng mình thành người lớn.

Qua lời giảng dạy của các giáo sư Việt Văn, chúng tôi được biết bài thơ Hán văn thất ngôn tứ tuyệt nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Chúng tôi được nghe những vần thơ của Nguyễn Công Trứ, dẫu được viết đã gần hai thế kỷ trước, mà ý tứ vẫn hợp thời, chữ nghĩa vẫn mạch lạc trong suy nghĩ ngày nay. Sắp sửa thi cử, chúng tôi có thể mượn đôi lời trong *Đi Thi Tự Vịnh* để dặn lòng mình:

*Đi không há lẽ trở về không?
Cái nợ cầm thư phải trả xong.*

...
*Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông.*

Hoặc, khi lòng băng khuâng, chúng tôi ngâm nga mấy câu trong bài *Cây Thông*:
*Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.*

...

Chúng tôi được học *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi. Mấy chục năm sau, khi được làm mẹ, mặc dù con tôi ra đời ở Âu Châu, tôi vẫn nghiêm chỉnh ru con:

*Dạy từ thừa hầy còn trướng nước,
Yêu cho đôn bắt chước lầy người,
Trình thừa, vâng dạ, đứng ngời,*

...

Những câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm vẫn luôn là trải nghiệm trong cuộc sống, bất kể lúc nào, nơi nao:

*Thế gian biến đổi vũng nên đời
Mặn nhạt, chua cay lẫn ngọt bùi
Còn bạc, còn tiền còn đệ tử
Hết cơm, hết rượu hết ông tôi
Xưa nay đều trọng người chân thực
Ai nấy nào ưa kẻ đãi bôi*

Trong trí chúng tôi vẫn còn văng vẳng những câu thơ trong bài *Qua Đèo Ngang* của bà Huyện Thanh Quan:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta*

Bạn bè gặp nhau, chúng tôi có thể mượn đôi câu thơ *Bạn Đến Chơi Nhà* của Nguyễn Khuyến, để đưa đầy chọc ghẹo cho vui:

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.*

....

Bác đến chơi đây, ta với ta

Hồi tưởng thuở học trò, nào ai quên được đoạn văn *Tôi Đi Học*, trong *Quê Mẹ*, tập truyện đầu tay của Thanh Tịnh, viết năm 1941.

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. (...)

... Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Tôi như nghe được giọng run run của người vợ trong truyện *Anh Phải Sống* của Nhất Linh và Khái Hưng:

- Thằng Bò! Cái Nhon! Cái Bé!... Không!... Anh phải sống!

Hoặc tiếng reo của đứa trẻ trong *Nhật Lá Bàng* của Nhất Linh:

- Gió lên... lạy giờ gió nữa lên

Tôi như thấy cảnh khốn cùng của gia đình nghèo trong truyện *Nhà Mẹ Lê*, tập truyện ngắn *Gió Đầu Mùa* của Thạch Lam

... Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con.

...

Mùa rét thì giải ổ rom đây nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc.

Nhiều năm rồi, chúng tôi vẫn còn nhớ đôi câu đặc biệt trong bài nghị luận *Xét Tật Mình* của học giả Nguyễn Văn Vĩnh, phần nói về tật *Gì Cũng Cười*:

An Nam ta có một thói lạ là gì cũng cười. Người ta khen cũng cười, chê cũng cười... Hay cũng hì, mà dở cũng hì, quấy cũng hì, phải cũng hì. Nhân rằng hì một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang...

Bốn năm trung học đệ nhất cấp ở Nữ Trung Học (niên khóa 1971-1975), chúng tôi thật may mắn, đã được những giáo sư Việt Văn tuyệt vời dìu dắt chúng tôi vào khu vườn Quốc Văn. Giữa muôn vàn hoa thắm, lá xanh của văn chương, của chữ nghĩa tiếng Việt, chúng tôi đã được học hỏi, được thưởng thức biết bao nhiêu lời hay, ý đẹp. Qua lời giảng của các thầy cô Việt Văn, chúng tôi được nghe, được đọc, được hiểu những áng văn, vần thơ điệu kỳ.

Thật tiếc, biến cố 1975 đã đến như cơn lốc dữ, khi chúng tôi đang học lớp chín, năm cuối của trung học đệ nhất cấp. Chúng tôi vượt mất cơ may được làm quen, được tìm hiểu những kiệt tác văn học, tác phẩm bất hủ trong văn chương Việt Nam dưới sự hướng dẫn của các giáo sư quốc văn của nền đệ nhị cộng hòa. Bởi vì, *Chinh Phụ Ngâm Khúc*, *Cung Oán Ngâm khúc*, *Hoa Tiên Truyện*, *Đoạn Trường Tân Thanh*... thuộc chương trình quốc văn của trung học đệ nhị cấp. Đó cũng là một trong những thiệt thòi, mất mát lớn của đời học trò chúng tôi. Sau 1975, giờ quốc văn nặng nề như những giờ chính trị, nhồi nhét vào đầu óc học trò chúng tôi những thơ văn khẩu hiệu, tuyên truyền, thiếu tính chất văn chương. Thật ra, chúng tôi có giờ học về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Nhưng các thầy cô phải giảng dạy chúng thôi theo chiều hướng bó buộc gượng ép, áp đặt những tư tưởng lạ lẫm vào văn chương của thi hào Nguyễn Du. Bởi thế, có thể chúng tôi hiểu lệch lạc về kiệt tác của văn học Việt Nam.

Tôi được biết thầy Tập hiện sống ở Quảng Ngãi. Những dịp Hội Ngộ Trường, thầy đến dự được. Thật tiếc, đến nay tôi chưa có dịp gặp lại thầy. Cô Ái Đông và thầy Ái thì biệt vô âm tín.

Tôi có duyên gặp lại cô Thu ở Sài Gòn vào năm 1980. Lên đại học, tôi là học trò của thầy Nghệ, giáo sư chủ nhiệm khoa Anh Văn của Đại Học Sư Phạm. Cô Thu là em của thầy Nguyễn Văn



Cô giáo và học trò, 05.2022

Nghệ. Về sau, gia đình cô Thu qua Tây Đức. Vợ chồng cô Thu là thân hữu của Ba Mạ tôi cũng như của cả gia đình chúng tôi. Nhờ duyên lành đưa đẩy, đầu hè năm nay 2022, cô Thu cùng chị em tôi du lịch ở miền nam nước Ý. Lúc nhàn nhá dạo chơi những làng quê, hoặc ngồi nghỉ chân ngắm trời mây của vùng Puglia, cô trò ôn chuyện cũ của nửa thế kỷ trước. Cũng với giọng Huế ngọt ngào, cô nhắc lại thuở cô còn là cô giáo trẻ, theo chồng về xứ Quảng, gặp con bé học trò đồng hương. Cả cô lẫn trò đều bồi hồi cảm động.

Năm 2015, nhân Hẹn Mặt Liên Trường ở Hoa Kỳ, vợ chồng tôi cùng đi với chị tôi, chị Hoàng Thanh Tâm, đến thăm cô Lê Thị Đường tại tư gia. Chúng tôi được thưởng thức bữa ăn đậm đà hương vị quê nhà. Được nghe giọng nói nhỏ nhẹ rất Huế của cô. Khi chúng tôi bịn rịn từ giã, cô Đường trao cho một giỏ thức ăn với lời nói đầy ấp tình thương, “Cho các em đi đường. Thì cứ nghĩ giống như con về thăm mẹ. Lên đường, mẹ bới xách làm quà cho con.” Tuy không học môn quốc văn với cô Đường, nhưng tình yêu thương của các cô dành cho học trò, cũng như những lời văn, vần thơ rất đẹp vậy.

Thầy cô kính yêu, học trò chúng con luôn khắc ghi trong tâm lời dạy bảo của thầy cô, *tiên học lễ, hậu học văn*. Giờ đây, đã gần năm thập niên rời xa mái trường Nữ Trung Học, nhưng những giờ học Việt Văn, hình bóng các thầy cô vẫn thật kỳ diệu trong ký ức hoa mộng thời niên thiếu của chúng con. Kỷ niệm thời học trò là hành trang quý giá, dễ thương cho chúng con mang trên vai. Giữa những bận rộn của cuộc sống, khi chúng con chậm bước, dừng

lại, mở những trang sách kỷ niệm, lòng bồi bồi nhớ một thời đã qua. Những khoảnh khắc hạnh phúc êm đềm thật sự thặng hoa cuộc sống của chúng con. Giữ cho chúng con được niềm tin yêu sáng mãi trong tim, được nụ cười tươi mãi trên môi.

Chúng con xin gửi đến thầy cô những lời tri ân chân thành. Cầu mong thầy cô luôn được dồi dào sức khỏe, thân tâm an lạc, để chúng con có thêm được nhiều dịp hội ngộ cùng thầy cô kính mến.

Hoàng Quân

CHIA ĐAU CÙNG EM

Quà quý giá gửi đi
Hy vọng người nhận thích
Nghe hạnh phúc diệu kỳ
Tích lũy niềm vui lớn:

Giúp ích!

Ý Nga, 5.7.2022

SAO LÀM GƯƠNG CHO TRẺ?

Nhích lại nhóm Phản Bội
Hại anh em cùng Nhà
Tự khen rằng: “*Nổi trội!*
Đã kịp thời đời qua!”

Nhìn bọn Đồ trị Quốc
Thấy chút gì tề Gia?
Mà “*dời qua, nhích lại*”
Chạy theo Việt gian kia?

*

Leo núi Đồ: nhắm mắt,
Dẫn dắt trẻ đưa chân?
Sao không tự độc mã
Phi... một mình đơn thân?

Không một chút thành ý
Nói gì chuyện chính tâm?
Bao công lao vun xén
Dem đập đổ sai lầm!

Điều gì không chính nghĩa
Chẳng thể nào trường tồn
Hướng Đạo Quốc Gia thọ
Nhìn Việt gian chết non:
Lao theo con cái Cộng?
Chẳng có cái chi còn!

Đầu hàng khi cầm Đuốc

NÓN LÁ BÀI THƠ

(Nhớ về đi Tư chăm nón hàng xóm và các Anh Chị.)

*

Ngày xưa nón lá bài thơ
Đội hoài, thơ thắm, mơ mơ màng màng
Bao thơ theo nón tiềm tàng
Ơn ai tuyệt tác: thơ mang đội đầu!

Những câu thơ tỏa ngọt ngào
Nên thơ mời gọi, ý vào sáng soi!
Chữ nhiều, nghĩa lắm, trau dồi
Tìm tòi, học hỏi... Thương ơi tiếng... mình!

Ý Nga, 5.7.2022

NHỚ HỌC TRÒ NGOAN

Những ngày cầm phấn, tay lem
Xa lơ, xa lắc còn thèm cầm thêm
Trò: ngoan, lễ phép, phá ngầm
Cho dù lí lắc vẫn kèm thiện ngôn.

Thế rồi cầm viết, bảng trơn
Chữ đôi khi trượt chập chờn biển Đông
Thương thuyền nhân, nhớ ruộng đồng
Thương bao nhiêu trẻ học trong cơ hàn.

Viết màu, phấn trắng, bảng đen
Toán chia bên Ý, chữ san bên này
Cộng, nhân, san sẻ bao ngày
Bây giờ ngồi nhớ cả bấy trẻ xưa.

Ý Nga, 5.7.2022

LÍNH LẠ

Học trò về phép ghé thăm
“*Thưa cô...*” đầu cúi, da ngăm, tay vòng
Em trong quân phục, cao ngồng
Tôi nhìn ngơ ngẩn, rần rờ đoán ai?

Kẻ phản bội về đâu?
Xin Anh Em sáng suốt
Can đảm đi **hàng đầu**:

Soi sáng và giữ Lửa
Vạch mặt phường Việt gian,
Chỉ rõ tên từng đũa
Đâm lén, đang kẻ gần.

Nữ giới không ai ngại,
Nam nhi chẳng thể hèn
Dung dưỡng phường đánh lén?
Trẻ lấy gì để khen!
Ý Nga, 5.7.2022

Mãi rồi cũng biết lính tài
Là anh lí lắc học bài siêng năng
Giờ chơi vẽ súng: **Pằng! Pằng!**
Hèn chi chọn nghiệp nhọc nhằn chí trai!

Em than: “*Ước có mãi Thầy
Dạy em luyện võ như ngày hồn nhiên*”

Nén hương em khấn: “*Thầy thiêng
Xin theo phù hộ em yên ổn đời
Mai này giải ngũ em thời
Theo cô học tiếp chữ, lời cho thông!*”

*

Thương em chiến trận lòng vòng
Nghe tin thầy mất có lòng ghé qua
Ôm thẳng bé cứ vùi quà
Mà lo cho trẻ bôn ba chiến trường!
Ý Nga, 5.7.2022



Yêu trong những cung nhạc trầm - Tranh Đặng Mậu Tựu

Thế kỷ trước, truyện *Ví Dụ Ta Yêu Nhau** của một nhà văn trẻ đã làm bao nhiêu “kẹp tóc”, “húi cua” say mê một thời. Thế kỷ này, các cô, các cậu ngày xưa, giờ đây là những bà, những ông với mái tóc mặn mà, ít tiêu nhiều muối, có phút chạnh lòng chẳng, khi nghe những ví dụ dưới đây?

Ví Dụ Một: Ví Dụ Họ Gặp Nhau Vài Thập Niên Trước

Văn phạm Việt ngữ chẳng thể làm nổi bật sự không tương của trường hợp này. Tuy nhiên, người ta có thể cho trí tưởng tượng bay bổng, để bắt gặp những hình ảnh rất dễ thương. Hai nhân vật ấy gặp nhau, cậu bé mười tuổi, cô bé tám tuổi. Cậu bé đọc sách, đọc thơ rất sớm. Cậu nắn nót chép mấy câu thơ của thi sĩ Xuân Diệu:

*Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo,
Tình thì buồn như tất cả chia ly
Xếp khuông giấy mang hoài trong túi áo,
Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.*

Cô bé lờ mờ hiểu “thư thì mỏng” nghĩa là gì. Mà, “suốt đời mộng ảo”, cô bé đành chịu thua. Nhưng cô bé thấy những vần thơ hay quá chừng (có lẽ vì do cậu bé chép cho cô). Hình như thi sĩ viết “*Giấy phong kỹ mang thầm trong túi áo*”. Mặc kệ thi sĩ, cô bé thích vần thơ nhớ nhảm của cậu bé hơn. Cô bé tìm trong tự điển Việt Nam không có chữ “khuông”. Không sao, cô bé vẫn giấu tờ thơ trong tập vở, lâu lâu mở ra đọc, dù cô đã thuộc lòng rồi.

Cô bé kể cho cậu nghe, rằng, cô thích bài hát *Kiếp Nào Có Yêu Nhau*, dù cô chẳng hiểu gì cả. Cậu muốn “nghiên cứu” lời của bài hát để cắt nghĩa cho cô bé nghe. Cậu do dự, cô bé còn nhỏ xíu, bài hát lại quá buồn. Thôi, cậu chỉ thích nghe tiếng cô bé cười trong trẻo, như khi cậu hái hoa ngọc lan, hoa phượng tặng cô. Cô bé mân mê vuông giấy trắng, có cánh phượng ép hình con bướm bướm. Đôi mắt cô bé sáng rỡ, vui sướng.

Có những trưa, cậu bé đi bắt cá đây kia, bỏ cá vào những hũ chao, cho cá đá. Cô bé dặn nhỏ cậu, chỉ đá cá, chớ đừng lẩn dưa. Lúc cả gan, cậu đến nhà cô, bắt cá từ bể tròn to trong vườn. Nhà có con chó mực giữ vườn. Ai lạ mặt lảng vảng, con mực um sùm lên tiếng. Khi biết “ý đồ” của cậu với mấy con cá lia thia nhà cô, cô vượt đầu con mực, năn nỉ nó đừng sủa, để yên cho cậu bắt cá thật nhanh. Kéo anh cô bắt gặp, không chừng có ấu đả. Cô bé không muốn cậu bé bị ăn đòn.

Cậu bé vào trung học. Cậu thông minh, học giỏi, mà phá nghịch quá. Cậu mê chơi *bi-da*. Thấy những bước chân của khách bộ hành, cậu tưởng tượng đến những đường banh. Tối nào, Ba cậu cũng kiên nhẫn chờ cậu về để đóng cửa ngõ. Thịnh thoảng tròn học, cậu say sưa với cơ, banh, phần ở tiệm *bi-da* nào đó. Một buổi sáng cuối tuần, cậu đang ngủ ngon. Ba cậu vào phòng, đánh thức, “*Dậy đi con, tới giờ đi chơi bi-da rồi*”. Cậu chột tính, không bỏ học, không chơi *bi-da* nữa.

Cô bé phụng phịu kể cậu nghe, mấy đứa bạn chọc ghẹo cô, tóc bum-bê chề chồng. Cậu phồng mang, trợn mắt, nổi máu du côn, hỏi đứa nào, để cậu lấy ná bắn. Cậu thấy tóc bum-bê của cô bé ngắn thiệt, nhưng trông ngồ ngồ. Cậu nói, cho dù tóc cô chỉ còn một chỏm như chú tiều trong chùa, cậu vẫn thấy cô dễ thương như thường. Cô yên tâm, cười toe.

Lên trung học đệ nhị cấp, cậu chọn ban văn chương. Suy nghĩ của cậu lớn dần theo thời gian. Chiến tranh lan rộng. Cuộc sống ở tỉnh lỵ chìm trong không khí nặng nề. Cậu cảm thấy bài vở chữ nghĩa phù phiếm, xa rời cuộc sống bấp bênh, trắc trở bấy giờ. Nhiều giáo sư của các trường trung học tham gia phong trào đấu tranh. Có những xung đột giữa chính quyền và những người “đứng dậy”. Cậu hăng hái góp mặt vào hoạt động đang bùng bùng ở các trường trung học. Cô bé ngưỡng mộ hồn văn, lòng thơ của cậu. Nhưng cô lộ vẻ bất an, khi nghe cậu sôi nổi về những sinh hoạt của cậu và các anh chị trung học đệ nhị cấp. Bao người xôn xao khi rạp *xi-nê* trong phố trình chiếu phim *Mối Tình Romeo và Juliette*. Rạp xi-nê đã có lần bị đặt chất nổ. Vì thế, cô bé chưa bao giờ

được phép đi xem chiếu phim. Cô chỉ biết len lén đọc lời bài hát của phim “*Giây phút êm đềm ngày ta gặp nhau..*”. Cô bâng khuâng. Cô mơ màng. Cậu nghĩ, tội nghiệp cô bé. Ph”ài bù đắp cho cô. Cậu đọc cho cô nghe bài thơ *Guốc Gỗ* của người bạn thi sĩ cùng trường. Cô sẽ *Guốc gỗ trưa về khe khẽ nhip, để cậu nghe khua động xáo tâm hồn.*”

Sau những biến động của cuộc sống, cậu bé, cô bé từ già tinh lý, vào sống ở chốn phồn hoa đô hội. Bây giờ họ đã thành chàng và nàng. Chàng vào đại học. Nàng tiếp tục trung học. Chàng thường chờ nàng ở con đường nhỏ gần trường, đầy cây xanh, đón nàng đi học về. Rủ nàng đi ăn chè đậu xanh, đậu đỏ ở cạnh ngôi chùa nổi tiếng. Chàng lóng ngóng chờ nàng tan trường. Chàng và nàng có nhau. Tưởng như tự nhiên của đất trời:

*Trời sinh mưa nắng hôn nhau
Gió hôn ngọn cỏ, ao sâu hôn bèo
Cớ sao em chẳng làm theo
Mình hôn nhau ấy là theo lẽ trời.
(Hôn Nhau, Văn Viết Lộc)*

Nàng nguyệt chàng một cái sắc lẽm. Rồi cúi đầu, nhìn chăm chăm mặt đất. Có lẽ nàng thấy trái đất thật đẹp, vì có chàng. Hay nàng đang mím môi nói thầm, sao chàng quý quái quá vậy. Chàng tính toán, nếu mình theo lẽ trời, nàng sẽ phản ứng thế nào. Chàng biết, nàng rất hiền, không bao giờ dùng võ lực. Chàng chẳng cần bận tâm trường hợp năm ngón tay đỏ hồng lên má chàng. Nhưng chàng cũng biết, nàng rất “nghiêm”. Hình như nàng đã kể, có lúc nàng thích đi tu. Trời ơi, sự sôi nào yên lòng tụng niệm, khi thấy cặp mắt đầy tục lụy của nàng. Nếu nàng nhất định xuống tóc, chàng sẽ thành tâm lui tới chốn cửa Phật. Chàng cảm hứng:

*Có chàng đội gạo lên chùa,
Theo o sư nhỏ học nghề làm tương.
Chao ui, tiếng Huế dễ thương,
Một, hai, ba, bốn là thành tương tư...
Mà sao tâm tính của sư,
Cũng mang tục lụy của người trần gian.*

...

*Sư cô tính giống Nghi Lâm,
Cắt dây chuông đứt, bỏ chùa đi chơi.*

Ừa, chàng lạc đề xa lắc, xa lơ rồi. Bịnh lạc đề chàng lây của nàng tự hồi nào không hay. A, nàng không dùng võ lực. Nhưng “văn lực” của nàng thâm hậu lắm. Chàng trấn an mình, nàng nhất định không giận chàng. Vì chàng có làm gì nên tội, ngoài tội thương nàng. Nếu nàng cứng đầu, bảo đó là tội, chàng sẽ hùng hồn cho nàng biết, nàng cũng có tội, tội thương chàng. Chàng chưa bao giờ hỏi. Nàng chẳng bao giờ chịu nói, mà chỉ hát nhỏ “*niềm thương không nói nên lời...*” Chàng nghĩ, chàng sẽ không bao giờ hỏi. Không khí hạnh phúc chàng thờ, những thương yêu chật cứng trong tim chàng, đã là câu trả lời đầy đủ nhất. Dù nàng chưa là sinh viên, chàng sẽ rủ nàng đi dạo trên “*con đường Duy Tân cây dài bóng mát...*” Chàng sẽ mời nàng “*uống ly chanh đường...*”

Nàng ở tỉnh lý suốt tuổi thơ của nàng, mà rất mù mờ về địa lý của nơi ấy. Khi bé tí ti, nàng nghe lóm bài thơ tả về những con đường. Nàng nhớ lồm bồm mấy câu:

...

*Con đường Trần Thúc Nhẫn hoa thơm,
Hoa thơm hay tóc em thơm ngát,*

Anh muốn hôn lên đôi mắt hay hôn...

Nàng hỏi chàng con đường đó ở đâu. Chàng vênh mặt lên lớp. Càng cắt nghĩa, nàng càng rối rắm. Nàng cho sông này chảy nhằm qua hồ kia, cho núi này che mắt đôi nọ. Chàng bèn sáng tác ra Bến Thương Thương. Nàng nghĩ mình dốt, nên đứng dựa cột mà nghe, hỏi, “Bến đó nằm ở đâu?” Chàng sung sướng, nhìn nàng trúng kế. Bến đó ở trong mộng tưởng của hai đứa mình đó. Nàng không háy chàng, chỉ bẽn lẽn. Chàng mời nàng dạo thuyền ở bến mơ. Nàng ngoan ngoãn nhận lời. Nhưng lo lắng, nàng không biết bơi. Chàng trấn an, nhờ nàng té xuống nước, chàng sẽ nhảy ùm theo xuống, cứu nàng, cõng nàng lên lưng, đưa nàng vào bờ bình an. Hình ảnh tưởng tượng đó làm chàng cười tùm tùm. Nàng vờ như không nghe.

Nàng chưa bao giờ đọc một trang sách kiếm hiệp. Dù vậy, chàng thấy nàng khôn lanh như những nhân vật nữ trong *Cô Gái Đồ Long*. Nàng thủ thi, chàng đôi lúc giống lãng tử. Chàng lim dim tưởng tượng chân dung của mình “*Người nghệ sĩ lãn lóc gió sương. Tơ đàn say đắm quên sầu thương.*” Bỗng, giật bản người, nghe nàng dịch tiếng Việt ra tiếng Việt, lãng tử là chết lãng xẹt. Chàng nhận xét, khả năng “tư duy” của nàng ngang hàng với Châu Bá Thông.

Chàng và nàng nói chuyện với nhau trên cùng tầng số. Các xưởng sản xuất pháo bông sẽ phải dần dà đóng cửa. Vì, những đôi thoại của chàng và nàng là những bông pháo rực rỡ, biến mỗi ngày thành một sự kiện tươi đẹp, thăng hoa cuộc sống trần gian. Các nhà sinh vật học vinh danh con cóc, như một biểu tượng của ngôn ngữ tình yêu. Những bài thơ con cóc, chàng và nàng làm cho nhau, ngân vang như những giai điệu tuyệt vời làm chàng yêu nàng và yêu cả nhân loại. Những câu lục bát ngúc ngoác lại diu dặt như những cung bậc du dương làm nàng yêu chàng và yêu cả thế gian. Các tự điển của hàn lâm viện càng lúc càng dày thêm. Vì trong mỗi lá thư chàng và nàng viết cho nhau, họ luôn sáng chế thêm chữ mới. Các sách viết về thần giao cách cảm thu hút sự chú ý của cả loài người. Y học, tâm lý học, triết học... đưa ra nhiều giả thuyết, lý luận, nhưng không có sự giải thích thỏa đáng cho hiện tượng này. Chỉ chàng và nàng và những người yêu nhau mới có đầy đủ chứng cứ.

Có lần chàng sợ ý viết nhằm dẫu hỏi, ngã. Như một cô giáo tận tâm, nàng cắt nghĩa rành mạch sự khác biệt, rồi nhắc nhở chàng:

*Trời sinh tiếng Việt thiệt hay,
Hỏi ngã lộn xộn, có ngày chết tươi.*

Thỉnh thoảng, chàng giả vờ lộn xộn, xem thử chết tươi dưới tay nàng như thế nào. Thật ra, với giọng Huế của nàng thì huyền, sắc, hỏi, ngã gì cũng thành nặng ráo trội. Dù vậy, chàng thấy nàng quyen-rủ-mảnh-liệt. Chàng thích thú tưởng tượng về lúng túng, cuống quýt của nàng. Chắc nàng sẽ không sửa chàng rằng, rủ là rủ rê, mảnh đi chung với mai... Nhằm nhò gì ba lỗi chính tả, chàng nói sao nàng cũng hiểu cả.

Cứ thế, chàng và nàng cùng nhau viết những dòng, những chữ, ngay cả dấu chấm, dấu phẩy cũng đong đầy hạnh phúc trong câu chuyện cổ tích thật đẹp. Như kết cục của chuyện thần tiên, hoàng tử và công chúa sẽ bên nhau, thương yêu nhau, hạnh phúc cho đến trăm năm, ngàn năm sau, và, sẽ giữ đời cho nhau đến muôn kiếp...

Ví Dụ Hai: Ví Dụ Họ Gặp Nhau Thế Kỷ Này

Xét về văn phạm, trường hợp này có thể xảy ra. Nhưng suy xét những yếu tố khách quan, liên hệ thực tại, câu chuyện vô cùng rắc rối, phức tạp, những khúc mắc dường như vô phương tháo gỡ.

Chàng và nàng đang từng bước đi vào mùa thu cuộc đời. Mỗi người đều có đời sống đúng với chuẩn mực xã hội. Đã là những người lớn, xem như trưởng thành, mà đầu đó trong tâm hồn, họ vẫn như trẻ thơ. Do vài tình cờ đưa đẩy, họ gặp nhau. Họ thấy vui, vì nói cùng ngôn ngữ, phát thanh trên cùng làn sóng. Câu văn cuộc đời của cả hai đều đã trọn vẹn với dấu chấm tròn trĩnh. *Full stop, full và stop.* Như thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã tỉ tê “*Nếu mình chọn đời nhau làm dấu chấm, Mỗi câu văn đâu được chấm hai lần.*” Cả hai không may mắn nghĩ đến một cuộc phiêu lưu nào cả. Khoa học kỹ thuật hiện đại đã tạo điều kiện cho họ gặp gỡ nhau trên liên mạng. Chàng và nàng công nhận rằng máy điện toán là phát minh kỳ diệu nhất của loài người. Họ cười đùa, chọc ghẹo nhau, mà không hề nhận ra sinh hoạt dần thành một thói quen. Ban đầu, là những trao đổi rất bình thường trên liên mạng. Chuyển tiếp thông tin vô thưởng, vô phạt. Những được tính thần kỳ của cây nha đam. Những bài tập thể dục, để tinh thần được minh mẫn, để thể xác được tráng kiện, vân vân và vân vân. Dần dà, họ mong ngóng những điện thư gửi cho nhau. Họ dường như nhung nhớ tác giả của những lá thư. *Tình không chủ ý: tình cờ.* Tất nhiên, khởi đầu là trò chơi nhỏ, vô hại (chứ biết có hại, thì ai lại bắt đầu). Nàng yêu thích giọng ca của một nam ca sĩ. Chàng vờ chê, ông ca sĩ hát, mặt mày nhăn nhó như bị táo bón kinh niên. Nàng bình ông ca sĩ chằm chặp. Phải diễn tả với cả tâm tình như vậy mới tuyệt vời chứ. Chàng bỗng đâm ghen với ông ca sĩ. Bởi ông hay “ru” nàng, những khi nàng khó ngủ “...*đừng bao giờ em hỏi vì sao ta yêu nhau...*” Lời ru đã làm trái tim nàng nhũn ra. Nàng cắt nghĩa, khi xưa đi học, thầy dạy phân biệt chữ ghen và ganh. *Jealous* là lo bị mất những gì đang có. *Envious* là tức bực vì mình chưa có được. Chàng tỉnh bơ, chàng đích thị là *jealous*, chứ không phải *envious*. Vì ý nghĩ của chàng đã đi trước một bước. Nàng bối rối, phản đối kịch liệt. Nghe những bản khoả của nàng, chàng thương nàng hết sức. Dù đôi khi chàng cũng bực cái tính “khó” và “dữ” của nàng. Chàng không thích thấy nét lo lắng nơi nàng. Nhưng chàng buồn rầu hiểu rằng, cả hai đang trong một *jeux interdit*. Tội nghiệp nàng, nàng quỳnh quáng tìm nhiều cố vấn gỡ rối tơ lòng. Từ những cố vấn cao niên người Âu, cho đến những cố vấn đồng niên người Á. Chàng đồng ý để nàng và các vị cố vấn dùng trái tim chàng cho những nghiên cứu về tiềm năng và hệ lụy của đam mê. Nàng trách mình, trách tình cờ oái oăm, trách lung tung, trách tất cả những gì có liên quan đến sự gặp gỡ muộn màng. Bao nhiêu hàng rào, tường thành nàng dựng lên không cản được những tín hiệu con tim chàng gửi đến nàng. Nàng lắng nghe bản nhạc quen “*why don't you come to your senses, come down from your fences - open the gate... You'd better let somebody love you before it's too late...*” Có lẽ, nàng sẽ liên lạc với những trung tâm sản xuất băng nhạc, nhờ họ tìm một nhạc sĩ viết bài Tương Tư 8 tặng cho chàng và nàng. Dù chàng đã có lần ê a:

*Rằng xưa có gã Từ Quan,
Lên non thấy tháp chuông vàng kéo chơi
Rằng nay có gã gan trời,
Hát Tương Tư 4 tặng người vô tâm.*

Nàng chỉ còn biết phản công yếu ớt:
*Vô tâm nhấn nhủ gan trời:
Hát hò cắc cớ, gan thành... pa-tê.*

Nàng cảm ơn tạo hóa đã sắp xếp trái đất có năm châu, bốn bể. Ít ra, yếu tố không gian có thể giảm bớt nhiệt lượng của ngọn lửa đam mê.

Ví Dụ Ba: Ví Dụ Họ Xa Nhau

Ví dụ này đúng ra là hệ luận của ví dụ hai. Nghĩa là phải xem giả thuyết thứ hai có giá trị, thì mới xét tiếp trường hợp này.

Chàng đã bao lần thuyết phục nàng hãy đón nhận những khoảnh khắc hạnh phúc như những ân sủng quý giá của cuộc sống. Chàng nghe tiếng dạ ngọt ngào của nàng, tưởng như thấy được đôi mắt nàng rạng ngời yêu thương. Chàng nhắm mắt, tận hưởng những xao xuyến rất mực đắm thắm. Bỗng chàng giật mình vì tiếng thở dài của nàng. Chỉ mới tưởng tượng đến những giọt nước mắt của nàng, chàng cảm thấy hụt hẫng, như đang rơi, rơi đến đâu chàng không biết, chỉ biết sâu lắng. Sao chàng ghét vị quan tòa trong nàng kinh khủng. Chàng càng nghĩ, càng thương nàng hơn. Tội nghiệp nàng quá sức. Tại sao nàng sợ xuống địa ngục. Ở đó, nàng mới mong hát bài ca hạnh ngộ với chàng chứ. Chàng hát khê “*Em, rơi vào đời tôi, tình yêu em khôn lớn trong dịu dàng...*” Có lần chàng thắc mắc tại sao tiếng Anh lại dùng động từ *fall in love*. Có biết bao động từ khác vô hại hơn nhiều, chứ chữ *fall* hàm ý là tai họa, là... rơi. Chàng vỗ về “*Dù ta có đi trên nghìn thu đắng cay, trên từng nỗi khổn cùng nhưng tình ta biết bao giờ nguôi...*” Chàng có nhiều nỗi đoạn trường. Nàng có lắm mối vắn vương. Cách xa vạn dặm, nhưng dường như cả hai cùng xót xa với những bản nhạc tình buồn ray rứt, cùng cố giấu quanh, giấu quần nỗi buồn của nhau. Chàng cố quên, như lại càng nhớ. Nghe nhạc, chàng buồn nẫu người. Tưởng như nhạc sĩ diễn tả nỗi niềm của chàng:

Nếu không có người cuộc đời trôi về đâu

Nếu không có người mặt đất quá hoang vu

...

Và ta biết một điều thật giản dị

Càng xa em ta càng thấy yêu em.

Nàng tránh không làm điều gì nhắc nàng liên tưởng đến chàng. Nhưng hình ảnh chàng vẫn đây kia trong trí nàng. Cô nghĩ như một trường hợp đơn giản, chàng sẽ nói với nàng “*Xin gửi em một lời chào, một lời thương, một lời yêu, lần cuối cùng.*”

May thay, có một liều thuốc màu nhiệm: thời gian. Như một định luật bất di, bất dịch, thời gian có thể chữa lành mọi vết thương. Với một thời lượng tương tự như chuyện *Tình Già* của cụ Phan Khôi, tính theo tuổi tác khách quan, họ đã thành cụ ông, cụ bà. Nhưng xét theo tuổi tác trái tim, vẫn có thể gọi họ là chàng, nàng.

Một chiều nào đó, khi nắng sang sông, nàng bỗng rộn ràng lục lạo ký ức của mình “*Nhớ tới mùa thu năm xưa gửi nhau phong thư...*” Trong trí nhớ của nàng, mã số của từng “bộ hồ sơ” là nét chữ. Để coi, ngày xưa chàng chỉ dùng điện thư. Nét chữ thông dụng là *arial*. Nan giải! Rất nhiều hồ sơ có mã số loại này. Một tên đồng nghiệp, đã mấy lần thâm hiểm tìm cách đâm sau lưng chiến sĩ. Ô, không phải thư tình hấn gởi cho nàng, mà những dòng chữ gay gắt, hấn chụp mũ nàng, rằng nàng làm việc dẫm chân hấn. Chỉ nghe tên hấn thôi, cũng đủ bực mình cả ngày. Nàng phải cố tìm cách ném hồ sơ của tên này ra khỏi trí nhớ của mình. Hay là thư này, cũng mã số *arial*. Mới liếc qua mấy hàng, nàng toát mồ hôi hột. Đây là cảnh cáo của lão phù thủy kiểm toán nội bộ. Nàng đã linh động trong công việc. Ký giấy đồng ý giải ngân mấy chục ngàn *đô-la* từ hợp đồng tín dụng hàng trăm triệu. Có vậy thôi, lão hoạch hợ, bắt nàng “*phê và tự phê*”, lẳng nhằng kinh khủng. Ua, muốn tìm ra mấy đoạn viết ngắn của chàng, mà chỉ thấy toàn thấy món mắc dịch. Sự bất quá tam, nàng mở bộ hồ sơ tiếp. Đây rồi, mở đầu thư, Thương ơi, Nhớ ơi. Chữ u và o “*đã chiến*” đến bây giờ vẫn còn làm nàng bồi hồi. Sau chữ u và o có dấu hoa thị xinh xinh. Nàng thắc mắc, trí nhớ chàng có vấn đề hay sao mà chàng gọi sai tên nàng. Chàng cắt nghĩa vòng vo. Rằng khi trái tim chàng nghe tên nàng, “*hấn ta*” tự động chuyển ngữ thành thương, thành nhớ. Cặp chữ nào cũng êm tai, nàng liên tưởng đến bài hát “*Thương ơi, Nhớ ơi... ma belle, those are words that go together well.*”

Nàng đọc tiếp thư. Ừa, trình độ tiếng Việt của chàng chỉ gói ghém trong mấy chữ đó thôi. Còn lại, chàng viết tiếng Anh. Chàng còn cả từng rằng, chàng viết tiếng Anh, nàng viết tiếng Em. Thiệt là hợp lý! Nàng có nghề tay trái là thông dịch. Nàng thường đi thông dịch cho tòa án và cảnh sát. Chủ yếu là các trường hợp bị khước từ đơn tỵ nạn, hoặc rút giấy phép cư trú, giấy phép làm việc... Trong bao nhiêu năm hành nghề thông dịch, nàng chưa gặp trường hợp nào liên quan đến tình cảm. Bởi thế, văn dịch của nàng mang nặng tính hình sự. Không chừng, những *love letters* ướt át của chàng, trở thành... *blackmail* qua bản dịch của nàng. Coi như mới “nhất sao” đã “thất bốn”. Vậy, làm sao mà “*đọc lá thư xưa, một trời luyến tiếc*” được. Đó, phải chi hồi xưa, chàng thấy thiện chí của nàng, giúp chàng tập viết. Chàng chỉ quanh quẩn ngại biện rằng, viết tiếng Anh cho nhanh, cho tiện. Xài bàn phím riết, không biết cầm cây viết ra sao... Nàng đã chẳng đề nghị chàng ghi danh chung với mấy đứa cháu nội, ngoại vào các lớp mẫu giáo để tập viết. Có công mài sắt có ngày nên... kềm gai (đó là tục ngữ của chàng. Nàng không có văn chương cả khía như vậy). Nàng rất muốn “*cho yêu thương đó, em còn được giữ trong tâm hồn rất lâu*”. Mà chàng không tạo điều kiện cho nàng nhận diện “hồ sơ đặc biệt”. Trí nhớ của nàng lại dở, cứ cứng nhắc theo những nguyên tắc có sẵn, không có ngoại lệ nào cả. Uống chưa, nàng cứ tưởng những lá thư “điên nặng” gõ ghè đó sẽ có chỗ đứng đáng kể trong ký ức của nàng. Biết làm sao hơn. Chàng ơi! Luòi một ly, đi một dặm.

Ví Dụ Bốn: Ví Dụ Họ Không Bao Giờ Gặp Nhau

Quả là một giải pháp tối ưu. Thật ra, trường hợp này xác suất xảy ra cao nhất. Cả hai đã sống bao nhiêu năm trong tình ly nhỏ xíu. Nơi mà, đi hai, ba phút đã về chôn cũ. Khi còn nhỏ, chị thường đi ngang qua nhà anh, mỗi khi đến trường. Chị biết nhiều bạn bè của anh. Anh cũng nhìn mặt nhiều bạn bè của chị. Lớn lên, anh hay lảng vảng tìm bóng hồng gần góc trường của chị. Anh thường xuyên có mặt ở khuôn viên đại học của chị. Bao nhiêu cơ hội như vậy, vẫn không thấy nhau, quả đúng là vô duyên. Thế thì làm sao tương ngộ được.

Chị cùng gia đình đi du lịch xứ xa. Buổi sáng, gia đình chị cùng gia đình người bạn ngồi trong nhà hàng, chờ những bún bò, bánh bèo đầy hứa hẹn cho buổi điếm tâm tuyệt hảo. Gia đình anh bước vào tiệm. Anh đưa vợ con an vị nơi bàn bên cạnh. Người bạn vẫy vẫy, chạy đến anh, bảo, tuần này bận, hẹn tuần sau. Khách khứa về, sẽ qua nhà anh uống bia, tán gẫu. Chị lơ đãng nhìn những thực khách bàn bên cạnh. Thấy họ có vẻ dễ mến, nhưng hoàn toàn xa lạ. Chị tự hỏi, phải chăng đó là hình ảnh tiêu biểu của một *American dream*. Ít ra là giấc mộng vàng của những người Việt tha hương nơi xứ này. Chị nhìn băng quơ tấm thực đơn to tướng trên tường. Nghĩ thâm, ăn phở xong mình sẽ tráng miệng ly chè ba màu. Rồi thôi.

Chị tận hưởng những ngày hè thật vui với gia đình. Chị bớt thành kiến với những người dân xứ hợp chúng. Trước đây, chị dám láo lếu, cho rằng đời sống văn hóa của họ không phong phú bằng dân lục địa chị ở. Hết nghỉ phép, chị trở lại với công việc chăm chỉ, năng động. Chị tính toán, hoạch định chương trình du lịch vào lễ phục sinh và vào mùa hè sắp tới...

Cuộc sống của hai thành viên trong số mấy tỉ người sống trên trái đất giữ nhịp bình thường. Bên này của trái đất, chị đều những bước vững vàng trong dòng đời phẳng lặng bên chồng con. Chị dành thì giờ không ngừng tăng cường kiến thức, để làm gì, chị không rõ lắm. Mọi giấc mơ, đúng hơn, mọi dự định cho tương lai, sẽ được thực hiện tuân tự. Không có sự kiện gì làm chị bối rối, bần thần. Chị là trường hợp kiêu mẫu của phụ nữ thế kỷ 21. Khi người khác trầm trồ về sự toàn hảo của đời chị, chị vờ khiêm nhường cảm ơn. Nhưng nói thâm, tôi mà, đâu phải ai.

Chị vẫn thường nghe nhạc như một thói quen đã ăn rất sâu vào xương tủy của chị. Nhưng nghe nhạc luôn là hoạt động song song với xếp áo quần, rửa chén, nấu cơm... Chị nghĩ, chỉ ngồi nghe

nhạc hoặc xem phim là... phi sản xuất. Người chị đa đoan, trăm công, ngàn việc, phải sử dụng thời giờ thật hữu hiệu. Chị đã học được tính tốt (?) này của người Âu châu.

Đôi lần hiếm hoi trong dòng đời bận rộn, chị có lúc nghĩ vẩn vơ *mình nhớ ai mà buồn chi lạ...* như lần chị đi dự đêm nhạc thánh phòng. Lòng chị xôn xao, khi nhạc sĩ trình bày một nhạc phẩm tâm đắc nhất của ông, giấc mơ tình yêu vĩnh cửu. Chị “cảm” bài hát, mà chỉ nhớ mỗi câu đầu tiên. Nhưng chị không có ý định tìm hiểu thêm về bài hát. Giấy phép hoạt động của con tim đã hết hạn từ lâu. Chị chẳng nghĩ đến việc gia hạn giấy phép. Phút bồi hồi nhanh chóng đi vào quên lãng.

Chị ra khỏi xe buýt, cùng với dòng người, đều chân tràn vào các khu văn phòng gần công viên Xanh và hồ Băng Giá. Trời đã lập đông, cây trụi lá. Chị đi vòng qua cây cầu nhỏ, nhìn hàng cây, tự dung chị nhớ đến câu hát chị rất thương, có lẽ do đã được sửa đi một chút *những cây ghi dấu ngày em đến, đã cần khô vì nỗi nhớ thương...* Chị chợt muốn đi dạo một vòng trong công viên, ngắm trời đất chuyển mùa. Chị nhìn đồng hồ. Mười phút nữa chị có buổi họp qua điện thoại, chuẩn bị cho chuyến công tác dài ngày sắp tới. Sợ trễ, chị hối hả rảo bước vào khu văn phòng. Thầm nhủ, đến tháng tư, cây sẽ đâm chồi nảy lộc. Chị không để ý ngọn gió đầu đông đã về, báo tin mùa buốt giá sẽ đến, rất nhanh...

Bên kia của trái đất, anh là mẫu người lý tưởng của thời đại. Tiếp tục thăng tiến trong công ăn, việc làm, đạt được những kế hoạch, mục tiêu đáng kể, bao người trầm trồ. Sự nghiệp vững chắc, gia đạo yên vui. Trái tim anh thảnh thơi lười một nhịp. Ví dụ như khi anh thấy cô ca sĩ xinh xinh, có răng khểnh ca những bài hát về Hà Nội. Nhưng tim anh nhanh chóng vẩn hồi trật tự.

Anh thường nghe nhạc Việt. Lâu lâu thay đổi, anh mở radio nghe country music. Anh không thích những loại nhạc ồn ào, quá phô trương kỹ thuật âm thanh. Anh không lắng nghe mấy câu trong bài *Desperado* để nói với ai, *Give love a chance*. Anh càng không thể tưởng tượng rằng một nhạc sĩ hard rock như Gary Moore lại có những lời ca tuyệt vời, *“I’m always gonna love you, if loving means forever, I don’t think I could ever just forget the love we had...”*

Anh không có khái niệm nhiều về cây cỏ. Có thể anh sẽ liên lạc các nhà vườn chuyên nghiệp, yêu cầu họ thiết trí vườn cho anh, như mọi khu vườn bình thường của đất nước anh đang ở. Anh không biết rằng hortensie là hoa cẩm tú cầu, hay còn gọi là hoa mâm xôi. Anh cũng chẳng hề nghĩ là bụi azalea màu xác pháo bên nhà láng giềng có tên thật đẹp: hoa đỗ quyên.

Anh phải còn cày cấy hai chục năm nữa. Con đường trước mặt anh, rất bận rộn, nhưng xem ra thẳng tắp. Anh rẽ xe vào bãi đậu. Trời đã vào thu, một chiếc lá phong mắc kẹt nơi cây quạt nước. Anh bước ra, gỡ chiếc lá, cầm trên tay. Anh chợt nhớ đến bài hát anh từng yêu thích *“xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em...”* Không phải là trường hợp của anh. Anh buông chiếc lá, tạt tả vào hăng. Ngày hôm nay có mấy cuộc họp quan trọng. Anh không còn thì giờ để nhìn xem chiếc lá còn bay là đà, hay đã nằm chơ vơ đâu đó trên mặt đường?

Hoàng Quân

*Ví Dụ Ta Yêu Nhau của Nguyễn Thanh Trịnh

Trích lời ca trong các nhạc phẩm:

A Time for Us by Andy Williams

Trả Lại Em Yêu của nhạc sĩ Phạm Duy

Lỡ Chuyến Đò của nhạc sĩ Anh Việt

Thuở Ban Đầu của nhạc sĩ Phạm Đình Chương
Như Ngọn Buồn Rơi của nhạc sĩ Từ Công Phụng
Điều Giản Dị của nhạc sĩ Phú Quang
Bài Không Tên Cuối Cùng của nhạc sĩ Vũ Thành An
Lá Thư của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn
Michelle by The Beatles
Lệ Đá lời của thi sĩ Hà Huyền Chi nhạc của nhạc sĩ Trần Trịnh
Tương Tư 4 của nhạc sĩ Mặc Thế Nhân
Khi Người Yêu Tôi Khóc của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh
K Khúc Của Lê thơ của thi sĩ Du Tử Lê nhạc của nhạc sĩ Đăng Khánh
Khúc Thụy Du thơ của thi sĩ Du Tử Lê nhạc của nhạc sĩ Anh Bằng
Desperado by The Eagles
Always Gonna Love You by Gary Moore
Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mười của nhạc sĩ Vũ Thành An

Canada Day và Independence Day

Hai nước Canada và Mỹ có hầu hết những ngày lễ giống nhau. Bên cạnh mùa lễ lớn như Giáng Sinh, New Year, còn có chung nhiều ngày lễ khác như Halloween, Mother's Day, Father's Day, Memorial Day, Veterans (Remembrance Day)... nhưng có hai ngày lễ riêng biệt, đó là Thanksgiving Canada mừng vào ngày thứ Hai, tuần lễ thứ hai của tháng Mười trong khi bên Mỹ mừng vào thứ Năm, tuần thứ tư của tháng Mười Một, và dĩ nhiên ngày Quốc Khánh cũng không giống nhau.

Canada Day, còn gọi là ngày Quốc Khánh của Canada, vào ngày 1 tháng Bảy hàng năm, và lễ Độc Lập của Mỹ là 4 tháng Bảy. Tại bàn nhậu, mấy ông Cà Na Điên gốc Việt há hê nâng ly:
- Quốc Khánh của mình là 1 tháng Bảy, còn của “tụi Mỹ” là 4 tháng Bảy, vậy nghĩa là nước Canada ra đời sớm hơn bên đó! Hahaha...

Có người nói kiêu khác:

- Biết đâu Canada và Mỹ là... anh em, là bà con ruột rà vì hai ngày Quốc Khánh liền kề nhau!

Bà chị tôi bên Texas thì nói vui:

- July 1 hay July 4 có khác nhau là bao, nhập hai nước thành một luôn cho rồi, cho gia đình chúng mình khỏi bị cách ngăn.

Nghe vậy, nhiều người trên bàn nhậu hoặc bàn tiệc karaoke nhao nhao phản đối:

- Nhập sao được mà nhập, nước nào ra nước đó chứ!

- Canada là đất nước hiền hòa yên bình, còn xứ Mỹ được tự do mua súng đạn nên lâu lâu lại có kẻ buồn tình buồn đời ra ngoài... xả đạn cho bót xì trét. Mới đây vụ xả súng ở trường tiểu học bên Texas nữa kìa! Nguy hiểm quá, có ngày bị lạc đạn như chơi, tôi chẳng ham!

- Mỗi lần tui du lịch qua châu Âu, khi nhân viên hải quan nhìn passport Canada là nở nụ cười thân ái thoải mái đón chào, còn nghe nói thấy passport Mễ là họ... lạnh lùng, phớt tình Ắng Lê!
Nhưng cũng có những người khách quan hơn:

- Dù gì thì chẳng ai có thể phủ nhận Mỹ là cường quốc được (hay bị) cả thế giới nhìn ra ngó vào, còn Canada chính sách đối ngoại hiền hòa hơn, mềm dẻo hơn, và nói chung nước nào cũng có cái hay cái dở của nó, tùy theo hoàn cảnh và quan điểm cá nhân của từng người thôi.

- Sở dĩ nước Mỹ bị... ghét vì nước Mỹ giàu, nước Mỹ giỏi, cũng giống như xã hội mình nè, hễ ai đẹp ai tài giỏi thì chắc chắn có nhiều... kẻ thù, đúng hông quý vị ?

- Hãy nhìn về Việt Nam thì rõ, các cán bộ tuyên truyền của “đảng” luôn miệng chê bai Mỹ, chửi bới Mỹ, khoe thành tích “chống Mỹ năm xưa”, nhưng thử hỏi có tên cán bộ nào không có con, cháu đang du học bên Mỹ, làm việc tại Mỹ, thậm chí mua nhà và nhập quốc tịch Mỹ!

Lần nào đề tài này cũng được đem ra tranh luận rất sôi nổi, mỗi người một ý, nhưng cũng may, toàn là bạn bè người quen với nhau, nên cuối cùng cũng là màn cụng ly dzô dzô dĩ hoà vi quý, chia tay ai nấy về nhà, người nào ôm cái tức trong bụng thì... mất ngủ ráng chịu.

Thực ra, có một số trường hợp người Việt ở Canada không thích nước Mỹ vì hồi ở trại tỵ nạn... không được đi Mỹ, hoặc vì nhiều lý do khác nhau, rồi ở đâu quen đó, rồi tìm ra những lý do không hay của nước Mỹ để... an ủi mình.

Mỗi lần rơi vào hoàn cảnh cãi vã xung quanh chuyện Mỹ và Canada, tôi thường im lặng lắng nghe, hoặc ra tay giảng hòa, vì biết nói sao khi cả gia đình tôi ở bên Mỹ, nói không khéo là bị bầm dập á. Đó là chưa kể, họ chưa biết tôi đang tham gia cuộc thi Viết Về Nước Mỹ của Việt Báo. Nếu có kẻ “quá khích” hăm dọa vì tôi... cả gan viết về nước Mỹ trong khi đang ăn cơm Canada chắc tôi phải nộp đơn xin “tỵ nạn” bên Mỹ chứ sao! Nói đùa cho vui, dân Việt mình hiền khô, miệng nói thế này thế kia, nhưng trong lòng đâu có “mean” như vậy, đất nước nào là quê hương thứ hai của dân Việt tỵ nạn, có dân chủ tự do, tránh xa Cộng Sản Việt Nam, đều rất đẹp, đều đáng yêu, ở đâu quen đó mà thôi!

Nhỏ bạn thân của tôi đã từng cười chọc quê tôi, cảnh báo:

- Nhà ngươi là dân Canada mà bày đặt bon chen viết về nước Mỹ, ca tụng nước Mỹ, hồng sợ có ngày bị... goánh sao?

Tôi đáp:

- Ai biểu bên đây không có cuộc thi Viết Về Canada? Mà tui có kỷ niệm với nước Mỹ, có gia đình bên Mỹ, thì tui viết, mắc mớ gì... goánh tui!

Nói gì thì nói, tôi vốn là người... yếu bóng vía, nhát gan, nên trong các lần tranh cãi về chuyện Mỹ và Canada, có lần tôi phải lớn tiếng đồng dục, kể cho mọi người nghe lịch sử Canada:

- Em nghe nói thừ xa xưa “đế quốc Mỹ” đã từng có ý định thôn tính Canada xinh đẹp của chúng mình đấy! Nhưng toàn quân toàn dân Canada đã quyết tâm đoàn kết, anh dũng chiến đấu đánh đuổi quân Mỹ ra khỏi biên cương, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ...

Nhờ câu nói này mà tôi được mọi người nhìn với ánh mắt thân mến, không bị... “kỳ thị” nữa.

Trở lại chuyện Canada Day, mỗi năm đến ngày này, trên Facebook lại lan truyền một clip ngắn gọn, hài hước, dễ thương để chọc phá người “láng giềng Mỹ”. Trong clip là hai căn nhà kế bên nhau, một bên là dân Mỹ, một bên là dân Canada. Đến ngày Canada Day, nhà bên Canada ra ban-công giăng hoa, treo cờ, bong bóng rộn ràng. Thấy vậy, ông Mỹ hàng xóm ghé mắt qua dòm, tò mò:

- Tụi bay làm gì dzậy?

Ông Canada vênh mặt:

- Chúng tôi ăn mừng ngày Canada Day!

Ông Mỹ nhíu mày:

- Ca-Na-Da Day? Là cái quái gì thế?

- Cũng giống như July 4 của bên ông đó, bên này là July 1...

- Nhưng July 4 của Mỹ có nhiều lý do để ăn mừng: nước Mỹ có Eagel, có Freedom, có KFC ...

Còn tụi bay có gì mà ăn mừng ?

Bấy giờ ông Canada mới thông thả, nháy mắt dí dỏm đầy hãnh diện:

- Tụi này có nhiều lắm, kể sơ sơ thôi nha: thứ nhất, tụi tao có chương trình y tế toàn dân, khi tụi tao bị gãy chân vẫn có thể ung dung ăn snack trong khi ngồi chờ ở ER; thứ hai là Metric System, hầu như cả thế giới đều xài, trừ... tụi bay; tiếp đến là món poutine là hỗn hợp của gravy, french fries, and cheese curds, nếu thiên thần trên trời mở food trucks thì bảo đảm sẽ có món poutine độc nhất vô nhị tuyệt vời này đây; ngoài ra tụi tao có real beer, không phải yellow water nhé, ... còn nữa nhưng mà thôi. À quên, phải kể đến môn thể thao Hockey, chúng tôi khai phá ra môn này trước tiên và hiện nay vẫn chơi giỏi nhất...

Ông hàng xóm Mỹ nhanh nhẩu ngắt lời:

- Nhưng American teams mới là đội chiến thắng Stanley Cup! Năm nay 2022 Canada bị loại khỏi Stanley Cup rồi đó cưng!

Ông Canada hơi... quê, nhưng đáp ngay:

- Đúng thế, American Teams nhưng Canadian Players! Còn cái vụ KFC tụi bay tự hào, tao nói nhỏ cho nghe nè, Colonel Sanders sống ở Canada từ năm 1965 đến 1980 đó ghen cưng!

Trong lúc ông Mỹ đang tẽn tò thì hàng xóm Canada tấn công thêm “quả” cuối cùng:

- Ô, cũng có thứ bên Mỹ có mà tụi tao hông có ...

Ông Mỹ mừng rỡ:

- Phải thế chứ! Cái gì nào?

- Đó là đồng tiền các pennies! Tụi tao đã bỏ cái đám lộn xộn leng keng làm nặng bóp đó từ lâu rồi!

Ông Mỹ lúc này hết dám... cãi, liền tươi cười, giơ ngón tay cái lên, vui vẻ:

- Yah yah! Chúc mừng Canada Day nha!

Ông Canada cũng tỏ tình thân mến:

- Còn ba ngày nữa là July 4, tui cũng chúc mừng Independence Day tới ông và nước Mỹ luôn nha!

Dĩ nhiên, ai cũng biết đó là clip chứng tỏ máu hài hước của dân Canada. Có lẽ vì là hàng xóm thân quen, sát vách nhau, dân hai bên biên giới qua lại như một nhà vì cùng chung ngôn ngữ và chung nền văn hoá Bắc Mỹ, nên người Canada và Mỹ khoái... chọc quê vui vẻ lẫn nhau.

Nhớ hồi bầu cử Tổng Thống mấy năm trước đây, khi bác Trump trong chiến dịch quảng cáo có những chiếc nón màu đỏ in slogan: “Make America Great Again” thì bên Canada cũng cho ra đời những chiếc mũ màu đỏ nhân ngày Canada Day với hàng chữ: “Canada is already Great!” (hèn chi trong nhiệm kỳ bốn năm Tổng Thống Trump hông thêm qua thăm Canada). Sau đó, trong giai đoạn tranh cử nhiệm kỳ hai của Trump, um xum chuyện bỏ phiếu gian lận giữa hai phe Dân Chủ và Cộng Hoà, chuyện BLM ồn ào, dân Canada lại vui vẻ kể nhau nghe câu chuyện: Cũng hai ông hàng xóm liền kề Mỹ và Canada trong câu chuyện trên, lần này ông Mỹ được dịp móc lò dân Canada:

- Ê Canada! Đất nước tụi bay sống êm ả, “boring” quá hen, chẳng có “điểm nhấn” gì ráo trọi, vậy tụi bay làm gì để giải trí ?

Ông Canada bóp chát không cần suy nghĩ:

- Tụi tao xem kịch... bầu cử và kịch... BLM của tụi bay!

Nói gì thì nói, Mỹ và Canada vẫn là hàng xóm với nhau rất hoà bình. Chiến tranh thuở ban sơ mới lập quốc chỉ là chuyện xưa lác xưa lơ, đã đi vào quên lãng. Hai nước dính liền nhau, gần gũi vô cùng, tuy chính sách ngoại giao, kinh tế, chính trị, xã hội... có thể khác biệt, có chút mâu thuẫn cũng là chuyện thường tình. Ngoại trừ một vài trường hợp cá biệt, tôi lạc quan mà nói rằng, đa số dân “Cà Na” gốc Việt hay gốc da trắng đều yêu mến nước Mỹ, cũng gần như yêu mến bài Quốc Ca “O Canada” và xứ Lá Phong dẫu yêu. Các anh chị tôi bên Mỹ rất yêu bài Quốc Ca Mỹ “The Star-Spangled Banner” và cũng mến xứ sở Lá Phong Canada. Riêng ông xã tôi còn

thuộc luôn cả điệu nhạc và lời Quốc Ca Mỹ, vì anh ấy mê thể thao, mà giải nào cũng có... đội Mỹ thắng, nhất là Olympic, đội Mỹ thắng ào ào như vũ bão, nên có phần trao giải, vinh danh lá cờ và Quốc Ca hung dũng vang lên, nghe riết rồi... thuộc luôn hồi nào hồng hay. Bởi vậy bà chị tôi cũng... có lý, khi từng mơ ước nhập cả hai nước với nhau cho... tiện bề sổ sách!

Mà suy cho cùng, Canada Day, Independence Day, 1 tháng Bảy và 4 Tháng Bảy có cách xa là bao!

Kim Loan

Edmonton, Canada Tháng 7/2022
